

I THÁNG 12 NĂM 1969

# BACH KHOA

*năm mười ba* T H Ờ I - Đ Ạ I

TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG *kỳ thị địa phương* \* PHẠM  
VIỆT CHÂU *Mỹ và Đông Nam Á* \* HOÀNG SỸ QUÝ  
*những bình diện sinh hoạt của tính dục* \* LÊ  
HƯƠNG *một nghề phát đạt nhất của dân Cao  
Miên* \* NGUYỄN HIẾN LÊ *người đã « bị cực hình  
về bút và mực » : Honoré de Balzac* \* CUNG GIỮ  
NGUYỄN *toán số với cần khôn : tính xác suất* \*  
PHẠM VIỆT TUYỀN và NGUYỄN VĂN TRUNG *nói về  
hội nghị Văn-bút quốc tế ở Menton* \* ĐỊNH NGUYỄN  
Bằng và N \* LÊ TÂM *nửa lon gạo* \* NGUYỄN THÁI  
YÊN CHI *cho thân thôi lưu đày chốn đày* \*  
TỪ TRÌ *thời sự thế giới* \*  
SINH HOẠT *thời sự khoa  
học* \* *thời sự văn nghệ* \*

310





# SINERGYL

SIROP

## *Réparateur biologique*

- Stimule la croissance
- Accroît le métabolisme azoté
- Retarde les manifestations de la sénescence

- *associe* :
- L-LYSINE
  - VITAMINES (B1 - B6 - PP et C)
  - PANTOTHENATE DE CALCIUM
  - GLUTAMATE DE SODIUM.

**PRÉSENTATION** : Flacon de 150 ml.

**POSOLOGIE** : 1 cuillerée à soupe 1/4 d'heure avant les 2 principaux repas.

Emplir le gobelet de SINERGYL Sirop jusqu'au trait inférieur (équivalent à 1 cuillerée à soupe) puis d'eau jusqu'au trait supérieur.

---

**LES LABORATOIRES DE L'I.S.H.**

97, Rue de Vaugirard - PARIS (6e)

---

**ROUSSEL VIETNAM - 6, Dai-lô Nguyễn-Huê - SAIGON**

---

Distributeur : **PHARMASIA - 246, Rue Công-Quynh - SAIGON**

---



# B Á C H

## K H O A      T H Ò I - Đ A I

số 310 ngày 1 - 12 - 1969

TA-CHÍ ĐẠI-TRƯỞNG <i>kỳ-thị địa phương</i>	5
PHẠM VIỆT CHÂU <i>trăm Việt trên vùng định mệnh : Mỹ và Đông-Nam-Á</i>	11
Hoành Sơn HOÀNG SỸ QUÝ <i>một cái nhìn Đông-phương về vấn đề Tịch-dục : những bình diện sinh hoạt của tịch dục</i>	21
LÊ HƯƠNG <i>một nghề phát đạt nhất của dân Cao Miên : Bán thực phẩm vật dụng cho quân đội Việt Cộng</i>	25
NGUYỄN HIỂN LÊ <i>người đã « bị cực hình về bút mực » : Honoré de Balzac</i>	31
CUNG GIỮ NGUYỄN <i>toán số với cần khôn : Tính xác-suất.</i>	41
PHẠM VIỆT TUYỀN và NGUYỄN VĂN TRUNG <i>nói về Hội nghị Văn bút quốc tế ở Menton</i>	49
ĐÌNH NGUYỄN Bằng và N. (truyện ngắn)	57
LÊ TÂM <i>nửa lon gạo</i> (truyện ngắn)	63
NGUYỄN THÁI YÊN CHI <i>cho thân thôi lưu đày chốn đây</i> (truyện ngắn)	67
<b>SINH HOẠT</b>	
TỪ TRÌ <i>thời sự thế giới</i>	70
ĐẶNG TẤN TỚI (tơ)	75
TỬ DIỆP <i>thời sự khoa học</i>	76
TRÀNG THIÊN, MINH QUÂN <i>thời sự văn nghệ</i>	79

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU

Tòa soạn :

160, Phan-Đình-Phùng Saigon

Điện-thoại : 25.539

H. T. 339 Saigon

In tại nhà in TƯƠNG-LAI

133, Võ-Tánh Saigon

GIÁ : 40 đ Công sở : giá 80 đ

Cao Nguyên và Miền Trung :

thêm cước phí máy bay

# HỘP THƯ

Tạp chí Bách Khoa đã nhận được những bài của quý bạn sau đây:

Hoàng Hôn, Nguyễn Tường Văn, Hồ Văn Dương, Hồ Ngọc Ngũ, Nguyễn Lệ Uyên, Lê Văn Trung, Tường Ngọc, Lê Bá Lăng, Lạc Phúc, Tử Du, Hoàng Xuân Sơn, Đặng Hữu Đạo, Phan Đình Dương, Nguyễn Kim Phương, Tôn Thất Hy, Nguyễn Vy Thuý, Nguyễn Dục.

Xin trân trọng cảm ơn quý bạn. Những bài nào đăng được, chúng tôi sẽ trả lời bằng thư riêng hoặc nhắn tin trên mục Hộp thư này trên hai số báo tới đây.

— Ông Chu Minh Thuy (Định Tường) Đã nhận được bài «Máy đánh chữ xưa và nay» Sẽ đăng trên Bách-khoa trong những số tới.

— Ông Hoàng Ngọc Châu (Blao) Sẽ gửi thư riêng đến anh.

— Ông Chu Ngọc Vũ (Hội An): Đã gửi thư hội ý với ông về các truyện gửi về tòa soạn.

— Ông Trần Hoài Thư (Quý Nhơn) Mong truyện và thơ của anh cho số báo Tết.

— Ông Linh Phiên (KBC 4958) Xin ông gửi cho những sáng tác khác.

— Phương Di Xin cho biết tên thực và địa chỉ hiện tại để Tòa soạn tiện liên lạc và xin gửi thêm những truyện khác nữa.

— Ông Phạm Cao Hoàng (Phan-Thiết) Đã nhận được mấy bài thơ của anh. Sẽ đăng «Cho những con đường

theo biển» và lựa đăng những bài khác.

— Ông Nguyễn Văn Quan (Vĩnh Bình) Sẽ đăng «Những tề đoan thi cử» vậy xin tin để ông rõ.

Ông Pha Phụng Thạch. Sẽ đăng «Mùa thu ở Huế» và xin anh gửi tiếp về các bài cho số Tết.

— Về các bài gửi cho Bách khoa số kỷ niệm 13 năm và số Tết: Năm nay số kỷ niệm 13 năm cũng là số Tết Canh Tuất, sẽ ra vào ngày 15/1/1970 như thường lệ. Số tân niên sẽ ra ngày 15/1/70. Vậy các bài về số Tết và số đầu năm xin quý bạn gửi về Tòa soạn trước ngày 20/12/1969. Xin đa tạ. Tòa soạn Bách Khoa.

— Về sự lộn trang ở số này: Trên Bách-khoa số này (số 310) vì nhà in lên khuôn để lộn trang nên trang quảng cáo B.N.P xen vào giữa bài: «Một cái nhìn Đông phương về vấn đề tính dục» (trang 20 và 21 lộn nhau). Vậy xin cáo lỗi cùng Linh mục Hoàng sỹ Quý và quý bạn đọc.

## ĐỊA CHỈ MỚI

★ Tạp chí xuất bản MẶT ĐẤT Từ nay mọi liên lạc với Nguyễn-Đức-Son và tạp-chí xuất bản Mặt Đất xin gửi bằng bảo đảm để tên Ông Lê-Mong 68 Phạm Phú Quốc, Blao, nhờ chuyển giao.

★ Nhà xuất bản CA DAO

Từ nay xin liên lạc theo địa chỉ sau đây: Hoài - Khanh, 235 Đề Thám Saigon.

## Kỳ thị địa phương

Một chuyện của sách Quốc văn Giáo khoa thư xưa — hình như lấy từ một bài văn Pháp—kể rằng có anh chàng đi năm châu bốn biển về được hàng xóm láng giềng đến thăm và hỏi xem theo tầm kinh lịch của anh qua cuộc du lịch dài đó thì phong cảnh nơi nào là đẹp hơn cả. Câu trả lời thực là dứt khoát : «Quê hương». Con người đáng mến kia đã đem cả nỗi xúc cảm trong lần đầu gặp lại những bóng dáng quen thuộc để trả lời một câu hỏi chắc hẳn vốn là mong đợi bày tỏ một phán đoán khách quan. Những yếu tố gây kích động thực ra cũng không phải từ cái gì đặc biệt lắm : một mái nhà, dãy hàng rào, phần đá đứng độ nước rửa chân, tiếng ồn bên hàng xóm... Có một thói quen mê luyện tập thành qua giác quan và nằm sẵn trong tiềm thức mà điều khiển tư tưởng, hành động.

Chiến tranh đã xô đuổi nhiều gia đình từ thôn quê đến thành phố, từ tỉnh lẻ lên thủ đô. Những người già thực khổ tâm khi phải chọn lựa. Thường thì ảnh hưởng của quá khứ quyết định : «Thôi, bây giờ cứ đi đi. Tao già rồi, chết ở đây cũng được. Ở đây còn có mồ mả ông bà chớ đi lưu lạc, chết đường chết sá, chừng nào nằm xương tàn mới được về xứ!» Rồi khi phải bắt đực di theo con cháu trôi dạt, thỉnh thoảng trong gia đình lại nghe những lời phiền hà : «Miếng thịt ở đây thấy mà hết muốn nuốt, con cá lạt

lạt không có vị gì hết. Không bằng...». Quả có đúng một phần. Con cá nằm trong nước đá trên ghe chài, ép mình trong giỏ trên máy b y hay xe đồ làm sao tươi được bằng con bắt từ dưới nước lên còn dây bành bạch trong thúng chài? Bọn con cháu kiếm sống quần quật nơi người khôn của khó nào đâu đủ thì giờ để kho nấu đủ vị đậm đà như thời thông thả xưa ?

Quê hương, xứ sở của cụ già xa xứ đó bây giờ là những hình bóng mờ nhạt qua nỗi luyện tặc một con cá tươi, một nhúm rau thơm trong khoảnh vườn tự tay bón xới.

Giới hạn quê hương của một số đồng người khác cũng không rộng hơn là mấy: đó là giới hạn của lũy tre xanh, của một khoảng đồng vừa cho một buổi làm đi, về không sớm, không muộn. Đó là giới hạn những lễ lối sống quen thuộc được chấp nhận để loại bỏ những kẻ lạ mặt, được gọi là những *kẻ ngụ cư*. Cho dù sinh sống ở một nơi đã nhiều đời, một dân ngụ nếu không xin được một nghi thức tiếp nhận tối thiểu nào đó của cộng đồng thì vẫn không được coi nơi này là *chánh quán*. Đó là không kể trường hợp anh ta vẫn *tự nhận* là kẻ lạ mặt của cộng đồng để vẫn gởi tâm tưởng về một chỗ gốc gác nào đó mà anh ta chưa hề đặt chân trở về nên không có nổi một hình tượng nào trong đầu óc cả.

Có người cho rằng sự khăng khăng có một phần cố chấp đó đã tạo nên lòng yêu nước. Nhưng không phải sự phủ nhận kẻ khác cộng đồng không đem lại những kết quả tiêu cực cho một sự kết hợp rộng lớn hơn, trên bình diện quốc gia chẳng hạn. Trong tương quan giao tiếp của con người, ngôn ngữ đóng vai trò nối kết cảm thông quan trọng. Các thổ ngữ của xứ Trung hoa rộng lớn mệnh mông không là một trở ngại lớn khi văn minh Trung hoa có được Hán tự làm phương tiện truyền bá vượt địa phương. Nhưng với những tiếp xúc biểu thị bằng lời nói thì cho dù cùng chung một ngôn ngữ, những âm giọng khác nhau cũng là một điều kiện khác biệt đáng lưu ý. Người ta quý cả âm giọng của địa phương mình đến nỗi coi kẻ khác xứ giả giọng như là đã phạm vào một lỗi nặng nề: "Chửi cha không bằng pha tiếng".

Xác nhận như vậy rồi mà người ta vẫn cứ «pha tiếng» để nhạo báng người khác xứ thì đủ rõ người ta cũng còn coi sự khác biệt âm giọng như là một tiêu chuẩn để đo lường giá trị. Dân một vùng biển hẳn đã hơn một lần khó chịu khi nghe: "Bắt con cá gô bỏ cong gô" hay "xuống dưới giả, gặp ông xã mang cái trả..." v.v.. Cũng gì không thấy rõ nỗi khó chịu đó mà một chính khách xốc nổi đã phải chịu ép mình xin lỗi về hai tiếng «théc méc» tuôn ra trong một phút vui đùa!

Thực ra trong vấn đề giao tiếp, ngôn ngữ là yếu-tố ngăn cách đầu tiên nhưng không phải là không vượt qua được. Có khác tiếng, người ta học tiếng của nhau, có khác giọng, người ta nghe quen giọng của nhau. Miễn là có điều kiện để sự giao tiếp được mật thiết, liên tục.

Điều kiện địa dư là một yếu tố ngăn cách đáng kể. Trong tập đoàn nói tiếng Việt, những người ở miền Bắc và miền Nam *tương đối* không có âm giọng khác biệt nhau là mấy với đồng bào trong vùng. Có lẽ miền châu thổ bằng phẳng của 2 con sông lớn là yếu tố quyết định của sự đồng nhất đó. Còn dài dài giữa 2 lưu vực Bắc Nam là các khoảnh đồng nhỏ, có núi cắt khúc, che dấu những đám dân biết rõ qua giọng nói là mình đúng dân "Nghệ Tĩnh", "Bình Trị Thiên" hay «Nam Ngãi», «Bình Phú» v.v...

Vượt cái giới hạn địa danh, người ta còn thay v o bằng các tên dân «cá gô», dân «théc méc, cãi cọ», dân «nẫu»... Bởi vì khi tập hợp vào một khu vực trong chiều lịch sử, tập đoàn ở đây cũng đã tạo thành một cá tính cho mình, trong tương quan tiếp xúc với các khu vực khác. Đất cằn sỏi đá tạo nên nếp sống «cá gô» thì cũng đào tạo luôn tính chất cần cù, kiên quyết. Người ta khó chịu với cái lối co cứng, tra lý sự nhưng cũng phải nhận rằng tự sự bướng bỉnh đó đã nảy sinh những phản kháng, chống đối cận đại đã góp phần giữ gìn cho dân tộc còn tồn tại. Người ta đùa với tiếng «nẫu» tức cười, nhưng có người còn nhớ rằng từ ngữ đặc dị này đã chứng tỏ một sinh hoạt tập thể, có tổ chức làm đầu mối gây nên biến động vĩ đại ở hậu bán thế kỷ 18! Điều kiện lịch sử đã là yếu tố lớn lao tạo dựng địa phương tính vậy.

Cho nên câu vè:

*Quảng-nam hay cãi*

*Quảng-ngãi hay co*

*Bình-định hay lo*

*Thừa-thiên ních hết*

Không thể xuất hiện vào thời Tây

Sơn lừng lẫy. Xứ thang mộc ấp của triều đại khởi loạn chỉ phải cúi đầu khuất nhục khi đầu chúa của họ làm bình đựng nước tiểu trong thâm cung của nhà Cựu Nguyễn được phục thù. Những cuộc săn đuổi con cháu kẻ phản nghịch, biện pháp chia lại ruộng đất để hủy bỏ dấu vết đặc quyền nào còn sót lại lúc Tây Sơn đặc thế, cái mũ « phục hưng Ngụy Tây » sẵn sàng chụp cho bất kỳ cuộc phản kháng nào. Đó là những bằng chứng cho thấy dân chúng trong vùng không còn con đường chọn lựa nào khác hơn để yên thân là lặng yên chịu đựng, là vơ vét tài sản hồi lộ cho đám quan quyền mới, xuất thân từ địa phương của người chiến thắng.

« Một người làm quan, cả họ được nhờ ». Huống hồ là cả họ làm vua ! Nào phải là chuyện lâu la gì ! Mới đây, dưới thời Tổng Thống Diệm, người ta vẫn rỉ tai với nhau rằng điều kiện cần và đủ để tiến thân gồm vào trong 2 chữ T, T. Chữ T trước chỉ « tiền », tiêu chuẩn quốc-tế của sự thành đạt. Chữ T sau chỉ « Trung », miền Trung, rõ hơn là dân xứ Huế (chỉ tội cho dân các tỉnh khác !)

Thực ra sinh ở xứ nào không phải là điều cá nhân có thể tự chọn cho mình được. Nhưng đã làm dân xứ được ưu đãi, người ta không thể từ chối đặc quyền không hưởng và do đó cũng không tránh được khỏi làm đích cho những ganh ghét, bỉ báng từ các kẻ bị bạc đãi, kém may mắn. Cho nên, dân Bình-định, sau khi dọn cả của cải đem cho quan tôn-thất rồi thì về nhà nói lén với vợ con:

*Bình định i .. to,  
Thừa-thiên nich hết.*

Thế rồi thời kỳ đặc quyền đã qua mà nếp sống ưu đãi, trên trước thiên hạ không dễ gì xóa bỏ ngay được, nên dân Huế, rõ hơn riêng các dòng quan quyền, tôn-thất, trở thành một đám người kiêu xa, kiêu cách *đáng ghét* trước mắt mọi người. Sự sang trọng lúc trước là điều người ta ngưỡng vọng thì nay vào lúc suy đồi của tập đoàn, chỉ còn là một hình trạng quái gở, lối ăn nói huyênh hoang của các «mệ» đời rách có chút gì tương đồng với mảnh áo dài của người con gái bán thân trên đò.

Quả thực những sự gò bó giữ gìn, những chi tiết nghi lễ biến thành dáng đi, điệu đứng, lời ăn tiếng nói, có tạo ra một nếp sống thuần nhã, cao sang của người xứ Thần kinh, đã gây ra một ước ao, thèm muốn nơi người các xứ xa thô lỗ hơn.

*Học trò trong Quảng ra thi*

*Thấy cô gái Huế chân đi không rời.*

hay : *Thương em anh cũng muốn vô...*

Nhưng hãy cẩn thận. Chàng trai xứ Nghệ may mắn lắm vì có cơ ngăn trở của trường nhà Hồ, của phá Tam giang. Bởi vì cây cối xứ anh có căn cỗi là bởi đất xấu chứ không phải bởi dụng ý dằn ép, uốn nắn như trong các vườn rọp mát bên bờ sông Hương. Chàng trai xứ Quảng đeo đuổi được một cô gái xứ Huế rồi qua bao nhiêu khó khăn, dắt vợ về quê hương mới thấy đôi vai nhỏ nhắn kia không đủ để chiếc đòn gánh đặt lên, đôi bàn tay mềm mại không giữ chắc được chiếc chày giã gạo, đôi chân gót đỏ không hợp với màu bùn đen diu. Và thấy rõ điều đó hơn hết là bà mẹ chồng già còm cõi ngày tháng bên cối gạo, nong lúa :

*Ở ăn guốc dép vào ra,  
Kêu « dâu » cũng lờ, kêu « bà » khó kêu !*

Cho nên thực tội nghiệp một ít cho ông Tổng thư ký Báo Văn ! Dù bằng nguyên nhân chủ quan nào đã gây nên cho ông nhận xét cay đắng về gái Huế đi nữa, phản ứng chặc ít ồn ào hơn nếu không gặp lúc khung cảnh chính trị đang o bế một vùng đất nhiều chống đối, lúc mặc cảm bị bỏ rơi, bị tiêu diệt đang đè nặng lên người dân sau những ngày hỗn loạn, bị đàn áp, bị tàn sát. Đất Thần kinh đẹp để thực ra chỉ dành cho du khách đến rồi đi, vớt tiền mua tấm lòng hoài cổ để hưởng chút thanh thoi băng khuâng, giải tỏa mối mặc cảm cắt đứt quá khứ. Đất Thần kinh mơ mộng chỉ dành cho một phong trào lãng mạn cuối mùa của đám dân thành phố bị bao vây, có không gian để đặt trí tưởng tượng về một "miền thùy dương", một "xứ dân gầy" nào đó khác với khung cảnh chật chội, ồn ào mà họ phải chịu đựng hàng ngày. Trong thực tế, đám dân ở đó đang phải loay hoay trong sự tự tôn thừa hưởng của quá khứ và mối tự ty bị bỏ rơi từ trong hiện tại khiến họ phải chống đỡ, chịu đựng những dè bieu từ các vùng hạng nhì xung quanh mà không còn oai quyền nào để ngăn chặn được.

Chỉ trong khoảng cách vài trăm cây số quanh một kinh đô không lấy gì làm xưa lắm mà sự phát triển đã gây ra những mâu thuẫn địa phương còn ảnh hưởng đến ngày nay, hướng hồ là ở những địa phương nằm tận 2 đầu nước Việt mà sinh hoạt nông nghiệp tựa trên 2 châu thổ phì nhiêu càng tạo nên bản sắc riêng biệt cho cả vùng !

Cứ kể ra ngày thường, nếu có một người nào đó thấy một anh Bắc-kỳ mang lưng xúng loảng xoảng những viên đá lửa, dao đánh đá, thuốc

lào .. mà gọi chung cả đám là dân " cộc cạch nước ", " cộc cạch lửa " thì cũng không có gì quan trọng xảy ra. Người địa phương có lấy địa vị chủ nhân ông mà nhạo báng anh tha phương cầu thực một chút nhưng rồi cũng còn đủ lương tri để anh tự do bương chải và thảnh thơi có dịp lại tỏ cho mọi người biết rằng mình cũng hiểu rõ về " nghĩa đồng bào " lắm ! Chỉ có khác là khi có sự va chạm quyền lợi gây nguy hại cho một bên.

Quyền lợi của một bên có khi chỉ là của một thiểu số không đếm đủ trên đầu ngón tay và mâu thuẫn ngay cả với những người đồng hương của mình nữa. Gặp dịp của những cao trào liên kết quốc gia tràn ngập, ý tưởng co rút phân ly bị dập tắt không chút nhân nhượng. Đó là nguyên nhân thất bại thảm thương của Chính phủ Nam-kỳ quốc những năm 1946. Khẩu hiệu " đả đảo phở tái, chả lụa " khô hài, không gây được tác động mong muốn vì đám phân ly không chỉ được cho người địa phương họ muốn lôi kéo, rằng *đe dọa thực sự đối với tất cả* là từ bọn người xứ kia. Ác hại thay, những người bị đả đảo, cho đến lúc này, vẫn còn là một thiểu số cần cù, chịu khó, mềm mỏng trong sinh hoạt thường ngày như bất cứ người tha hương nào khác. Dưới mắt dân chúng, đe dọa thực sự là khẩu súng, mũi lưỡi lê đang yểm trợ những người đả đảo kia. những tên bán nước không có một bề ngoài hào nhoáng nào có thể che dấu được. Tinh thần ái quốc nồng nhiệt vừa mới tự do kết tụ lại bị đe dọa dập tắt khiến người ta quên cả những dị biệt về náo nức, say sưa đáp ứng đòi hỏi hy sinh chung cho dân tộc.

Tinh thần ái quốc lãng mạn buổi



đầu càng mờ nhạt đi khi những áp lực quốc tế chen vào trong cuộc tranh đấu giải phóng quốc gia khiến dân tộc Việt thấy đất nước chia cắt vào năm 1954. Một mặt sự lựa chọn ban đầu của những người lãnh đạo cuộc kháng chiến làm bít hẳn mọi đường lối hòa giải, không phải chỉ với quốc gia đi xâm lăng mà còn với cả một thế giới tư bản kỹ nghệ nữa. Sự đoi kháng chênh lệch của một nước nông nghiệp với cả hệ thống kỹ nghệ tân tiến hùng mạnh khiến cho bộ mặt Cộng sản Việt Nam có một vẻ âm hồn ghê rợn quá sức chịu đựng thông thường của mọi người. Mặt khác, phương tiện tuyên truyền ồ ạt của tư bản thêm nanh cho con ngáo ộp Cộng sản cùng với khả năng chuyển vận của họ đã khơi nguồn cho một phong trào di cư ồ ạt, nhiều tăm tiếng. (Cứ giả tử rằng người ta sợ Cộng sản đến thất sắc, phải mau mau tìm lối thoát thân mà phương tiện di chuyển chỉ là thuyền chèo bè nữa, thì con số ra đi hẳn không phải như ta đã thấy).

Kết quả là ta thấy ở miền Nam có sự chạm mặt của hai khối dân cư ít nhiều khác tập quán và quan hệ hơn là khác lập trường chính trị. Năm quyền chi phối một cách vụng dại hai khối dân đó là một chánh quyền non nớt kinh nghiệm lãnh đạo cứ sẵn sàng để cho sự việc lôi cuốn đi.

Hãy nhìn khối dân địa phương. Họ vẫn còn ở đấy, lòng nồng nhiệt như 9, 10 năm trước. Sự sung túc giả tạo nhờ chiến tranh trong khu vực chiếm đóng và cái thế bị bao vây trong thành phố nổi náo nức tìm hiểu về bên kia ranh giới bị cấm đoán, khiến cho «dân thành» chấp vá những mẩu chuyện nghe được để tạo ra một hình ảnh lãng mạn về «ngoại-bưng».

Những sự thực về việc «cải cách ruộng đất», «phóng tay phát động quần chúng» được gọt dũa, tô điểm cho thành có thể chấp nhận được với địa phương: một điền chủ thuộc loại đã từng đốt giấy bạc để tìm khăn giai nhân đánh rớt, lúc ở đồng có dụ con gái tá điền rồi bỏ, nay bị bắt quỳ trước mặt mọi người, chịu thú nhận mọi tội lỗi, hứa sửa đổi bèn được tha về (!?), cuộc «đấu lý» ấy nào có gì là khắc khe, không chấp nhận được? Sự tin tưởng có định hướng ấy không dễ gì một sớm một chiều mà xóa nhòa được. Có đình chiến, có đổi vùng, có tập kết, người ta vẫn chỉ thấy đó là những biện pháp *lam thời*. Hai năm nữa rồi sẽ yên hết. Cho nên trong khi sinh viên, học sinh di cư đập phá khách sạn Majestic, đuổi đánh phái đoàn Cộng sản trong Ủy-hội quốc tế, thì âm thầm ở các trường K.T, P.K, các bạn nhỏ vẫn sốt sắng chuyển tay nhau dưới gầm bèn những lời kêu gọi bỏ học «ra khu», đi tập kết!

Chấp nhận những sự thực của đám di cư truền bá ra tức là mất sự tin tưởng lâu nay, mất lẽ sống; người ta trở thành kẻ xa lạ ngay trên đất của mình. Chúng tôi còn nhớ dáng thất vọng tội nghiệp của anh bạn lớn L.Đ khi anh hô hào kỷ niệm Trần Văn Ơn. Anh bỏ P.Ký để sang học chương trình Việt bên Chu-văn-An. Và giữa đám học sinh lao nhao chỉ có một tên làm Trưởng ban Tổ Cộng - hình như người Thanh thì phải — nói chuyện chính trị, còn thì toàn bàn nhau chuyện «bát», đi xi nê... mà anh đem chuyện trò Ơn ra bàn — Trò Ơn là trò nào vậy? — thì tuy thầy giáo có ngưng giảng bài cũng có ai lắng nghe anh được tiếng nào đâu! Anh không đem được điều anh tin tưởng làm cho người khác tin tưởng, anh không gặp sự

lạnh nhạt của những người có tin tưởng đối kháng mà lại gặp sự hững hờ của một tập thể vô tư một cách tội lỗi vì đã không chấp nhận một giá trị mà anh cho là đích thực. Dù sao, anh cũng đã thấy mình thiếu số trên xứ Saigòn anh vẫn sống.

Tôi hiểu nỗi thất vọng, lớn lao của anh khiến anh trở thành bất động trong vai trò trưởng lớp và lộ ra một vài ý tưởng hần học trong những buổi chúng tôi học bài chung với nhau. Mâu thuẫn đó làm cho người ta không lấy làm lạ khi nghe t n một đám học sinh Chu-văn-An đập lộn với dân J.J Rousseau. (Kể này còn nhớ mình có dè dặt đưa ra một vài lời can ngăn mà sợ ăn đòn muốn chết!).

Ồn ào sôi nổi bộc lộ nhất ở đám học sinh, sinh viên vì những người trai trẻ lúc nào cũng thừa sức lực và lý tưởng để hành động. Tất nhiên, mỗi dây điều khiển cũng có thể nằm ở ngoài học đường, từ những tay chính trị chuyên nghiệp. Sự cố gắng tận lực trong giai đoạn chót của chiến tranh bên phía những người Cộng sản kháng chiến khiến dân chúng hậu phương phải chịu những biện pháp ngặt nghèo dữ dội, càng có đáng đe dọa hơn vì tính chất t n nhấn mạnh của nó. Đỉnh chiến giải toả bớt một ít kềm kẹp, đám dân thất súng được cơ hội trốn chạy ra thành phố, một số thị-dân mơ mộng biên-khu vụt bước vào trong thực tế cay đắng của sự tranh chấp quyền hành, lãnh đạo, trong sự cam go chưa hề tương tương được về cuộc chiến. Mừng rỡ hơn hết là các chính trị gia "quốc gia". Hoặc vì lý tưởng, hoặc để bảo vệ mạng sống, từ lâu họ

vẫn hô hào chống Cộng. Nhưng quần chúng không thể chọn lối nào khác như họ đã tự nguyện, rõ rệt hay âm tàng, vì tính chất hiển nhiên của cuộc tranh đấu giải p'ong quốc gia. Các chính khách "quốc gia" — chúng ta chỉ muốn nói những người có lý tưởng — chỉ gặp được sự hờ hững lạnh nhạt, nếu không nói là nghi kỵ về phía dân chúng. Bây giờ, sự thực đã có bằng chứng rằng một xã hội đặt trên căn-bản hướng về Cộng sản — hay dùng chữ của bên kia là hướng về «xã hội chủ nghĩa» một xã hội như vậy cũng cần đến bạo động, đàn áp, cũng có những sai lầm rặng rề đe dọa đến an ninh dân chúng. Các chính khách «quốc gia» vụt có cơ hội trút bỏ sự tự ty, có bằng cứ kết tập quần chúng — tuy là thứ quần chúng tan rã, trốn chạy. Trôi dạt về phương Nam, trước đám quần chúng hướng về kháng chiến một cách ngây thơ, họ thấy có bọn phẫn, có sự mệnh cải tạo, đem sự thật cho những người này. Xung đột có xảy ra, họ coi là lẽ dĩ nhiên của trường tranh đấu. Đối kháng có nổ bùng, họ cho là gây bởi bọn phản động, Cộng sản. Phải tiêu diệt!

Họ đem quan niệm này vào chính quyền. Nhưng như đã thấy, chính quyền vốn không được chuẩn bị sẵn để tạo nên một phong trào quần chúng nên không đủ sức để lãnh đạo một phong trào quần chúng. Phong trào di cư 1954 là một cái gì bất ngờ — bất ngờ ngay cả đối với những nhà lãnh đạo Cộng sản, những người có thói quen toan tính trước rất nhiều. Cứ kể ra, tính chất bất ngờ đó cũng là một lợi điểm to tát cho phía bên này: hình ảnh đám dân khổ rách áo ôm, lênh đênh trên chiếc bè cây giữa biển cả thật đủ hơn cả muôn ngàn tiếng nói phát thanh

(Xem tiếp trang 73)

## TRĂM VIỆT TRÊN VÙNG ĐỊNH MỆNH :

Xin xem B. K. T. Đ. từ số 290-291)

## MỸ và ĐÔNG-NAM-Á

(Tiếp theo B. K. T. Đ. số 309)

## SEATO

Kết-quả Hội-nghị Genève 1954 là một sự thua thiệt lớn của Mỹ. Thật vậy. Vì vị-trí Đông-Nam-Á quá quan trọng đến nỗi trước đây Mỹ quyết tâm đặt trọn ảnh-hưởng của mình vào khu vực, không chịu nhường nửa bước cho Khối Cộng-sản. Người Mỹ đã cho rằng nhường nửa bước thì rồi sẽ phải nhường trọn bước, mà nhường một bước rồi cũng có thể phải nhường hai. Lý-thuyết về sự liên-hệ của toàn vùng đã được Mỹ hình-dung bằng một hàng dọc những con bài domino đặt đứng. Nếu con bài đầu tiên bị đẩy đổ thì sẽ đè lên con bài thứ nhì làm con bài này đổ theo và lần lần cả hàng bài đều đổ. Ý-niệm về ảnh-hưởng dây chuyền ấy đã được Mỹ gọi là Thuyết Domino (Domino theory).

Trong cuộc họp báo ngày 7-4-1954, Tổng-thống Eisenhower đã cho rằng nếu mất Đông-Nam-Á, Thế-giới Tự-do (nên hiểu là Khối Đế-quốc Mỹ) sẽ gặp những hậu quả không thể lường trước được. Nghĩa là Đông-Nam-Á, theo thuyết Domino, sẽ kéo đổ theo Úc, Tân-Tây-Lan ở phía Nam và Đài-loan, Nhật-Bản ở phía Bắc. Thế mà Đông-Dương lại là con bài đầu của hàng bài này. « Nếu Đông-Dương sụp đổ, chẳng những chỉ

Thái-Lan mà cả Miến-Điện và Mã-lai cũng bị đe dọa nghiêm trọng, cùng với mối nguy-hiểm lằng thêm cho Đông-Hồi và Nam-Á cũng như cho In-đô-nê-sia » (1).

Chính « Thuyết Domino » đã đưa Mỹ tới sự xúc tiến thành lập Tổ-chức Liên-phòng Đông-Nam-Á, SEATO (Southeast Asia Treaty Organization) sau khi Hiệp-định Genève được ký kết. Tổ-chức này thành-hình ngày 8-9-1954 và gồm 8 nước hội-viên : Mỹ, Anh, Pháp, Úc, Tân-Tây-Lan, Hồi, Thái, Phi-luật-tân. Thành lập được tổ-chức này thực ra Mỹ cũng chẳng kiểm soát được gì ở Đông-Nam-Á. Vốn vốn có hai nước trong vùng là Phi và Thái thì lại đều đã nằm trong vòng ảnh hưởng của Mỹ. Thành ra, Minh-ước chỉ còn tiêu-biểu cho điều mà Mỹ gọi là hành động chung của các cường quốc Tây-phương ở Đông-Nam-Á. Song, chính vì vì điều này mà Miến-điện và In-đô-nê-sia đã nhiều lần tố cáo Tổ-chức chỉ là một hình-thức tái-lập uy-quyền thực-dân cũ cộng với uy-quyền Đế-quốc mới ở trong vùng.

Trước đây, Mỹ đặt Đô đốc Harry D. Felt, Tư-lệnh Thái-bình - dương

(1) Mandate for change 1953-56, Dwight D. Eisenhower, Garden City N.Y., Doubleday, 1963.

CINCPAC) của Mỹ vào Ban Cố-vấn Quân-sự cho Tổ-chức. Tư-lệnh-bộ Thái-bình-dương tại Trân-châu-cảng trở nên nút dây chính trong việc huy động quân-lực Mỹ, đặc biệt từ 1958. Lực lượng Thái-Bình-Dương của Mỹ so với tất cả lực lượng các nước còn lại trong Minh-ước quá chênh-lệch, làm cho nếu phải hành-quân khẩn cấp, Đô đốc Felt sẽ đương-nhiên trở thành Tổng-tư-lệnh.

Mỹ đã tính toán để có thể mặc tình làm mưa làm gió trên khắp vùng, nhân danh *bảo vệ tự do* (!). Nhưng, trên thực tế sau này, Mỹ đã hoàn toàn thất bại vì các nước hội viên tuy đồng sàng mà dị mộng. Lúc đầu Pháp đã hăm hở vào tổ-chức, nhưng chỉ một hai năm sau, quân lực Pháp dần dần rút hết ra khỏi Đông Dương, trừ một số ít quân còn lại ở Séno (Lào) giữ việc huấn-luyện. Mất thế đứng ở Đông-Nam-Á, Pháp cũng lảng ra dần. Mặc dầu đã có lần De Gaulle muốn lợi dụng tổ-chức này để tạo cơ hội can-thiệp vào nội tình Đông-Nam-Á, nhưng cuối cùng cũng không đi đến đâu nên bỏ cuộc (1).

Một nước bỏ cuộc khác là Hồi. Hồi tham-gia tổ-chức, chẳng qua chỉ để dựa thế trong cuộc tranh-chấp địa-phương với Ấn. Nhưng sau thấy dựa không được, Hồi liền bắt tay với Trung-Cộng, một nước thù nghịch của Ấn, đồng thời cũng là thù nghịch của tổ-chức.

Còn đối với Anh, hiện nay quân-lực Anh ở Đông-Nam-Á chỉ được giữ lại một số nhỏ tượng trưng, và đến năm 1971 sẽ hoàn toàn triệt-thoái hết. Anh lo bảo vệ quyền lợi ở Hồng-Kông, Tân-gia-ba, Mã-lai-Á bằng ngoại giao hơn là bằng quân-sự. Và để thực thi chủ trương ấy càng ngày Anh càng trở nên bất cứng rắn với Khối Cộng, cụ thể là với Trung

Cộng Cho nên Anh rất thờ ơ trước những đề-nghị có hành-động chung của Mỹ trong các vụ rắc rối ở Đông-Nam-Á, đặc biệt là vụ Lào và Việt-Nam.

Úc và Tân-Tây-Lan thì không quan tâm lắm đến danh-nghĩa tổ chức. Các nước này bám vào Mỹ qua hiệp-ước ANZUS có từ trước, cho nên dù SEATO còn hay mất cũng không thành vấn-đề. Sự góp phần của Úc và Tân-Tây-Lan vào chiến-cuộc Việt-Nam, dù ít ỏi, cũng chứng tỏ hai nước luôn luôn là đồng minh chặt chẽ nhất của Mỹ trong vùng này.

Còn người Mỹ? Mỹ đã nhận chân được sự thất bại của mình trong việc duy trì và hữu-hiệu-hóa Tổ-chức. Tờ báo của Quân-đội Mỹ ở Thái-bình-dương đã viết "Mười lăm năm qua, SEATO hầu như đã chẳng làm được gì trong việc ngăn chặn Cộng-sản Chiến-tranh Việt-Nam đã bùng nổ lần thứ hai, tình hình chính trị và quân-sự ở Lào ngày càng trở nên xấu hơn, còn Thái-Lan thì đang phải đương đầu với một cuộc chiến-tranh du-kích nghiêm-trọng mới ..." Ngay cả những hội viên cũng đã lên tiếng chỉ trích nặng nề. Có người cho rằng SEATO quả là *hổ giấy* vì vậy hoặc phải cải-tổ, làm hồi-sinh lại SEATO hoặc là giải tán hoàn toàn cho rồi (2).

Còn lại nước duy nhất ở Đông-Nam-Á

(1) De Gaulle muốn chia xẻ thế đứng với Mỹ nên đã đề-nghị ba nước Pháp, Mỹ, Anh, tạo thành nhóm lãnh-đạo Đông-Nam-Á. Đề-nghị này không được Mỹ-Anh hưởng ứng. Vì Anh vốn không ưa Pháp, còn Mỹ đời nào chịu san xẻ quyền lãnh đạo với Pháp. Từ năm 1966, Pháp đã không gửi phái-đoàn đến tham dự các khóa họp thường niên của Tổ-chức nữa.

(2) Pacific Stars and Stripes, số ra ngày 11-5-1969, bài SEATO members seek «New teeth».

là Phi-luật-tân và Thái-lan thì càng ngày càng nhận thức được sự vô-lý của việc mời những lực-lượng bên ngoài đến bảo vệ mình. Khuynh hướng tìm về với nhau trong đại-gia-đình Đông-Nam-Á đã phát-triển mạnh. Báo chí Phi luật-tân đã có lần lên tiếng đòi giải-tán SEATO lập một tân minh-trước của chính các quốc-gia Đông-Nam-Á.

### Can-thiệp bằng quân-sự

Không lợi-dụng được danh-nghĩa tổ-chức SEATO do chính mình dựng nên, ngày nay Mỹ đã can-thiệp sâu rộng vào nội-tình Đông Nam-Á bằng cách dàn xếp trực tiếp với các chính phủ thân Mỹ trong vùng.

Ngoài những căn-cứ ở Phi-luật-tân mà Mỹ đã duy trì được một không-lực và hải lực hùng hậu, Mỹ còn thành lập các phái bộ quân sự tại nhiều nước khác. Các phái-bộ Mỹ đều được đặt dưới sự chỉ huy của Bộ Tư-Lệnh Thái-Bình-Dương (CINCPAC) Sau 1954 tại Lào có Sở Ước tính Kế-hoạch (Program Evaluation Office), tại miền Nam Việt Nam có Phái-bộ Thâu-hồi Quân-dụng Lâm-thời TERM (để thâu hồi những quân dụng viện trợ cho Pháp trong chiến-tranh Đông-Dương và trang bị lại cho Quân-đội Quốc-gia Việt-Nam), còn tại Thái-Lan, Cao-Miên, Phi-luật-tân có Phái-bộ Cố vấn Quân-sự Liên-quân JUSMAG. Về sau Mỹ tổ-chức lại các phái bộ này và gọi chung là Phái bộ Cố-vấn và Viện-trợ Quân-sự MAAG (1).

Trong thời-kỳ hoạt-động của các Phái-bộ quân-sự, các loại vũ-khí dư thừa của Mỹ sa thải sau thế-chiến 2 đã được đổ vào Đông-Nam-Á cùng với các trang-cụ khác trong kế hoạch quân-viện, và được tính thành tiền như sau (đơn vị: Triệu Mỹ-kim):

	1950-58	1959	1961
Phi-luật-tân	200,7	21,4	36
Thái-lan	280,3	16,2	51,9
	1955-58		
VNCH	445,7	43,8	101,4
Lào	59,8	6,5	32,4
Cao-Miên	61,8	3,8	11,3

Khi tình-trạng chiến-tranh ở Việt-Nam và Lào trở nên nghiêm-trọng, Mỹ đã can thiệp vào VNCH mạnh hơn và cải tổ MAAG thành Bộ-Tư-lệnh Viện-trợ Quân-sự MAC-V và đầu năm 1962. Mỹ cũng đổ 5.000 quân vào Thái-lan và thiết-lập các căn cứ gần biên-giới Lào để đề-phòng những bất-trắc lớn có thể xảy ra cho khối Mỹ. Ngày 23-7-1962 Tân Hiệp-định Genève được ký kết, 14 nước tham dự hội-nghị đã chấp nhận tôn-trọng nền trung-lập của Lào. Chiếu theo điều khoản mọi quân-lực ngoại-quốc phải rút ra khỏi Lào, Phái bộ MAAG đã rời bỏ đất này. Nhưng tại Thái-lan, số quân chiến-đấu của Mỹ đã gia-tăng nên Mỹ cũng phải thành-lập Bộ Tư-lệnh Viện-trợ Quân-sự MAC-T thay cho phái-bộ MAAG cũ.

Ba trăm cố-vấn và chuyên-viên Mỹ ở Lào được rút đi thì lại có hàng ngàn lính Mỹ được đưa vào biên-giới Thái-Lào qua ngã khác. Nghĩa là trên nguyên tắc Mỹ không vi-phạm hiệp ước, nhưng trên thực tế Mỹ vẫn tạo được áp-lực vào nội tình xứ Lào.

(1) Năm 1959, nhân-viên Phái-bộ Mỹ gồm 342 ở VN, 166 ở Thái-lan, 69 ở Phi-luật-Tân, 57 ở Cao-Miên. Năm 1961 số nhân-viên ở VN tăng lên 685, ở Lào được ghi nhận là 300.

Còn tại Việt-Nam, cũng từ 1962, quân-lực Mỹ ở Việt-Nam đã được tăng lên 9.000 rồi năm sau lên 16.000. Năm 1965 Mỹ bắt đầu đưa quân chiến-đấu sang ào ạt, 72.000 vào tháng 7, rồi 165.000 vào tháng 11. Năm 1966 lên 331.000, rồi 464.000 năm 1967 và gần 550.000 vào đầu năm 1969. Ngoài ra, cũng kể tới đầu năm 1969, Mỹ còn đài thọ hơn 66.000 quân ngoại-quốc khác tại Việt-Nam :

50.000 Đại Hàn  
7.700 Úc  
6.600 Thái-lan  
1.600 Phi-luật-tân  
500 Tân-tây-lan(1)

Sự can-thiệp mạnh mẽ vào Việt-Nam đã được Tổng-thống Johnson giải-thích như là tiếp-tục thi-hành những cam kết của các Tổng-thống tiên nhiệm - Điều này phải được hiểu như tiếp tục thi-hành sách-lược Mỹ từ sau thế-chiến 2, nghĩa là từ Harry Truman, Dwight D. Eisenhower qua John F. Kennedy.

Nhìn lại những diễn biến trong mấy năm qua, người ta phải ghi nhận đề-nghị đầu tiên về việc can thiệp vào Nam Việt-Nam là của phái-bộ Taylor-Rostow hồi tháng 10-1961 dưới thời chính phủ Kennedy. Tướng Maxwell D. Taylor, khi ấy là Chủ-tịch Bộ Tham-mưu Liên-quân, và Walt W. Fostow, Chủ-tịch Hội-đồng Hoạch-định Sách-lược Bộ Ngoại-giao (State Departments Policy Planning Council) đã đề-nghị gửi một lực lượng đầu tiên chừng 10.000 bộ-binh với danh-nghĩa giúp Nam Việt-Nam trong các công-tác dân-sự vụ để tránh vi-phạm lộ-liễu Hiệp-định Genève. Sau đó sẽ dần dần tăng thêm

quân số, và chỉ cần tối đa 6 sư-đoàn là đủ chặn đứng vùng Phi-quân-sự, ngăn hẳn hành-động Nam-tiến của Cộng-sản miền Bắc. Còn lực-lượng du-kích Miền Nam thì để mặc quân đội Miền Nam tiêu-trừ dần (2).

Kennedy đã chấp thuận trên nguyên tắc kế-hoạch này, vì theo kế-hoạch, quân Mỹ chỉ phải đương đầu với các đơn-vị chính-quy của Cộng-sản trên một trận tuyến rõ rệt là Vi-tuyến 17.

Thật là tội-nghiệp cho những kế-hoạch-gia Mỹ ! Nếu hãy tạm quên cái đầu óc Đế-quốc của họ mà xét riêng bài tính họ đề ra và tự giải, chúng ta sẽ thấy họ ngây thơ là nhường nào khi tưởng tượng tới những đạo quân Bắc Việt rầm rộ kéo qua sông Bến-Hải như những đoàn thiết-ky Đức trực chỉ phòng tuyến Maginot ở biên-giới Pháp-Đức trong Thế-chiến 2.

Dẫu sao, quân Mỹ cũng đã đặt chân được lên Đông-Nam-Á Lục-địa và lần đầu tiên kể từ khi lập quốc, Mỹ có những căn-cứ quân-sự vĩ đại trên phần đất này của Á-châu. Sau khi đã thi hành việc chia-phần hậu-thế-chiến một cách ôn hòa với Đế-quốc Cộng-sản ở Âu-châu, Mỹ tất phải tiến tới trên mặt Á-châu để tìm thế đứng ; Đó là đường đi nước bước của Đế-quốc Mỹ mà Kennedy đã vạch ra dưới những mỹ-từ chính-trị trong cuộc phỏng vấn của Walter Cronkite — Hãng Vô-tuyến Truyền-thanh Columbia — ngày 2-9-1963 « Tôi không đồng ý với

(1) Liệt-kê về Quân-lực Đồng-minh của Mỹ ở VN do Bộ-trưởng Quốc-phòng Clifford công bố ngày 21-1-1969 tại Hoa-thịnh-đốn.

(2) To move a nation Roger Hilsman, New York : Doubleday, 1967.

những ai cho rằng chúng ta phải rút lui. Đó là một lầm lẫn lớn. Đây là một cuộc chiến-đấu vô cùng quan-trọng dù ở xa lắc xa lơ. Chúng ta đã thực hiện những nỗ lực ấy để phòng thủ Âu-châu. Nay Âu châu đã hoàn toàn vững vàng. Chúng ta cũng phải làm thế để phòng thủ Á-châu».

Sau khi Kennedy bị ám-sát (22-11-1963), Taylor được Johnson tiếp tục trọng dụng và được đề cử làm đại-sứ tại Sài-gòn (23-6-1964). Kể từ đó chiến-tranh đã leo thang liên tục và đã đạt tới cường độ mạnh nhất vào năm 1968 trên toàn cõi Việt-Nam. Dù bào chữa thế nào cũng không ai có thể phủ nhận được là trách nhiệm quyết-định leo thang chiến-tranh do chính Johnson gánh chịu. Vì mức leo thang đã bỏ quá xa dự liệu của Kennedy trước kia và chỉ được nhẩy vọt vào năm 1965 sau khi Johnson đã chính thức trở nên Tổng-thống do dân bầu (năm 1964, Johnson là Tổng-thống kế nhiệm Kennedy theo Hiến-pháp sau khi Kennedy bị ám-sát).

Nếu nói theo thời-ngữ của Mỹ thì trong thời kỳ tại vị, Johnson là một trong những trùm *diều hâu*. Thế mà trong khi tranh - cử với Goldwater của Đảng Cộng-Hòa năm 1964, Johnson lại gáy giọng *bồ câu* để hốt phiếu. Chính người-viết đã thấy tận mắt những biểu-ngữ mà Ủy-ban vận-động bầu-cử của Johnson đã chằng trước các trụ-sở nhằm đả-kích những lời tuyên bố hiếu chiến của Goldwater như «dội bom xuống đường mòn Hồ-Chí-Minh», «Dội bom xuống Bắc Việt». Thế mà sau khi đắc cử, Johnson đã thi-hành theo đúng những ý-kiến bị phe ông ta gọi là ngu xuẩn ấy.

Trước và sau khi đắc-cử, con người Johnson đã thay đổi là thế. Nếu lại truy

lên từ cuộc chiến-tranh Đông-Dương để nhớ lại Johnson đã từng cầm đầu nhóm Thượng-nghị-sĩ chống lại việc can-thiệp vào Việt-Nam năm 1954, thì mới lại càng thấy lập trường của Johnson thay đổi như thế nào

Chẳng cứ Johnson, ngay cả Tổng-Thống tiền nhiệm của ông ta là Kennedy cũng vậy. Năm 1962, Kennedy đã đưa lính Mỹ vào Việt-Nam, dù với con số nhỏ bé nhưng là những *bước chân khởi đầu* quan trọng. Năm 1963 Kennedy cho rằng đề-nghị Mỹ rút khỏi Việt-Nam là một lầm lẫn lớn. Nghĩa là ông ta chủ-trương trường-kỳ chiếm đóng Việt-Nam, mặc dù trước đó chín năm (1954) thời còn là Thượng-nghị-sĩ, ông ta đã nhận định khá sáng suốt về trận chiến sa lầy ở Đông Dương: «Tôi thành thật tin rằng không có số lượng quân viện nào ở Đông-Dương có thể thắng được một kẻ địch có mặt ở khắp nơi và đồng thời cũng chẳng ở nơi nào cả» (1).

Ngoài các Tổng-thống, ngay đến những viên chức chính-quyền thứ-cấp khác cũng có những sự thay đổi lập-trường kỳ lạ giữa lúc cầm quyền và không cầm quyền. Cứ xét qua mấy bộ mặt quen thuộc như Mc Namara và Clifford, cựu Bộ-trưởng quốc-phòng, Harriman và Vance, Trưởng và Phó Trưởng Đoàn Đại-diện Mỹ tại Hội đàm Paris dưới thời Johnson, thì đủ thấy chính khách Mỹ xoay chiều như thế nào.

Động-lực nào đã thúc đẩy họ tới gần *diều-hâu* khi cầm quyền và gần *bồ câu* khi chưa giữ hoặc đã rời chức vụ lãnh đạo?

Trả lời hoàn toàn được câu hỏi này

(1) Abuse of power, Theodore Draper, New York: Viking Press, 1967.

tất phải kiểm điểm lại hệ-thống chính trị trong tổ-chức xã-hội Mỹ, đó là điều bất-khả trong phạm vi một bài báo. Nhưng, nếu chỉ xét đến ảnh-hưởng quan-trọng nhất chỉ phối giới lãnh đạo thì tưởng không thể nào quên được bàn tay vận dụng của Tư-bản Mỹ.

### Tư-bản và chiến-tranh

Như con bạch tuộc nhiều vòi, mỗi vòi len lỏi vào một lãnh-vực để bòn rút, không quyền lực quốc gia nào mà không bị Tư-bản vơ nắm, không tình-thế quốc tế nào mà không bị Tư bản khai thác lợi dụng. Các nhà lãnh-đạo Mỹ khi đứng ra chấp nhận lãnh-đạo là đương nhiên không nhều thì ít đã tự chấp nhận lẫn mình vào một *guồng máy* mà nút bấm quay guồng thường được đặt đâu đó trên Bích-lộ (Wall Street), Nửu-Uớc.

Trong thế chiến-hòa, nút bấm có thể điều-khiển cho *guồng máy* quay theo chiều này hay quay theo chiều khác. Nghĩa là tùy lúc tùy nơi. Tư-bản Mỹ sắp xếp hành-động thế nào để luôn luôn có lợi nhất. Cái lợi trong thời chiến dĩ nhiên là cái lợi từ kỹ-nghệ phục-vụ chiến-tranh.

Ngày từ thời hậu cách-mạng, chính phủ Liên-bang Mỹ đã dựng những cơ-xưởng công-quản sản-xuất chiến-cụ để cung-ứng cho nhu-cầu chiến-tranh. Nhưng dần dần, giới Tư bản bành trướng đủ mạnh để tạo thành một thế lực mới, đã tìm mọi cách nhận đặt hàng từ tiểu-bang lên tới liên bang và thay thế hẳn hệ thống quốc-doanh cũ.

Kỹ nghệ chế tạo sản phẩm chiến tranh được Mỹ duy-trì liên tục, vừa để sử dụng vào những trận chiến mà Mỹ tham dự, vừa để xuất cảng bán khắp nơi trên thế-giới.

Sau thế-chiến 2, ngân-khoản đặt hàng bị giảm bớt vì lúc ấy Mỹ đang thặng dư chiến cụ. Một số lớn cơ-sở kỹ-nghệ loại này phải đóng cửa để chuyển sang kỹ-nghệ hậu chiến. Số chiến cụ dư thừa được chuyển cho các nước đàn em của Mỹ trong kế-hoạch quân-viện. Tới

năm 1950, khi chiến tranh Triều-tiên bộc phát, chính-phủ Liên-bang lại vội vã đặt những món hàng ketch xù. Và đó cũng là dịp để cho giới Tư bản Mỹ tha hồ lên giá với lý do bù đắp phí tổn tái lập cơ-xưởng Sản lên giá quá đáng này cộng thêm với các cuộc vận động ngầm khác đã làm cho chính phủ phải duy trì mức đặt hàng đều đặn cả trong thời chỉ có chiến tranh lạnh để tránh mắc kẹt khi chiến tranh nóng xảy ra.

Dẫu sao, nếu có chiến-tranh nóng, dù là chiến-tranh hạn chế, các giới Tư-bản tất cũng sẽ thủ lợi nhiều hơn. Chiến-tranh Việt-Nam là một thí dụ điển-hình. Năm 1960, ngân khoản đặt hàng giữ ở mức bình thường sau trận Triều-tiên là 22,5 tỷ. Trong mấy năm sau, chiến cuộc Việt-Nam bành-trương hơn, Mỹ bắt đầu can thiệp sâu rộng hơn thì số ngân khoản tăng lên dần tới 28,1 tỷ vào năm 1963. Năm 1965 là năm quân số chiến-đấu của Mỹ ở Việt-Nam vọt lên từ 16 500 đến 165.700, phiếu đặt hàng cũng vọt lên từ 26,6 tỷ tài-khoá 1965 đến 35,7 tỷ tài-khoá 1966. Nghĩa là riêng chiến-tranh Việt-Nam đã ảnh-hưởng tới 9,1 tỷ Mỹ-kim, mỗi năm trong thời-gian ấy.

Những năm kế tiếp, con số tiếp tục cao vọt vọt (1) ;

1967 — 41,8 tỷ,

1968 — 41,2 tỷ,

1969 — 42,3 tỷ,

Tóm lại, trong thập-niên 60, (từ 1960 đến 1967 — giai-đoạn ảnh-hưởng chiến-tranh Đông-Nam-Á) kỹ nghệ chiến-tranh tại Mỹ đã thu hút 317,8 tỷ Mỹ-kim. Hãy nghĩ đến món lời vì

(1) Thống-kê của Bộ Quốc-phòng Mỹ, trích trong U. S. News And World Report ngày 11-6-1969.



đại mà hàng trăm xí-nghiệp trong tập-đoàn Tur-bản đây phần vào hoạt-vụ trên đã thâm đoạt được. Trong số này có năm xí nghiệp đứng đầu đã nhận phiếu đặt hàng trên một tỷ Mỹ-kim riêng trong niên khóa 1968 :

General Dynamics Corporation  
2.239 triệu Mỹ kim

Lockheed Aircraft Corporation  
1.871 — « —

General Electric Company  
1.489 — « —

United Aircraft Corporation  
1.321 — « —

Mc. Donnell Douglas Corporation  
1.101 — « —

Ấy là chỉ kể những xí nghiệp hoạt động ngay tại đất Mỹ. Còn có liên-quan trực tiếp hay gián tiếp đến sự can-thiệp của Mỹ tại khắp nơi trên thế giới tất không thể quên giới Tur-bản ở quốc ngoại. Các hãng Mỹ ở những nước nhược tiểu vừa hoạt-động trong địa hạt kinh-tế, vừa hoạt-động trong địa hạt tình-báo, đã là những tổ chức rất có ảnh hưởng đến đường lối đối ngoại của Mỹ và cũng là những cơ-quan chi-phối các áp-lực chính-trị địa phương. Ngay tại Đông-Nam-Á, nhiều cơ-sở Tur-bản đã bỏ tiền nuôi dưỡng các nhân vật tạm thất thế, hoặc các phần-tử đối lập, phương-cách kinh-doanh mới được gọi là *đầu-tư chính-khách*. Cái vôi bạch-tuộc đã len lõi vào tận thâm đáy của chính-trường như vậy, thử hỏi làm sao người cầm quyền thân Mỹ dám đi trái đường lối Mỹ cho được !

Bàn tay Tur-bản đã nhám bần đến độ chính những công-nhân được họ thuê mướn cũng đã phải lên tiếng phũ

nhận liên-hệ trách-nhiệm : « Chúng tôi không có trách-nhiệm gì trong chiến-tranh lạnh. Chúng tôi đã không tạo ra cuộc chiến tranh ấy. Những nhà máy ở Johannesburg, Rio và Sài-gòn chẳng phải của chúng tôi. Chúng tôi cũng không được chia phần gì nơi những tổ-hợp tur-bản Engelhard Industries, Kennecott, Copper, Lockheed, United Fruit » (1).

### Hậu quả

Qua những lời phát-biểu trên của công-nhân, người ta có thể thấy thoáng bóng dáng của vấn-đề giai-cấp. Cũng như người ta đã từng thấy vấn-đề màu da trong những lời hô-hào của phong-trào da đen đấu-tranh hồi tháng 8-1965 : « Người da đen đừng đi chiến-đấu cho tự-do của người da trắng ở Việt-Nam, trừ khi chính dân da đen ở Mỹ được tự-do ».

Đó là chuyện nội-bộ của nước Mỹ. Khác hơn thế, đối với chúng ta, chiến-tranh lạnh đang bao trùm thế giới và chiến-tranh nóng có tính chất cục-bộ phát khởi nhiều nơi rõ ràng vẫn chỉ là hậu-quả của sự tranh giành giữa các Đế-quốc với nhau.

Thực chất phơi bày trần trường như vậy tưởng cũng đủ phá tan huyền-thoại *nhân-đạo* và *giải-phóng* mà mỗi bên tự khoác lấy làm chiêu bài lừa người đối mình.

Không có chuyện vì hào hiệp mà đem quân đi cứu nước này, giúp nước nọ như cơ-quan tuyên-truyền của Tur-bản vẫn rêu rao. Mọi sự can-thiệp

(1) The Other Side của Staughton Lynd và Thomas Hayden, The New America Library, Inc. 1967.

bằng quân sự thực ra chỉ là mưu đồ bành-trướng vùng kiểm soát. Vùng kiểm soát càng rộng, Đế-quốc càng hưởng lợi nhiều. Vòng đai phòng thủ càng xa, chính-quốc càng được yên ổn. Ngay như vấn-đề Đông-Nam-Á, nguyên Tổng thống Johnson cũng đã phải xác nhận trong cuộc họp báo ngày 17-11-1967 rằng chính phủ ông quyết-định can-thiệp vào vì ông tin chắc nền an-ninh của các nước Đông-Nam-Á có liên hệ mật thiết đến nền an-ninh của chính Mỹ-quốc (1)

Sự việc đã được nhìn nhận rõ rệt như vậy thì nên bỏ giọng *giúp đỡ* đi, vì giữa chính-phủ Mỹ và những chính-phủ thân Mỹ ở Đông-Nam-Á chưa biết ai là người giúp và ai là người được giúp!

Trở lại vấn-đề đứng hẳn sang hàng ngũ Mỹ trong thể phân hóa quốc tế hiện tại, nhiều lãnh-tụ Đông-Nam-Á đã tự nhận thấy là sai lầm. Trong cuộc họp báo ngay sau lễ nhậm chức đầu năm 1969, ngoại trưởng Phi-luật-tân Romulo đã tuyên-bố: « Phi không còn trông cậy vào các nước Đồng-minh được nữa, vì quyền lợi của Phi trên hết » và « Thời hậu-chiến với hai chiều hướng hoặc Mỹ hoặc Nga nay đang chấm dứt! » (2)

Có người sẽ cho rằng hiện Phi không còn lo sợ Cộng-sản nội-bộ nên mạnh miệng, nhưng nghĩ như vậy, ta thử tự

hỏi: Liệu với sự giúp đỡ (!) của Mỹ — nếu nhận Mỹ là Đồng minh — Cộng-sản có bị gập tan không hay sẽ bành-trướng thêm? Hãy nhìn lại chiến-tranh Việt Nam để thấy trả lời. Hoặc hãy nghe chính người Mỹ trả lời: « Hoa kỳ đang tạo thêm ra Cộng-sản, mà vốn trước có rất ít, từ khi Hoa kỳ tự mời mình vào Nam Việt-Nam » (Lời tuyên-bố của Thượng-nghĩ-sĩ Gruening, Tiểu-bang Alaska) (3).

Thật vậy, Mỹ có hiểu gì *chiến-tranh nhân-dân* của Cộng-sản đâu mà đánh. Nếu Mỹ hiểu, Mỹ đã không hùng hục đem quân nhào vào trận chiến. Nếu Mỹ hiểu, Mỹ đã chỉ đứng ngoài cung cấp phương tiện trong sự im lặng để đồng minh địa phương chống địch với tư-thế có *chính-nghĩa* trước mắt quần chúng — yếu tố quan trọng nhất để thắng loại chiến-tranh này.

Mỹ bước chân vào, quả thật chỉ làm cho Cộng-sản mạnh thêm. Lửa gặp dầu là vậy! Việt, Lào, Thái trở thành những địa điểm « nuôi » Cộng-sản ở Đông-Nam-Á. Trong khi những quốc-gia không thêm nhờ Mỹ giúp nhân-lực

(1) Theo bài Political Commitment in SEA của W.C. Jonstone trong Current History số tháng 1-1968.

(2) Tin AP từ Manila ngày 2-1-1969.

(3) Tin AFP từ Nữ-Uớc ngày 5-1-1969.

VIÊN THUỐC HỒNG  
CÓ SINH-TỐ C

# Neurotonic

HN. 789/ĐTV/QCĐP/16.4.68

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc  
Tăng cường trí nhớ

hoặc phương tiện như Miến-Điện, In-đô-nê-sia đã đập tan tổ chức Cộng-sản và kìm giữ không cho Cộng-sản ngóc đầu dậy được, mặc dù Cộng-sản địa phương đã có thời vô cùng lớn mạnh và luôn luôn được Trung-Cộng bảo trợ và cổ vũ (1).

Đó là bài học quý báu nhất của nhân dân Đông-Nam-Á, bài học được

thể nghiệm bằng chính máu xương mình.

PHẠM VIỆT CHÂU

(Kỳ sau : Cộng sản có mặt)

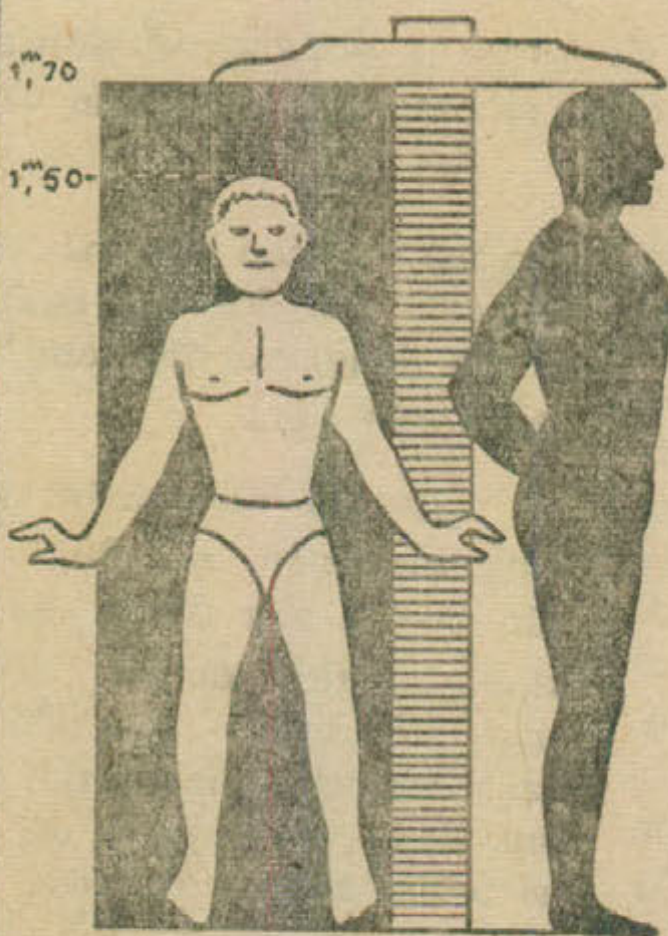
(1) Xin coi Bách Khoa TĐ số 300 và 301, Bài « Miến Điện đấu tranh giành độc lập chính trị và chủ quyền kinh tế » và « In-đô-nê-sia, kinh nghiệm liên hiệp Quốc Cộng. »

# REGAST. T.

- Trị các chứng đau bao tử, ợ chua, đầy hơi.
- Bào chế theo công-thức của Hòa-lan

# Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ  
C \_ D \_ PP \_ B2 \_ B6 \_ B12



- CON NÍT MAU BIẾT ĐI
- CỨNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ .
- NGƯỜI LỚN CỨNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG .
- YẾU PHỔI .
- MỆT MỎI .

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ?

SỐ KN 18 MBYT/QCPD

## Một cái nhìn đông-phu ơng về VẤN ĐỀ TÍNH-DỤC.

### II - NHỮNG BÌNH DIỆN SINH HOẠT CỦA TÍNH-DỤC

Sáng tạo đã khởi đầu bằng phân cực âm dương. Vũ trụ và sự sống cũng sẽ tồn tại nhờ phân cực âm dương. Nguyên lý âm dương ấy nội tại trong tất cả sự vật ; riêng ở sinh vật nó **chuyên biệt hóa** thành tính dục. Nếu sinh vật là một người, thì tính dục cũng thu nhập tất cả con người, nghĩa là có mặt nơi những gì còn vượt trên địa hạt sinh lý và giác cảm nữa.

Con người, đó là cái đỉnh cuối cùng của tiến hóa sinh vật. Tất cả được coi như sửa soạn để đón nhận con người cùng với trí khôn của nó. Cho nên, nói một cách triết lý, thì con người là khởi điểm cho sáng tạo đứng về phương diện nguyên nhân mục đích, một phần nào đúng như tiền nhân đã nhận thấy và diễn tả ở huyền thoại Ấn độ về con người lưỡng phái. Cho nên có thể nói rằng tính dục ở con người cũng là cái chỗ tiến hơn cả của tính dục ; và như thế cái chỗ tiến của tính dục là đã không dừng lại ở nhục dục và cảm giác. Ở chương trước, ta đã nói về tính dục ở thể xác rồi, nên trong chương này, ta sẽ bàn về tính dục ở bình diện tâm lý và suy tư.

#### Những biểu hiệu và tâm lý hai phái

Rất nhiều học giả đã nghiên cứu trực tiếp tâm lý đàn ông cũng như phụ nữ. Ở đây, tìm hiểu cùng một vấn đề, chúng tôi muốn theo một phương pháp khác họ : chúng tôi phân tách tâm lý hai phái qua những biểu hiệu truyền thống về âm dương. Âm dương là của vũ trụ, nhưng tính dục lại là một hình thức chuyên biệt của âm dương nơi con người. Vậy nếu hiểu ý nghĩa của những biểu hiệu nói trên, chúng ta cũng đào sâu được vào phái tính nữa. Nhất là một khi người xưa đã quan niệm trời đất theo tương quan tính dục.

Aristote nói : Đàn ông tượng trưng

cho mô thể, còn đàn bà tượng trưng cho chất thể. Đàn ông nguyên tự mình là thụ động, còn đàn ông rự mình là chủ-động" ! (1)

Hy Lạp vốn thiên về động và sáng sủa, nên nói rằng chất thể và đàn bà là thụ động, họ đã ngầm khinh hai thứ đó rồi. Nơi Aristote, chất thể (hulê) còn tiềm chứa hình dạng, nhưng tự mình thì nó hoàn toàn thụ động và vô định, do đó tự mình, nó cũng không thể có. Và nó chỉ có nhờ dựa vào mô thể (morphê) mà thôi. Cái chất thể ấy hoàn toàn u tối và nghèo nàn. Tuy nhiên, dù không

(1) *De gen. anim.*

**BNP**

*A votre service*  
*tous les services de la*

**banque**  
**nationale**  
**de Paris**

đẹp, nhưng nó chưa phải là xấu. Còn ở Platon-phái, thì nó đã xấu rồi, và Plotin gọi nó là « cái ác tự-tại », bởi lý do nó « không phạm cách, không về đẹp gì ». Ông nói :

— « Người ta có thể hiểu về cái Ác (ám chỉ chất thể) bằng nhận định rằng nó đối với Thiên cũng y như cái thiếu đo lường đối với chính đo lường, như cái vô ranh giới đối với chính ranh giới, như cái vô hình dạng đối với chính nguyên nhân mô thức... » (1)

Ấn-độ cũng so sánh người đàn bà với chất-thể (prakriti). Chất thể này tự mình tuy không động và không hình sắc, nhưng nó chứa mầm mống của hình sắc và năng-lực hoạt động (sakti). Chỉ cần một kích thích nào đó khiến mất quân bình trong nó, thì biến dịch sẽ bắt đầu ngay và hình sắc hiển lộ dần ra. Đó mới chính là đúng bản tính của người đàn bà. Bề ngoài trông họ như thụ động, nhưng, « khi mà người đàn bà trả thù. », trong họ có một sức phản ứng lớn hơn là tác động từ ngoài đến tự nó có thể gây nên được.

Trong kinh thánh Ấn, đối diện với chất thì có khí. Khí là hơi sống trong các huyền thoại Đông cũng như Tây, là cơn gió mang mầm sống tới đặt vào lòng mẹ Đất. Cho nên, bản tính của khí, và đó cũng là bản tính của đàn ông, là sáng kiến và hành động, là bắt đầu và tấn công. Ấn khớp vừa đúng với bản tính trên, bản tính của người đàn bà là tiếp nhận chìm sâu vào trong mình tác động của người đàn ông, và hứng lấy cho mình tất cả hậu quả của ân ái. Cho nên, người đàn bà sống tính dục với tất cả sức sống và con người của mình, và tâm tình của họ thì, « nhi nữ tình trường », cũng khó thay đổi hơn.

Tình yêu nơi người đàn ông, trái lại, vốn thoáng qua như cơn gió, lân la nơi tất cả mà không dừng lại ở đâu, họ khó chung thủy hơn do chính sự chủ động của họ. Họ chủ động trong tất cả, nhưng họ là hành động nhiều hơn là sự sống, và tất cả sức sống tính dục dường như đổ dồn sang người đàn bà. Phái, người đàn bà là bản nhiên, một khi được tác động, sẽ động mãi mà không ngơi nghỉ, sẽ sống dào dạt với tất cả ngọn lửa tình âm-ý ở bên trong. Người đàn bà là bản nhiên, prakriti, và họ tàng chứa biến dịch nơi mình. Họ là Địa đối lập với Thiên mà bản tính là đời đời và sáng sủa.

Thiên và Địa bên Trung hoa được tượng hình bằng hình vuông và hình tròn. Vuông và tròn, cả hai tuy là sung mãn, nhưng tròn mới là sung mãn ở bình diện siêu việt. Thiên tuy soi sáng, nhưng soi sáng trong bất biến. Thiên là hình ảnh của thần linh và thể hiện nơi mặt trời đương ôm ấp lấy trái đất bằng sức nóng của mình, khiến cho từ đất sẽ mọc lên sự sống. Thực ra, tương quan Thiên-Địa là tương quan phân cực hơn là tương quan soi sáng. Platon-phái vốn khinh miệt chất thể và đàn bà nên những người chịu ảnh hưởng đó, như thánh Bảo-lộc và ông Evola, đều coi phụ nữ như hình ảnh của đàn ông trong khi đàn ông là hình ảnh của thần linh. Không không, như Sáng thể thư đã nói, đàn bà là « bù đắp » cho đàn ông, và cả hai đều là hình ảnh Thiên Chúa.

Cũng như đất là sự mềm dẻo, sự chờ đón những hình dạng khác nhau, thì nước, giống y như thế, cũng đầy yếu-tố của âm-cách. Nước tràn đi một cách nhẹ nhàng và gặp gì thì uốn mình

(1) *Enneados*, 1.8.3

theo đó, và đây cũng là bản tính người đàn bà ở chỗ họ nói dối một cách ngọt xớt và dễ dàng, nhưng thường khi không chứa nhiều ác ý của nói dối. Nước không có hình gì, nhưng nước có thể thành đủ mọi hình mà không cố định, và tính tình người đàn bà cũng nhẹ dạ y như thế. Nước, trong tư tưởng Ấn-độ, có hai thứ. Nước đã nhiều ít thành hình và sờ mó thấy, thì có tên là *jalam*. Còn *apas* nước nguyên sơ, nước từ đây mà các thần tô tạo nên vũ trụ, thì hoàn toàn mềm mại dễ uốn nắn, và đồng thời lại vô hình vô dạng. Nước thường, *jalam*, đối với *apas* cũng giống như đất đối với *prakriti* vậy. Cũng như *prakriti*, *apas* vốn là hoàn toàn vô định, giống như người đàn bà khó phân biệt lý ra khỏi tình và khó quyết định tự mình.

Âm-cách vừa có tính chất âm - u, vừa có tính chất dịu-dàng êm ái. Cho nên, âm-cách và đàn bà tính cũng được tượng trưng bằng mặt trăng và ánh trăng.

Trăng vừa hiền từ lại vừa huyền-ảo. Nó không tối, nhưng chỉ sáng vừa đủ để soi sáng cho những lùm cây trở nên đen ngòm và đe dọa, những ngành cây khô khẳng trở nên những cánh tay ma, những riềm trắng trên ngọn cây trở thành bóng yêu tinh mê hoặc. Nền trăng quả có gì đồng bóng và ma-thuật. Đàn bà cũng thế. Tuy đàn ông bước đến đâu, họ lù đến đấy, nhưng họ là một vực thẳm và hang sâu mà trong đó, người đàn ông sa lạc và biến mất đi như ở giữa mê cung, giữa một không gian tuy gần sự chết, nhưng sự sống vẫn còn vừa đủ để tạo nên một ảo ảnh vừa hấp dẫn vừa rùng rợn.

Đối với đàn ông, nếu đàn bà có thể là sức sống bên trong đề nung đỡ, thì họ cũng có thể trở thành những hồ ly hút tinh, làm tan loãng hết nam nhi tính.

Chẳng những đàn bà là một sức mạnh lung lạc, họ còn có cái thú đề lung lạc, đề chi phối người đàn ông ngay trong chính sự thụ động và mềm yếu của họ. Vì trong họ tàng chứa những động năng (*sakti*) u-ẩn, không thành hình rõ rệt, cho nên, như nhiều học-giả nhận xét, những động năng ấy khi bị kích thích, có thể hợp thành sức mạnh tàn phá ghê gớm của sự chết. Song song với hành động tàn phá bên ngoài, người đàn bà còn có một thái độ tàn nhẫn khủng khiếp bên trong, khiến họ nhìn công trình sự chết của họ bằng một cặp mắt hết sức thảo nhiên và lạnh lùng. Nhưng khi ấy, họ quả là hiện thân của thần Kâli, nữ thần của tiêu-diệt (thờ ở Calcutta).

Sự nguy hiểm của người đàn bà còn gia tăng gấp bội trong thời kỳ kinh nguyệt. Theo cuốn Luật Manu, thì sự khôn ngoan, sức mạnh và nam-nhi-tính của người đàn ông sẽ bị tiêu tán hết khi gần một phụ-nữ trong tình trạng ấy. Ở nhiều dân tộc khác trên hoàn cầu, cũng thấy những kiêng kỵ như thế. Sự kiêng kỵ này liên quan đến phụ nữ ở khía cạnh người mẹ, tức khía cạnh sáng tạo của họ.

«Nhi nữ tình trường, anh hùng khí đoản». Quả thực đàn bà, ở ngay chỗ họ là đàn bà, có một sức mạnh đề thu hút và tiêu-tán nghị lực người đàn ông. Cố nhiên, sức quyến-dũ ấy tự nó chưa phải là xấu hay tốt, và người ta cũng nói đến những ảnh hưởng tích cực của người đàn bà ngay trong tình trạng kinh nguyệt đối với xung quanh, kể cả trong phạm vi chữa bệnh. (1)

Trong Ấn-độ-giáo, bên cạnh Tuyệt-đối Siva, bao giờ cũng có Sakti được

1) Xem EVOLA op.c. trg 202-206.

thể hiện nơi nữ thần Pârvati, và đó là khía cạnh âm-nhu, là pháp-năng sáng tạo của Tuyệt đối. Cái pháp năng ấy, trong Tantra và Vedânta, có tên khác là Mâyâ, tức ảo-thuật. Năng lực sáng tạo, như diễn tả trong Bhagavad - gitâ, đồng thời cũng là năng lực đáng sợ của tiêu-diệt. Và nữ thần Kâli, được gọi là Thần - mẫu nhưng lại đeo một vòng đầu lâu, tượng trưng cho sự tàn phá trong thiên nhiên ấy.

Cho nên, cái năng lực nơi người đàn bà có nhiều khía cạnh khác với sức mạnh cứng rắn và rõ rệt của người đàn ông. Năng lực trên đáng sợ ở chỗ nó là hàm hồ, và mạnh ở chỗ nó thu hút và quyến rũ, chứ không ở sức công phá. Cái năng lực ấy nó nằm sâu trong tiềm thức và tiềm năng, cho nên nửa xem như thần thánh, mẫu nhiệm, nửa xem lạ giống như yêu-ma,

Tuyệt đối đã sáng tạo bằng Sakti hay pháp năng của ngài, bằng Mâyâ hay ảo-thuật của ngài. Như vậy, cái luồng điện làm nổ máy và thúc cho sự vật xuất lộ ra lại là kâma, sức hướng ngoại của ham muốn. Cho nên, Sakti ở chỗ nó hướng ra ngoài, cũng đồng nghĩa với ham muốn và người ta gọi Sakti là cái mà bản tính là ham muốn : *kâma-rupini*.

Đàn bà cũng thế. Sáng tạo được thực hiện nơi họ ở một phạm vi thu hẹp nào đó, cũng như trên bình diện vũ trụ, nó diễn ra nơi Sakti, Mâyâ hay Prakriti. Quả đàn bà tàng chứa nơi mình mầm sống cũng như chính

sự sống đề tiếp sang cho mầm sống ấy. Cùng với mầm sống, họ cũng tàng chứa chính động cơ của sự sống là kâma, ham muốn. Kâma cũng lại là tính dục, là tình yêu, tương đương với tiếng Eros trong Hy - ngữ. Vậy người đàn bà tiềm tàng tính dục một cách sâu xa trong mình, trong từng tâm tình, thớ thịt và hơi thở của mình, chứ không có hạn định như ở đàn ông. Quả thế, dù ở thể xác hay tâm tình, tình yêu không phải là tất cả lẽ sống của người đàn ông. Vì thế, họ mới có thể theo đuổi lý - tưởng, hướng về những gì xa xôi và trừu tượng, bên ngoài sự sống lúc này và bây giờ đây của con người. Đó là điều mà lắm khi người đàn bà không thể hiểu. Người đàn bà khi yêu thì chỉ có thể sống bằng tình yêu thôi. Cho nên, họ không chịu nổi khi thấy người yêu của họ còn có những giây phút không nghĩ đến họ, nhưng nghĩ đến công việc và danh vọng, đến đấu tranh xã hội và chính trị, đến những khoảng trời bao la hơn gia đình, như quốc gia và thế giới. Dầu sao chẳng nữa, người đàn bà chỉ tôn yêu người đàn ông khi họ thực sự là đàn ông. Nên khi người đàn ông vì say mê họ mà lãng quên bản phận, thì họ sẽ khinh bỉ và bỏt yêu đi. Hơn nữa, có những phụ nữ chỉ yêu mẫu người đạo-sỹ nơi người đàn ông. Cho nên, lắm khi người tu sỹ được yêu muốn cởi áo nhà tu để lấy họ, thì họ lại thôi không yêu nữa.

(Còn tiếp)

Hoành-sơn HOÀNG-SỸ-QUÝ

THUỐC BÒ : **ACTIVIT**

TRỊ LAO LỰC, BỔ MÁU, BỔ PHỔI,  
BỔ CƠ THỂ,  
CƠ CHAT GAN BÒ TƯƠI CỦA HÒA-LAN.



# MỘT NGHỀ PHÁT ĐẠT NHẤT CỦA DÂN CAO-MIÊN :

## **Bán thực phẩm vật dụng cho quân đội Việt-Cộng**

● LÊ-HƯƠNG

Mấy năm gần đây, dân Cao-Miên có thêm một nghề mới và làm giàu rất mau. Đó là nghề bán thực phẩm, vật dụng và chuyên chở vũ khí, đạn dược cho quân-đội Việt-Cộng trú đóng trong lãnh thổ.

Nước Cao-Miên có hai nguồn lợi chính yếu là gạo và cá ở Biển Hồ. Ngoài ra số sản xuất các loại gia súc như bò, heo, gà cũng quan trọng đáng kể. Xưa kia, dưới thời Pháp thuộc, cá tươi, cá khô được người Việt tiêu thụ một số nhiều, khi Cao Miên độc lập và giao hảo với Trung-Cộng thì số cá thặng dư vào tay người Tàu hết ráo. và đến lúc Việt-Cộng đóng quân trên đất Miên thì hầu hết cá khô được nhóm người này tiêu thụ.

### **Việt-cộng đóng quân ở đâu ?**

Trước đây, vào những năm 1959, 1960 đến 1964, Quốc Trưởng Sihanouk nhất định cho rằng trong nước của ông không có một tên Việt-Cộng nào cả. Ông mời một vị Đại diện Liên-Hiệp-Quốc đến ở thường trực tại PhnomPenh để xác nhận lời ông là đúng Viên chức này thỉnh thoảng đi theo phái đoàn chánh phủ kinh lý những xóm ấp

không có Việt-Cộng để làm báo cáo rằng không thấy bóng Việt-Cộng nào, còn lại bao nhiêu thì giờ ông ở thủ-đô nhảy Lâm-Thôn. Lúc ấy Việt-Cộng đã có ở Cao-Miên rồi nhưng không nhiều lắm. Một vài Việt-kiều làm việc trong sở Cao-su ở tỉnh Kompom Cham về Saigon thuật rằng viên sĩ-quan chỉ-huy đoàn quân Việt-Cộng mỗi buổi chiều đến chơi quần vợt với ông Giám đốc người Pháp rất là thân mật, vui vẻ.

Mãi đến năm 1968, Sihanouk mới bắt đầu la hoảng là Việt-Cộng vào ở đất Miên nhiều quá. Chính ông mở cuộc họp báo tố cáo vấn đề Việt-Cộng ngang nhiên đóng quân và chỉ vạch từng địa điểm trên bản đồ. Bây giờ câu chuyện xưa cũ hơn 10 năm qua mới được chánh thức hóa

Theo tin tức mới nhất của Ban Tỉnh báo Hoa-kỳ thì ít lắm đã có 11 căn cứ của Việt-Cộng trong hai tỉnh Svay Riêng và Kompong Cham là nơi có đường thông thương sang Việt-Nam dễ dàng, mau lẹ. Ở các tỉnh khác giáp Cao nguyên và Vùng I Chiến thuật là Kratié, Stung Treng, giáp Kiến-Phong, Châu-Đốc và Kiêng-Giang là Prey Veng, Kandal, Takeo và Kampot thì

nơi nào cũng có nhưng không nhiều bằng hai tỉnh trên.

Người Việt ở Saigon không cần đi Cao-Miên, không cần đến biên giới, không cần qua lớp huấn luyện nào về Tình báo, Mật vụ, cứ đọc báo hằng ngày và nhìn vào bản đồ sẽ thấy các trận tấn công của Việt-Cộng vào các tỉnh Bình-Long, Tây Ninh, Kiến-Tường là do quân đội xuất phát ở chỗ nào trên đất Miên và rút lui ở chỗ nào? Còn nói gì bà con ở dọc theo lằn ranh thường ngày thấy tận mắt đối phương ở bên kia biên giới sinh hoạt tự-do, đường hoàng như người Miên!

Ngày 7-10-1969, trong cuộc nói chuyện trước một nhóm sinh viên du học trở về nước, quốc trưởng Sihanouk cho biết, theo một cuộc điều tra mới, thì có 40 ngàn Việt Cộng hiện diện bất hợp pháp trong lãnh thổ Cao Miên. Ông nói rằng số người đông đảo này đóng ở các tỉnh Rata Kanari, Kompong Cham, Svay Rieng. Takeo nghĩa là ở dọc theo lằn ranh Cao Miên, Việt Nam. Ông tiết lộ là trong dịp sang Bắc-Kinh dự lễ của Trung Cộng, Thủ tướng Cao-Miên, Lon Nol, đã hội kiến với Châu-ân-Lai để yêu cầu Trung Cộng dùng ảnh hưởng của mình để can thiệp với Bắc Việt về tình trạng chiếm đóng Cao Miên của quân Việt cộng. Thủ tướng Lon Nol cũng đến gặp Phạm-văn-Đồng và các đại diện Mặt trận Giải phóng Miền Nam để thảo luận về vấn đề này.

Người nào nghe vị quốc trưởng Cao-Miên tuyên bố như thế cũng không khỏi buồn cười. Hơ ơ! Ông cho rằng nói với Trung Cộng, Bắc Việt và Mặt

trận như vậy rồi họ rút quân về Bắc liền hay sao?

### Tổ chức của các công ty thương mại

Toán quân Việt cộng đầu tiên theo đường mòn Hồ-chí-Minh sắp đến Cao-Miên thì đám cán-bộ ở Thủ-đô PhnomPenh đã lo việc tiếp tế lương thực rồi. Người bắt mùi trước tiên là các thương gia Hoa-kiều chuyên mua sản phẩm của người Miên tích trữ để bán lại cho dân Miên với giá vốn cộng với số tiền lời và tiền phải lo hối lộ cho các quan Miên. Nhiều Công-ty được thành lập gồm có ông chủ Hoa kiều có tiệm lớn, có môn bài to và một hoặc hai cán-bộ Việt-cộng trong nhóm Kinh-tài. Máy tay này phần đông ở Saigon lên hoặc đi chánh thức, hoặc theo lối tỵ nạn chánh-trị. Không có một người nào ở Hà-Nội vào hành nghề này cả. Công-ty thuê xe hàng, loại chở 7,8 tấn chuyên vũ khí, đạn dược, quân trang, quân dụng từ hải cảng Sihanouville ở Vịnh KompongSom đến PhnomPenh rồi đi thẳng ra biên giới. Từ khoảng đường tráng nhựa vào đến mật khu, hàng hóa, được cán-bộ Việt-cộng tiếp nhận, phải tải bằng xe bò nếu đi xa, hoặc bằng dân công nếu đi gần. Những món thực phẩm như gạo, cá khô, các vật dụng như văn phòng phẩm, các loại thuốc Âu-Mỹ cũng «đi» bằng phương pháp ấy.

Dần dà số Việt-cộng gia tăng, nhu cầu thêm nhiều, Công-ty thương mại ở PhnomPenh phải thuê và sắm 100 chiếc xe bò riêng tại tỉnh Kompong Cham để chở thức ăn, hàng hóa mỗi ngày vào căn cứ. Sở dĩ họ phải dùng lối xê dịch cỡ lỗ ấy vì trong tỉnh này không có nhiều

đường sá cho xe hơi chạy, chỉ có đường mòn trong rừng mà tổng số Việt-cộng đồn trú lại quá đông. Còn ở các nơi khác thì vẫn theo phương tiện cũ.

Ngoài phạm vi hoạt động của các Công ty ở PhnomPenh, một số đông người Miên ở địa phương chuyên bán thức ăn cho Việt cộng hàng chục năm nay đều làm giàu rất chóng.

Theo tin tình báo mới nhất được công bố thì mỗi tháng Việt-cộng nhận 253 tấn thực phẩm, vũ khí, đạn dược của Trung-Cộng, Nga-sô qua ngã chánh thức : Hải cảng Sihanouville. Các thức ăn hằng ngày vật dụng, thuốc men thì do các Công-ty ở PhnomPenh và dân Miên cung cấp. Một số hàng quan trọng khác do các chợ trời dọc theo biên giới như Phước-Tân, Gò-Dầu-Hạ, Sở Thượng, Thường-Phước, Tịnh Biên, Hà Tiên tiếp tế cho quân lính Việt-Cộng xài đầy đủ quanh năm. Du khách thỉnh thoảng viếng các ngôi chợ trời để mua các loại hàng hóa không có ở những chợ thường rất ngạc nhiên thấy từng đống đĩnh dài hơn 1 tấc, nhiều xấp giấy mỏng để đánh máy, giấy sáp, mực cho máy quay Ronéo, giấy im, những loại văn phòng phẩm bán ở hiệu tạp hóa Saigon ! nếu dò hỏi ta sẽ được người bán nheo mắt trả lời vẫn tất rằng :

— « Mấy ông » dặn mua dùm !

Đỉnh đờ làm bàn chông, đồ dùng trong văn phòng để làm truyền đơn, công văn. Mấy toán quân đóng sát biên giới khỏi mất công đến quận lỵ, tỉnh lỵ xa xôi. Bọn con buôn ở vùng quốc gia tiếp tế thường xuyên cho Việt cộng qua ngã chợ trời cũng giống như vấn đề mất trộm thuốc Tây ngay giữa thủ-

đô Saigon. Có một dạo vài ông chủ nhà thuốc tự nhiên hô hoán là bị mất trộm, không phải tất cả số thuốc trong tủ, mà chỉ một số trụ sinh, thuốc rét, thuốc chích cầm máu, nghĩa là những loại của người ở chiến khu dùng ! Rồi trong lúc nhà chức trách mở cuộc điều tra như thường lệ, quân đội tảo thanh bắt gặp dưới hầm Việt cộng rất nhiều món thuốc giống hệt như ở các tiệm Saigon bán hằng ngày.

Ngoài những sản phẩm Cao Miên, người ta thấy rất nhiều món ở Việt Nam đem vào mặt khu Việt Cộng mà con buôn cho rằng mua từ bên Lào chở về bằng tàu bay. Nói vậy ai cũng biết ngay là kẻ ở Lào mua ở Saigon rồi bán qua Cao Miên ! Đó là cái vòng lẩn quẩn muôn đời của giới thương; mãi mà ai cũng biết nó khéo loanh quanh như thế nào ?

Về các loại tiền của Việt Cộng trả cho Công ty thương mại ở PhnomPenh và dân Miên ở địa phương, có người kể rằng chúng xài tiền Hồ-Chí-Minh in ở Hà nội, nhưng sự thật chúng có đủ loại lưu hành ở Đông Nam Á như đô-la Hoa kỳ, đô-la Hong Kong, tiền Riel của Cao miên và bạc Việt-Nam. Người bán muốn lấy loại nào cũng có ngay. Công ty ở PhnomPenh thì chọn đô-la Hoa kỳ và Hong Kong để mua hàng ngoại quốc, người Miên lấy tiền Riel. Không ai chịu lấy tiền VN vì sợ bị sụt giá thái quá. Một đồng Riel đổi ba đồng VN ! Tên Miên nào khôn lanh thì lấy tiền đô-la Hoa-kỳ đem về đổi lại cho Hoa Kiều kiếm thêm chút ít lời, tên nào không về thủ-đô thì cứ ra dấu với lính Bắc Việt, hoặc đưa giấy bạc Miên ra làm hiệu.

Khi đoàn xe đến khu Việt cộng chiếm

đóng bọn lính tự do mua các món cần dùng. Người nào dẫn trước thì tiếp xúc thẳng với người bán, kẻ nào chưa có quen thì lựa chọn món thích ý. Người mua sắp hàng lần lượt đến từng chiếc xe, không ồn ào, không chen lấn, không lộ vẻ họp chợ để nhiều người biết. Xe nào hết hàng phải rút lui ngay, không được chần chờ; người đánh xe, người bán hàng không được lân la, trò chuyện, đi dạo lơ mơ xa vị trí đậu xe. Hầu hết người bán là dân Miên, không thích tò mò lời thối, nên bọn Việt Cộng không mấy gì thắc mắc. Và lại, chúng phải mua lòng người Miên vì đóng quân một cách bất hợp pháp, nên ít khi dám sừng sộ, rầy rà để làm phật lòng « ông chủ nhà »! Trong số người bán thỉnh thoảng có vài Việt kiều sanh đẻ ở Cao Miên, sống với người Miên nên hình dáng và giọng nói không khác dân Miên. Lính Bắc Việt mới vào không thể nào phân biệt được. Những người này giả làm người Miên luôn để tránh vấn-đề bị nghi làm gián điệp cho «Đế-quốc Mỹ» cho Chánh phủ Việt Nam Cộng hòa

Về giá ả, người bán nói bao nhiêu người mua cũng gật, không một tiếng mặc cả, dẫn đo. Vật gì cũng lấy, không chê, không chọn lựa, hình như chưa bao giờ được trông thấy vậy. Một cây lượm giá 3 riel, bán 10 riel một bánh sà-bông 5 riel. bán 20. Tha hồ mà đập, đùng bả người Miên thật thà chất phác mà lắm. Tên nào quen khách thì nhận mua hàng kỳ sau. Có tên giao thiệp lâu ngày vừa gặp người bạn Bắc Việt thì nhảy cõn lên bá cổ, bá vai nói tiếng Miên rồi rít. Tên kia cũng đáp lại bằng tiếng Việt tỏ ý

« thông cảm ». Người nào nói nấy nghe, xem thật buồn cười. Một người Miên về nhà khoe với vợ rằng mình được người bạn lính Bắc Việt mời ra Hà Nội chơi một chuyến để biết nước bạn « anh em ». Những người buôn bán nhiều lần, biết được chỗ yếu của Việt Cộng, tăng giá thật cao thâu lời thập bội. Mỗi lần ôm túi bạc về nhà, các tay tân trọc phú này gật gù cho rằng bọn lính Bắc Việt, đại dốt quá (!) và buôn bán với quân đội Việt cộng còn lời nhiều hơn người Việt buôn bán với lính Hoa Kỳ!

oOo

### Kết quả và hậu quả

Trên phương diện kinh-tế, Chánh phủ Cao-Miên thu được nhiều món lợi về số sản phẩm tiêu thụ nhiều, và số tiền thuế. Dân Miên phát tài rất mau, từ thành thị đến thôn quê, đâu đâu sự sinh hoạt cũng nhộn nhịp đêm, ngày. Tiếng xe hơi rầm rộ, tiếng xe bò cọt két, cà rịch cà tang, nghe như tiếng nhạc triền miên của ông Thần Tài. Chẳng mấy chốc mà những nơi xưa kia hoang vắng không ai buồn để chân đến bây giờ hóa ra cảnh thị tứ, đô hội. Đám dân đen suốt đời sống với miếng ruộng, mảnh vườn hoặc cây riu đồn củi rừng, nay đã thành tiểu phú gia, bạc tiền đầy rương, đầy tủ. Tất cả sự thịnh vượng này đều nhờ số quân lính Việt-Cộng không lờ ngang nhiên trú đóng trên đất Miên để làm hậu cứ xâm nhập miền Nam Việt Nam,

Hậu quả xảy ra thế nào cho nước Cao-Miên, bọn con buôn Hoa-kiều và ngay cả một số đông người Miên đang làm giàu không cần biết hoặc nghĩ đến.

Quân lính Việt-Cộng ở đông chùng nào họ càng giàu thêm chùng ấy nên họ cầu mong cho tình thế kéo dài đến muôn đời ! Họ không bận tâm đến mối ưu tư của người Miên thức thời qua câu châm ngôn : « *Giao thiệp với người Việt miền Nam như chơi với con sấu không có răng, con người Việt miền Bắc là con sấu có răng !* » Dân Miên thời xưa sống quây quần xung quanh Biển-hồ thường bị sấu ăn thịt nên họ coi con sấu là loại thú dữ hại người như dân Việt sợ con cọp. Lời ví của cổ nhân quả là đúng sự thật trăm phần qua nhiều kinh nghiệm từ ngàn xưa. Rõ ràng dân Cao Miên đang

đùa với con sấu có răng và đang chờ xem bộ nanh nó bén nhọn thế nào ?

Trong một phiên họp báo vào tháng 2 năm 1969, Quốc trưởng Sihanouk than phiền rằng dân Miên không nghĩ đến điều tai hại cho Quốc gia trong việc tiếp tế cho quân đội Việt cộng, Nhưng tác lòng ưu tư của ông liệu có được thần dân thông cảm hay không ? Cũng như với số 35.000 quân lính võ trang của nước ông liệu có làm gì nổi số 40.000 lính Việt Cộng đang ở trong lãnh thổ Miên không ?

LE-HƯƠNG

# NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc  
Tăng cường trí nhớ

# ASPRO



trị :

## CÁM CÚM ĐAU NHỨC

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

Pub. TÂN-TRÍ

KN 226.8YT



## THƯ LÂM ẮN THƯ QUAN

231-233-235, Phạm Ngũ-Lão — Sài-gòn

Dây nói : 25.861

**NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG**  
 có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)  
 màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-diện  
 số : 2.701 THƯ LÂM ẮN THƯ QUAN

Đa tài thường đa tật. Nhất là các nghệ sĩ phương Tây ở thế kỉ XIX, thế kỉ lãng mạn, đam mê, cuồng loạn thì lại càng nhiều tật vì không khí chung của thời đại.

Nhưng họ có tài, cảm xúc sâu sắc hơn ta, tưởng tượng dồi dào hơn ta, phổ biến được nỗi lòng cùng tư tưởng một cách tinh tế hơn ta, miêu tả được thiên nhiên một cách chân xác, bóng bẩy hơn ta. Họ vừa là những đại biểu của nhân loại — vì là người thương như chúng ta, có tâm tư của chúng ta — vừa là những vì sao lấp lánh, những bông hoa rực rỡ tô điểm cho vũ trụ.

Và ngay cả những kẻ nhiều tật nhất, tâm hồn cũng có một vài điểm khả ái: Chateaubriand về già chịu nghèo để giữ thanh danh, Goethe rất khiêm tốn nhận rằng đã mang ơn rất nhiều của tiền nhân cũng như của người đồng thời..

Đáng quý hơn cả là hết thấy đều có đức chung này: càng có tài lại càng trau dồi cái tài, cần cù làm việc suốt đời, chỉ nhằm mỗi mục đích là lưu lại cái Đẹp cho hậu thế.

Goethe bỏ ra non sáu chục năm viết kịch Faust

Chateaubriand đã xếp bản thảo tập Hồi-kí vào thùng, niêm phong lại, giao cho một chường khế, rồi lại mở ra, sửa lại nữa trước khi mất.

Maugham chịu đói rét mười năm để luyện cây viết, sáu mươi lăm tuổi mới nghỉ vì không muốn làm «dơ thêm những bức họa cũ» của ông.

Disney coi tiền bạc chỉ là một phương tiện để làm việc, kiếm được bao nhiêu đem dùng hết vào việc cải tiến nghệ-thuật, không hưởng thụ một chút gì.

Còn Balzac thì suốt đời «bị cực hình vì bút và mực», uống cà phê đậm, ngâm chân vào nước hột cải để viết ngày viết đêm, sửa bản thảo cả chục lần; tới khi đau bác sĩ bảo phải nghỉ, ông đáp: «Nghỉ! ai mà chẳng biết toa thuốc đó Nhưng làm sao mà nghỉ được?»

Trên đây là lời nói đầu của tập «Đời các nghệ sĩ» của Ô Nguyễn-Hiến-Lê sắp xuất bản. Chúng tôi xin trích đăng tiếp đây về cuộc đời của người đã «bị cực hình về bút và mực», cuộc đời của Honoré de Balzac.

NGUYỄN-HIẾN-LÊ



## HONORÉ DE BALZAC

1799 — 1850

### Ảnh hưởng của thời đại?

Tôi cho rằng phải bắt tay vào việc mới nhận định được đúng tài năng và công trình của người khác; hơn nữa,

phải là người có đại tài mới hiểu được bậc thiên tài. Cho nên các nhà phê bình và tiểu thuyết gia tầm thường chê Balzac là thiếu nghệ thuật mà trái

lại, các văn hào từ Lamartine, Hugo tới Marcel Proust... đều phục Balzac là kì tài, vĩ đại, hào quang rực rỡ, một con đại bàng, một đấng sáng tạo... Somerset Maugham bảo tiểu thuyết hay nhất của nhân loại là *Chiến tranh và Hòa bình* của Tolstoi, còn tiểu thuyết gia lớn nhất của nhân loại là Balzac. Ngưỡng mộ Balzac nhất là Stefan Zweig: « Cả một thời đại, cả một vũ trụ, cả một thế-hệ sống trong tám chục cuốn tiểu thuyết của ông (tức Balzac) (...) Trong dự định của ông còn bốn chục cuốn nữa viết dở dang hoặc chưa viết; nếu ông viết hết được thì sự nghiệp của ông tới cái mức không ai quan niệm nổi, thành ra kì quái, làm cho tất cả các người tới sau phải hoảng sợ. »

Hết thấy các nhà đó đều nhận rằng Balzac có một nghị lực phi thường và một sức tưởng tượng phong phú lạ lùng.

Stefan Zweig trong cuốn *Trois matres* (Grasset-1949) bảo như vậy nhờ ảnh hưởng của thời-đại. Balzac sanh đúng vào thời Napoléon lên như điều Mới ngày nào còn là một kẻ vô danh, từ một đảo hoang ở Địa-Trung-Hải tới Paris không quen thuộc ai, mà bỗng hai bàn tay trắng, Bonaparte chiếm được Paris, rồi nước Pháp, rồi cả châu Âu. Những chiến công gần như hoang đường của « chú cai bé nhỏ » đó — Napoléon —

nhất định đã đập mạnh vào óc Balzac hồi trẻ; rồi lớn lên một chút, Balzac lại được thấy tận mắt Napoléon thấy tận mắt sự xáo trộn tất cả các giá trị vật chất và tinh thần do Napolion gây ra « Và đối với một em nhỏ — lời của Stefan Zweig — trông thấy một nhà chinh phục, tức là muốn sau thành một nhà chinh phục». Mà đã không thể chinh phục thế giới bằng khí giới được nữa thì chỉ còn cách là chinh phục bằng nghệ thuật. Vì vậy mà «Balzac bắt đầu viết; không phải như các người khác để kiếm tiền, để làm vui thiên hạ, để có một tủ đầy tác phẩm (...) mà để được đội cái mũ miện trên Văn đàn» như Napoléon đội mũ miện trên ngôi báu.

Stefan Zweig muốn giải thích «hiện tượng Balzac» bằng ảnh hưởng của thời đại. Thời đại ảnh hưởng tới con người thật, Balzac có thể đã mong thành một Napoléon trên văn đàn đấy, nhưng Hugo, Alexandre Dumas — cha mà chẳng vậy ư? Còn như bảo Balzac viết không phải để kiếm tiền thì đọc tiểu-sử của Balzac, ta thấy lời đó sai: Balzac cho thành công là có danh vọng và kiếm được nhiều tiền.

Vậy thuyết của Stefan Zweig chỉ đáng tin một phần nhỏ thôi.

**Cha và Mẹ**

André Allemand trong cuốn *Honoré*

## REGAST. T.

- Trị các chứng đau bao tử, ợ chua, đầy hơi.
- Bào chế theo công-thức của Hòa-Lan



*de Balzac : création et passion* (Plon-1965) đưa một thuyết khác : di truyền của cha mẹ. Thuyết này có phần đúng hơn.

Bernard - François Balzac, thân phụ của Honoré là một con người kì cục. Sinh năm 1746 trong một gia đình nông dân nghèo ở Tarn, gồm mười một người con mà ông là anh cả ; tổ tiên mấy đời vẫn mang tên họ là Balssa, tới đời Bernard thấy tên đó « bách tính » quá, mới tự nhận là hậu duệ của một dòng họ quý phái: Balzac d'Entragues, nhưng còn rụt rè, không tự cho mình là quý phái, không dùng chữ *de* ; mãi tới sau Honoré nổi danh rồi, mới mạnh bạo ký là Honoré de Balzac, tự phong cho mình là hầu tước.

Ngay từ hồi nhỏ, Bernard đã có chí thoát cảnh cơ cực của đời sống nông dân. Thông minh, siêng năng, ông học được mấy năm, biết đọc, biết viết, rồi xin làm một thư kí cho một chương khế.

Rồi năm hai mươi tuổi ông bỗng bỏ quê hương, đi khắp nước để tìm cơ hội lập thân. Năm 1776, ông tới Paris, không hiểu sao mà được làm thư kí trong nội các vua Louis XVI ; sau được bầu vào Hội đồng Đô-thị Paris ; rồi làm tổng thư kí cho ngân hàng Doumerc ở Paris, năm 1795 được làm Giám đốc quân lương ở Tours. Con người có chí thật : năm 1797 địa vị đã cao, mới kiếm vợ ; năm mười một tuổi (nhưng vẫn còn khoẻ mạnh) cưới một thiếu nữ mười chín tuổi, cô Anne-Charlotte-Laure Sallambier.

Khi Honoré ra đời (1799), ông làm phó thị-trưởng Tours, gia đình phong túc. Sau Honoré, tới hai người con

gái Laure rồi Laurence và một người con trai nữa, Henri, một đứa con ngoại tình mà bà Bernard rất cưng, làm cho Honoré phải ghen tị.

Ông có nghị lực, có cao vọng, ham vui, giao thiệp rộng, có tài kể chuyện, có giọng hóm hỉnh, mỉa mai, đôi khi tục tĩu, lại ham đọc sách lung tung chẳng lựa chọn gì cả, viết được dăm sáu cuốn về những vấn đề kì cục như : Làm sao để phòng trộm cướp và ám sát, Con gái mà bị tình nhân lừa gạt rồi bỏ thì gây loạn cho xã hội ra sao, Lịch sử của bệnh chó dại... có cả một cuốn đứng đắn bàn về hai nhiệm vụ lớn của người Pháp, mà một nhiệm vụ là dựng-khải-hoàn môn cho Napoléon, rồi khi Napoléon bị truất ngôi, dòng Bourbon lên cầm quyền, thì ông lại hô hào thiên hạ dựng tượng vua Henri IV.

Nhưng hình như ông có một tật là nề vợ quá, mọi việc trong nhà do vợ quyết định hết. Bà trẻ, đẹp, rất lanh lợi, duyên dáng, hay làm đóm, sinh trong một gia đình trưởng-giả ở Paris, thông minh, văn hóa cao, có hồi môn lớn mà không hiểu tại sao lại nhận lời cầu hôn của một người, tuy thành công nhưng thô lỗ và hơn bà tới ba mươi hai tuổi. Thích văn chương, đọc rất nhiều sách, có óc lãng mạn, tưởng tượng rất dồi dào, bà không thích công việc nội trợ, ngay tới con cái bà cũng không săn sóc tới, sanh đẻ xong là giao ngay cho một người vú nuôi. Bà không thực là hà tiện, nhưng quá quan tâm về chuyện tiền bạc, luôn luôn nhắc các con phải kiếm nhiều mà tiêu ít, nhà phong lưu mà bắt mọi người phải thiếu thốn, thành thử đời sống của Honoré và các

em rất buồn thảm. Các con xa lánh và sợ bà thì bà lại trách là quân vong ân, không hiểu sự hy sinh vô cùng của bà.

Vì vậy Honoré chỉ mong thoát li gia đình càng sớm càng hay, và trong cuốn *Le Lys dans la vallée* sau này, một tiểu thuyết có tánh cách tự truyện, ông oán gia đình :

« Tôi có tật gì về thể chất hay tinh thần không mà mẹ tôi lãnh đạm với tôi?... Gởi tôi cho vú nuôi ở nhà quê, gia đình tôi quên tôi trong ba năm và khi tôi trở về nhà thì chẳng ai coi tôi ra gì cả, đến nỗi người ngoài thấy vậy phải thương hại cho tôi ».

### Bị cha mẹ bỏ bê

Tám tuổi Honoré vô nội trú trường Trung học Vendôme do các linh mục phái Oratoire, một phái Tin Lành, điều khiển; Đúng năm đó bà sinh cậu Henri mà bà rất cưng. Honoré oán mẹ điều đó nữa, trong tiểu thuyết thường tả những người mẹ tội lỗi hành hạ con chính chức mà nuông chiều con ngoại tình.

Honoré học không giỏi, nhưng được di truyền của cả cha lẫn mẹ, rất ham đọc sách, gặp bất kì cuốn nào cũng đọc; triết lí, tôn giáo, sử kí, khoa học... và đọc rất nhanh, nhìn thoáng qua được bảy tám hàng, mỗi câu chỉ đọc một chữ cũng hiểu được nghĩa. Lại thêm có óc tưởng tượng dồi dào như mẹ, nên cậu hiểu thấu, trông thấy rõ những điều đọc trong sách. Cậu đọc nhiều tới nỗi năm học lớp đệ-nhị (tức như đệ-tam của ta) có lần cậu choáng váng rồi té xỉu mê man. Trường học phải mời bà tới đưa cậu về nhà. Trong sáu năm ở Trung-học, lần đó là lần thứ nhì bà lại trường thăm con, và là lần thứ nhất Honoré

được về nhà đoàn tụ. Ý như sáu năm bị nhốt khám, cả trong những tháng hè. Tại sao mà có thể như vậy được nhỉ.

Về nhà nghỉ ngơi ít tháng, Honoré bình phục, nhưng lại sầu khổ về nỗi lạnh nhạt của mẹ; cậu chỉ còn mỗi niềm an ủi và tâm sự là với em gái Laure.

Năm 1814, Napoléon đại bại, bị truất ngôi và đày ra đảo Elbe. Honoré vô trường Trung học Tours, học lại lớp đệ tam, mới được ba bốn tháng thì cả gia đình lên Paris vì ông Bernard có một chức vụ mới ở Paris.

Năm 1816, đậu bằng cấp Trung học vào hạng tầm thường, vô trường Luật, tính học ba năm để lấy Tú tài Luật. Vừa học vừa làm thư kí cho một vị đại-tụng rồi một vị chưởng-khế. Cậu thích công việc đó vì nó giúp cậu hiểu được luật lệ, nhất là các vụ kiện cáo, các bi kịch trong xã hội, trong gia đình, rất có lợi cho công việc viết văn sau này. Nhưng cũng như cha, Honoré vui tính và có tài kể chuyện, làm cho bạn bè bỏ cả công việc mà ngồi nghe, và viên chủ sự một hôm phải bảo cậu : « Ngày mai có nhiều công việc lắm, xin thầy Balzac đừng tới. »

### Hai năm tập nghề viết văn

Năm 1819, thân phụ cậu, bảy mươi ba tuổi, phải về hưu, lương hưu trí không được bao nhiêu, nên gia đình mua một ngôi nhà ở Villeparisis, cách Paris độ vài chục cây số, rời về đó ở cho đỡ tốn.

Honoré không muốn mà cũng không thể rời Paris được. Đầu năm 1819 chàng đã đậu Tú tài Luật. Song thân

chàng hi vọng chàng kiếm được một cô vợ giàu, mở được một phòng chưởng khế. Chàng cương quyết chống lại ý đó và nằng nặc đòi viết văn. Bà Bernard bất bình vì chỉ mong con mình mau làm giàu mà viết văn thì làm giàu sao được. Nhưng ông Bernard đã viết được mấy cuốn sách đề cầu danh nên hiệu con hơn, khoáng đạt hơn, thấy con thông minh, bằng lòng cho Honoré thử viết trong hai năm, mỗi năm sẽ chu cấp cho một ngàn rưỡi quan, bằng số lương của một thư kí. Như vậy là hi sinh nhiều lắm, gần hết số tiền hưu trí (695 quan) của ông rồi.

Bà đi kiếm cho Honoré một phòng ở đường Lesdiguières. Phòng ở từng lầu năm, sát mái nhà, thấp tối, bần thiêu, ngói hở, trông thấy trời được, mùa đông lạnh buốt mà mùa hè rất hầm. Chàng phải nấu nướng lấy và hứa với cha mẹ không được đi dạo phố, không được giao du (chỉ tiếp xúc với vài người quen thôi), để gia đình khỏi mang tiếng nuôi một đứa con báo cô lang thang vô nghệ nghiệp.

Vậy chàng có đủ phương tiện để tập nghề viết văn trong hai năm, tuy chẳng phong lưu, nhưng còn sướng hơn Victor Hugo hồi trẻ chỉ có hai xu mỗi ngày để ăn, sướng hơn cả Alexandre Dumas-cha vì Dumas chỉ được mẹ cho có năm chục quan để lên Paris tìm việc lấy mà làm, vừa làm vừa tập viết.

Ngồi một mình trong cái phòng ở thượng lương đường Lesdiguières đó, Honoré thấy sung sướng đã được tự do, thoát li gia đình, vừa chắm miếng bánh mì vào sữa vừa ngó những mái nhà trải ra như bát úp ở trước mặt, mái bằng ngói đỏ, mái bằng đá đen (ardoise : thứ đá lợp nhà, và để làm bảng đen

cho trẻ em viết), mái phủ rêu vàng hoặc xanh. Tối đến, những tia ánh đèn lọt qua những khe cửa khép không kín, và ánh mờ mờ ở dưới đường tỏa lên gợi nên một không khí huyền ảo trong sương mù. Ban sáng, ánh mặt trời lấp lánh trên một biển mái nhà, khắp bốn phía, khói tỏa từ các ống khói lên, tan vào trong làn sương mỗi lúc một nhạt. Chàng thấy cảnh nên thơ : « Tôi yêu phòng giam của tôi ».

Chàng bắt đầu làm việc liền. Nhưng viết gì đây ? Có biết bao đề tài ở trong đầu, thực là khó lựa. Sau cùng chàng quyết định : viết một kịch lịch-sử bằng thơ, kịch *Cromwell*. Kịch ở nước ta rất khó bán, nhất là kịch bằng thơ ; nhưng ở Pháp từ thế kỷ XVII, nó rất được hoan nghênh, như tuồng Cải lương của ta hiện nay vậy, viết một kịch được hoan nghênh, diễn độ một trăm lần thì nổi danh liền mà lại phong lưu nữa, mỗi lần diễn, soạn giả có thể được lãnh hai trăm quan, mỗi quan thời đó bằng 100 bạc Việt Nam năm 1969. Vì vậy Hugo Dumas-cha... đều bắt đầu sự nghiệp bằng một vở kịch.

Honoré lựa thể văn đó là phải. Chàng suốt ngày suốt đêm tìm văn, đầu óc lúc nào cũng bưng bưng.

Hai mươi ba tuổi, muốn ăn lúc nào thì ăn, ngủ lúc nào thì ngủ, có một công việc say mê, hi vọng tràn trề, còn gì sướng hơn nữa ! Nhưng sao mà khó tìm văn thể, câu thơ thiếu tiết điệu, nhịp nhàng ; suốt ngày đêm cầm cổ viết viết, bôi bôi, chỉ khi nào cần thiết lắm mới xuống phố. « Nhất định tác phẩm đầu tay phải là một danh tác, nếu không thì anh sẽ tự vắn cổ anh, em ạ » (Thư cho Laure). (1).

(1) Theo André Maurois là từng lầu 5, theo Allemand là từng lầu 3.

Sau cùng, tháng 5 năm 1820, chàng viết xong vở kịch : hai ngàn câu thơ và ô-m bản thảo về Villeparisis để gia đình phê phán.

Ông bà Balzac mời một số người thân lại — có cả chàng rể Surville, kỹ sư Cầu cống, chồng mới cưới của cô Laure. Honoré ngồi ở giữa phòng đọc tác phẩm của mình cho mọi người nghe. Mỗi lúc giọng chàng càng hăng.

Nhưng khi đọc xong, mọi người đều im lặng thất vọng, không khí thật lạnh lẽo. Một người cất tiếng khen lấy lòng rồi chỉ trích nhiều chỗ. Honoré tự bào chữa và sau cùng, do lời đề nghị của Surville, gia đình gởi tác phẩm cho một nhà phê bình. Andrieux giáo sư trường rất nổi danh Collège de France. (Pháp Quốc học viện). Andrieux bạo tác giả vở đó "nên làm bất kì một nghề gì khác, đừng đeo đuổi văn chương nữa".

Honoré vẫn chưa chịu khuất phục, nhưng hai năm sau chàng thú thực với Laure rằng kịch *Cromwell* chẳng ra cái quái gì cả.

Vẫn chưa hết hạn hai năm, Honoré can đảm trở lại căn gác xép đường Les diguières, viết nữa. Chàng được cha di truyền cho một nghị lực đánh thép và một tham vọng mênh mông. Phải thành công, nhất định phải thành công, phải giàu sang, được mọi người ngưỡng mộ. Trước hết phải kiếm cho được nhiều tiền đã, danh vọng sẽ tới sau. Mà muốn kiếm được nhiều tiền thì phải chiều thị-hiếu của độc giả.

### Xưởng tiểu thuyết của Huân tước R' Hoone

Thời đó, dân chúng chán ngán những chiến tranh tai hại ở cuối đời Napoléon, chỉ thích đọc những tiểu thuyết giạt gân, tình cảm, loại "tiểu

thuyết đen" (roman noir) hoặc tiểu thuyết lịch sử. Phong trào phát từ Anh trước hết. Cô Ann Radcliffe nổi tiếng nhờ viết những truyện rừng rợn; rồi tới Byron và Walter Scott cũng có một số độc giả vĩ đại. Truyện nào kể những vụ đâm chém, cướp bóc, hiệp đâm trong các đường hẻm, hãm tối là được người ta tranh nhau đọc; nếu thêm một chút màu mè lịch sử, bóng dáng một hiệp sĩ kiêu D' Artagnan thì càng được hoan nghênh. Năm 1821, ở Pháp cuốn *Melmoth, con người lang thang* "thành công" vĩ đại. Thế thì đại gì mà không bắt chước thiên hạ. Gần hết hạn hai năm rồi, cần kiếm được tiền đã, cần được độc lập đã. Viết một danh tác lưu danh hậu thế thì vẫn là đáng khen đấy, nhưng đói rét thì làm sao viết được?

Honoré bèn kiếm một bọn viết lách trạc tuổi mình, vô tài mà vô lương tâm như Auguste Lepoitevin de l'Épreville, Etienne Arago, cùng nhau lập một "xưởng sản xuất tiểu thuyết" bậy bạ, và Stéfán Zweig gọi xưởng đó là công ti Horace de Saint-Aubin, vì Honoré không kí tên thật mà lấy bút hiệu đó, hoặc bút hiệu Huân-tước R'Hoone. R'Hoone là tự mê của Honoré, cũng như Khái Hưng là tự mê của Khánh Giu. Ta nhận thấy chàng đã ham chức tước rồi đấy, và cũng biết những tiểu thuyết bậy bạ mình đương viết chẳng làm vẻ vang gì cho tên tuổi cả. Sau này, khi nổi danh rồi, chàng thú thực những tiểu thuyết đó toàn là thứ tiểu thuyết "con heo" hết (cochonnerie).

Xưởng Horace de Saint-Aubin sản xuất thực mau : từ 1820 đến 1825, cho ra lò ít nhất là hai chục truyện, có người bảo là ba chục, có người bảo trên bốn chục : *L'Héritière de Birague* (1822), *Jean Louis* (1822), *Clotilde de*

*Lusignan* (1822), *Le Vicaire des Ardennes* (1822), *Le Centenaire* (1822), *La dernière fée* (1823) vân vân...

Và quả như chàng dự tính, tiền tuôn vô đầy túi, và chàng không do dự một chút, khoe với cô Laure rằng danh tiếng chàng mỗi ngày mỗi tăng, bằng cứ là :

Truyện L' Héritière de Birague	
bán được	800 quan
Jean Louis	1 300 —
Clotilde de Lusignan	2.000 —

Rồi chàng viết thêm : « Chẳng bao lâu nữa, Huân tước R'Hoone sẽ thành một nhân vật ai cũng nhắc tới, một tác giả phong phú nhất, dễ thương nhất, các bà các cô yêu quý nhất, vân vân... »

Không những vậy, Huân tước R'Hoone còn bán cây bút cho các chính khách dơ dáy, đê tiện nhất nữa Họ « com-măng » gì Huân tước cũng viết, hôm nay bênh vực đảng này, vì người này, ngày mai có thể vì người khác, cũng chửi ngay lại đảng đó. Rồi y như ông bố, viết cả sách chỉ cách cho các người lương thiện khỏi bị bọn bợm lường gạt (*L'art de ne pas être dupe des fripons*, 1825), cách thất cà vạt theo mọi kiểu... Tới nỗi mà Stefan Zweig, người ngưỡng mộ Honoré de Balzac nhất, cũng phải bảo rằng ông ta (Huân tước R'Hoone) lấy những mảnh trong tiểu thuyết của mình vá víu vào tiểu thuyết của người khác rồi úi lại, nhuộm lại, tung ra thị trường mọi thứ hàng, từ triết lý, chính trị, tới câu chuyện phiếm, miễn là bán được nhiều tiền, tóm lại là không có một sự dơ dáy nào về văn chương mà Huân tước ta không nhúng tay vào.

Đúng vậy, lúc đó Honoré chỉ muốn

như cha, leo lên thật mau trên nấc thang xã hội đã, đề ba mươi tuổi, có thể đầy túi mà hưởng thụ cho sướng đời. Lời hứa với cô Laure năm 1819 : « Nhất định tác phẩm đầu tay của anh là một danh tác nếu không thì anh sẽ tự vận cồ anh », bây giờ chàng đã quên hẳn rồi ; và chàng hứa một lời khác : « Phải kiếm được năm trăm quan mỗi tháng. Anh đương ở cái tuổi xuân mà chưa được hưởng một bông hoa nào của đời cả. »

Nguyện vọng của chàng hồi đó còn khiêm tốn : chỉ cần năm trăm quan mỗi tháng (bằng hai lương chú em rề, kỹ sư Cầu cống). Thời đó số độc giả Pháp tăng lên dữ dội và một số văn sĩ kiếm được rất nhiều tiền : Tập thơ *Les Méditations* của Lamartine in sáu chục ngàn bản. Truyện *Les Mystères de Paris* của Eugène Sue in ba ngàn bản, bán hết nội trong một ngày, tái bản tức thì, một tuần lễ sau bán được mười ngàn bản, tính ra mỗi năm tác giả thu được 75.000 quan, tức 7 500.000 bạc Việt Nam hiện nay, trong khi tiền công nh ật của một thợ mỏ là hai quan. Thực là hoàng kim thời đại của các nhà xuất bản, nhà sách và nhà văn.

Năm 1822, Honoré in được năm cuốn như trên chúng ta đã thấy, kiếm có thể được mười ngàn quan, gấp rưỡi số tiền ước ao (sáu ngàn quan mỗi năm) rồi chửi, như? lòng tham của chàng không đáy, muốn làm giàu thật mau, mau nữa, mỗi ngày một mau, và chàng bỏ cái xưởng chế tạo tiểu thuyết mà nhảy qua ngành kinh doanh.

cOo

### Ba lần kinh doanh để rớt cuộc mang nợ

Cả xã hội Pháp thời đó chỉ ham làm tiền vì hạng phú hào giữ trọng trách trong triều Charles X, Louis Philippe và

cách mạng kỹ nghệ đã tạo nên một số tân phú gia chỉ biết có giá trị của đồng tiền. Chính Thủ tướng Guizot thời vua Louis Philippe khi nghe dân chúng phàn nàn rằng vì nghèo, đóng thuế ít, không được bỏ phiếu, đã trâng tráo bảo họ: “Sao không làm giàu đi?” rồi bác bỏ mọi đề nghị cải cách xã hội. Vậy thì ta không lấy làm lạ rằng chàng Honoré liệng cây viết để làm một nhà kinh doanh.

Con người đó có óc tưởng tượng phong phú, nhiều sáng kiến, nảy ra ý (1) xuất bản một loại sách in trọn tác phẩm của các văn hào cổ điển: Molière, La Fontaine, Corneille, Racine... Sách sẽ in đẹp, có nhiều hình. Thế là chàng đem bàn với một nhà xuất bản Urbain Canel, kiếm thêm hai người hùn vốn nữa, một y sĩ và một sĩ quan hồi hưu, cho đủ tám ngàn quan. Công-ti mới thành lập thì đã rã vì ý kiến bất đồng, họ xuyt ầu đá nhau. Rốt cuộc ba người kia rút vốn ra, Honoré cương quyết làm một mình, may được một tình nhân giúp vốn.

Tình nhân này là quả phụ De Berny, lớn tuổi hơn mẹ chàng, bạn của mẹ chàng, có bốn năm người con. Chàng quen bà ở Ville parisis, mấy lần đầu chàng tỏ tình bà chỉ mỉm cười cho là con nít (bà bốn mươi lăm tuổi mà chàng mới hai mươi hai), nhưng khen chàng là thông minh, có nhiệt tình, có tương lai. Chàng tán sất lời cực thiết tha, than thở não nuột, bà mĩa mai rồi chế giễu. Chàng càng bám riết, ngày ngày viết thư tình, lời cuồng nhiệt, đôi khi đẹp đẽ. Riết rồi bà qui phái đó dính, rồi đâm ra yêu chàng nồng nàn tới cái mức chàng phải khuyên lại bà nên thận trọng một chút.

Lúc này bà hùn vốn cho chàng xuất

bản, sống lén lút với chàng. Cuốn đầu tiên chàng xuất bản là cuốn Toàn tập La Fontaine, giá đề hai mươi quan, cao quá, làm cho các nhà sách hoảng, không dám mua. Một năm sau, chỉ bán được có hai chục cuốn. Chàng hạ giá xuống mười ba quan, mười hai quan, sau cùng phải bán lỗ, thiếu nợ mười lăm ngàn quan.

Đề gỡ gạc chàng xoay qua nghề in, vay tiền của mẹ, của em gái, em rề, của Dilecta — tên chàng đặt cho bà De Berny — của bà Delannoy một người bạn của mẹ, để mua một nhà in và tháng sáu năm 1826, làm Giám đốc nhà in. Ai muốn in gì chàng cũng nhận hết, từ quảng cáo tới sách thuốc, tự điển, sách luật, tiểu thuyết, kịch *Cinq Mars* của Alfred de Vigny... Từ sáng sớm có mặt ở xưởng, đi đi lại lại, coi sóc thợ thuyền, tiếp đãi khách khứa, kiểm soát máy in, lo cung cấp giấy, đích thân sửa ấn cảo, làm việc như mọi, mặt mày nhẽ nhại, quần áo lem luốc dầu và mực. Lúc đó chàng còn nghĩ đến văn chương, đến Vinh quang không? Chắc là không.

Bà De Berny lo thức ăn thức uống cho chàng, tin ở khả năng của chàng lắm. Nhưng chàng có một tật không biết kế toán, sờ sách như một khu “rừng hoang”; tiền đi đâu mất không biết, tới nỗi không có để trả công thợ. Lại phá sản lần nữa.

Đề gỡ gạc, chàng lại xoay qua nghề khác: nghề đúc chữ. Lại thất bại. Bà

(1) Có tác giả bảo ý này của một nhà xuất bản Urbain Canel.

De Berny phải bỏ tiền ra mua lại xưởng đúc chữ, giao cho con trai trông nom, chỉ ít năm là khá. Mà hai cơ sở trước, xuất bản và in thì cũng vậy, hễ qua tay người khác đều phát đạt cả. Phải rằng là Honnoré chỉ biết viết chứ không biết kinh doanh.

Rốt cuộc, sau ba bốn năm làm ăn 1829, chàng mang nợ một trăm mười ba ngàn quan, trong số đó có năm chục ngàn quan nợ mẹ và các em. Chàng đành trở lại với cây viết.

(còn tiếp)

NGUYỄN HIẾN LÊ

*Đã phát hành :*

## **GIAU MẶT**

*Thơ* PHỒ ĐỨC

Bìa Nguyễn Trung — Phụ bản Duy Thanh  
do Co-sở Nhân-Chứng xuất bản.

# **REGAST.T.**

- Trị các chứng đau bao tử, ợ chua, đầy hơi.
- Bào chế theo công-thức Hòa-Lan

Tăng cường sinh lực bằng

# **CETONIC**

**VITAMINE C 250mg**

433-YT DP.Đ.



Nhức đầu  
*• Nhóng*  
**Budon**  
**TRI:**

Nhức răng, nhức môi, đau  
lưng, đau nhức lúc có  
Kinh Kỳ

KN số 1211/BYT/QCĐP

NÓI ĐẾN SÁCH, NHỚ NGAY ĐẾN  
ĐỊA CHỈ ĐÁNG TIN CẬY:

**TỰ LỰC**

Số 92 - Đại lộ Lê-Lợi - Saigon  
Đ.T. 20.267

SÁCH VỞ GIẤY BÚT, DỤNG CỤ VĂN PHÒNG VÀ HỌC SINH  
SÁCH GIÁO KHOA

**VIỆT, ANH, PHÁP**

Bút máy các hiệu có tiếng, sản phẩm hảo hạng, được tín nhiệm  
xưa nay. Luôn luôn những sách mới xuất bản đều có bán tại

**NHÀ SÁCH TỰ-LỰC**



## Toán số với càn khôn

### Còn những bất ngờ trong thiên-nhiên

Dùng toán, những nhà khoa-học giải thích mỗi diễn-trình trong thiên nhiên như một chuỗi hành-động và phản-động, nguyên-nhân và hậu-quả ; nhưng không thể định-đoạt về thiên-nhiên một cách máy móc dễ dàng như vậy. Từ lý đến môi còn có nhiều bất trắc rủi ro, làm cho rượu không uống được. Trong những sức sinh ra chuyển động, còn có sự bất ngờ, ngẫu-nhiên hay may rủi. Trí óc con người không chịu thua, ngẫu-nhiên cũng theo luật, và luật ngẫu-nhiên cũng phải tính ra bằng toán được.

Một số toán-gia thế-kỷ 18 và 19 luận rằng nếu toán vi-phân của Newton đã phân-tích một cách hiệu-quả sự biến-đổi và chuyển-động, toán ấy có thể cho biết một cách xác-đáng tương-lai của bất cứ sự việc nào. Thuyết tất-định máy móc ấy đã được Laplace bênh-vực. Những nhà bác-học thế-kỷ 20 không được lạc quan như vậy và chẳng đồng ý. Tánh cách quá nhỏ bé của thành-phần trong nguyên-tử mới tìm ra sau này như *meson lambda*, *the a*, *kappa*, *chi* và sẽ còn gì nữa (1) với chiều quá rộng lớn của vũ-tru mà viễn-kính của thời-đại mới cho biết thêm ít phần, cho họ nghĩ rằng người không bao giờ phân tích được tất cả những sức chuyển động tạo vật. Mà nếu

có được, thì bài tính sẽ vô cùng. Những nhà phân-tích quay qua một lối phỏng-đoán với tính xác-suất.

Kể từ khi con người biết giải-trí và biết sát phạt nhau với trò chơi đen đỏ với con cờ, bài lá, tào cáo, v.v. cũng đã có người thông minh và xảo trá hơn nghĩ đến phép toán để có phương-cách đánh ăn một cách dễ dàng. Thời Phục-Hưng, các toán-gia Tartaglia và Cardano đã phân-tích toán cờ-bạc. Nhưng vì không được nghiêm-chỉnh đối với nhà khoa-học hoặc quá trừu-tượng đối với tay ăn chơi, công-trình của họ không được biết đến nữa. Giữa thế kỷ 17, có bộ ba người Pháp gồm một nhà quý-phái Méré, một nhà giỏi toán nhưng thích triết lý và tôn-giáo hơn, Blaise Pascal, và một luật-gia thích toán, Pierre de Fermat, như một chuyển du-ngoạn ở Poitou gặp

(1) Như có *quark* là phân tử của những mảnh nguyên-tử nhỏ nhất, do những nhà vật lý Hoa Kỳ Carl Mann và George Zweig đã tưởng tượng để làm dụng-cụ lý-thuyết chỉ có trong những phương-trình của họ. Chữ *quark* được mượn của James Joyce trong truyện *Finnegan's Wake* (Ba quark cho Muster Mark). Nhưng mới đây (tháng 9-1969) tại Hội-nghị vật-lý-học thuần túy và thực-hành họp tại Budapest, nhà bác-học người Úc gốc Anh Charles Mc Cusker cho biết ông ta chắc chắn đến 99% rằng đã tìm ra một *quark*. Nếu thật, đó sẽ là một phát-minh quan-trọng của thế-kỷ. (L.T.S. Xin xem thêm « Ba mảnh Quark » của Võ Quang Yến trên B K, số 259 ngày 15-10-67).

nhau. Méré đưa cho Pascal một bài toán về cờ bạc. Pascal mất hai năm về vấn-đề, đến 1654 giao lại cho Fermat. Trong thư-từ trao đổi lúc đó giữa hai người là có nòng cốt của thuyết xác-suất, của những luật về may rủi. Nếu may rủi có luật, thì chẳng nên trách người ta cầu Thần May, hay Thần Tài. Nhưng luật may không quả quyết trước rằng một số cá-nhân nào sẽ gặp may cả, và cũng không ngăn cấm một người đã được may nhiều rồi lại không gặp thêm nữa. Từ cuộc tranh luận đề giải-trí về một đề phù phiếm của trò chơi may rủi, thuyết hoặc-nhiên của Pascal trở thành quan-trọng cho khoa - học và triết - lý cũng như trong các thống-kê xã-hội quan-hệ đến khoa-học nhân-văn. Nền tảng của nhận-thức duy - nghiệm cũng chỉ là vấn - đề hoặc-nhiên đặt dưới hình thức đánh cuộc. Ai cũng sống với ý - nghĩ ngày mai mặt trời lại mọc nữa, nhưng chẳng có gì làm cho tin một cách khoa-học là ngày mai sẽ thế

Học-sinh của thời-đại học toán mới đã sớm biết về hoặc-nhiên và xác-suất, đã quen với định-nghĩa : Cho  $n$  là số chung của những kết-quả về một sự việc. Cho  $s$  là những kết - quả tốt hay lợi. Xác-suất của kết-quả tốt sẽ là  $\frac{s}{n}$ .

Bài tính đưa cho học-sinh : Một hộp có 11 tờ giấy đánh số từ 0 đến 10. Người ta rút ra một tờ. Tính xác-suất của số ghi trên tờ giấy được rút ra : a) nếu số 7 ; b) một số 7 lần nữa ; c) số dưới 6 ; d) số lớn hơn số 8 ; e) một số lẻ ; f) số 13, v.v. . Giải-đáp của học-sinh sẽ là : a)  $1/11$  ; b)  $6/11$  ; c)  $6/11$  ; d)  $2/11$  ; e)  $5/11$  ; f) : 0, v.v.

Hay một bài tính khác : Bạn rút

một lá bài nơi bộ bài tây 52 lá. Đứng trả lại lá bài ấy, rút thêm một lá thứ hai. Tính xác-suất của hai lá bài đã rút ra : a) nếu hai ách, b) một bích mộ cơ, c) Trước một già sau một đầm, d) Trước một già hay đầm sau một ách.

Giải-đáp sẽ là : a)  $1/221$ , b)  $13/204$ , c)  $4/663$ , d)  $8/663$ .

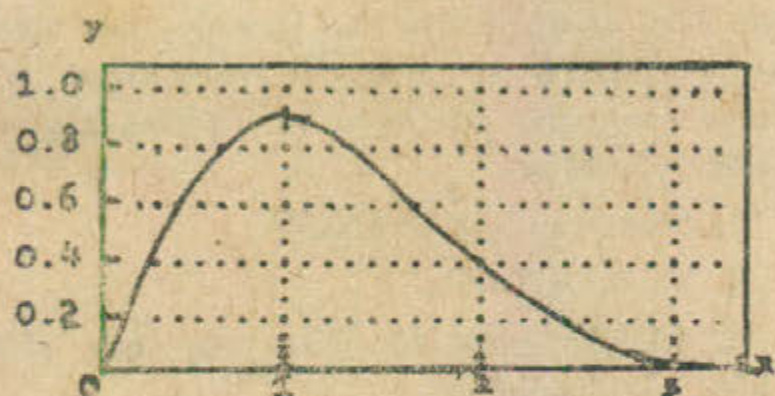
Một người tên Oswald Jacoby chuyên môn về việc tính về bài tây cho biết trong trò chơi xì-phé poker) có đến 2 598.960 lối xuất-hiện của một tay bài năm lá. Xác-suất của đồng hoa (năm lá một loại rô hay cơ, bích, chuồn) là  $1/649 739$ , mận-xầu (ba con và hai con)  $1/693$  một đôi (hai con)  $1/1,37$ , vân vân. Ở các trường đua ngựa và nhà đồ-bác lớn ở Âu-Mỹ không thiếu gì những sách vở xác-suất lưu-hành để giúp cho những người giải-trí biết phần may của mình (thường là để thua một cách khoa-học !) ; những giải-đáp tìm ra phải cần đến máy điện-tử trên lý-thuyết thì chắc ăn, nhưng trên thực-tế, không ai đủ vốn để theo đúng giải-đáp và nhà đồ bác hay chủ cái có yếu-tố lợi cho họ là thời-gian hạn-định, không ai tiếp tục ngày đêm, tháng này qua tháng nọ một trận bài để cho người đánh gặp được may.

Công-dụng phép tính xác-suất không phải để đánh bạc. Phép tính dạy cho trẻ con không nhằm mục-đích ấy, mà muốn sửa soạn trẻ sau này nắm vững những vấn-đề kinh-doanh, kỹ-thuật, khoa-học, chiến-tranh nữa, hay giản-dị và thực-tế hơn, để thắng trong cuộc được thua trong đời mình. Lý-thuyết về hoặc-nhiên và phép tính đã gây nhiều

cuộc tranh-luận. Một thư-mục không thể kể xiết quan-hệ đến vấn-đề ấy. (1)

### Vài áp-dụng tính xác-xuất

Toán-gia Đức Gauss — sẽ nói đến sau đây — do tính xác-suất tìm ra luật sai số trở nên quan-trọng trong nhiều ngành khảo-cứu. Maxwell và Boltzmann áp-dụng luật sai-số của Gauss cho sự phân-phối vận-tốc. Thuyết cho thấy những phân-tử tinh cò phải va chạm nhau có thể chia ra hai nhóm, mỗi nhóm ở trong một số giới-hạn về vận-tốc như giản đồ cho thấy. Ở hoành độ là vận tốc, ở tung-độ là số phân-tử. Vận-tốc có xác-suất cao nhất được lấy làm đơn-vị. Trên giản-đồ thấy số phân-tử chuyển-động theo vận-tốc gấp ba đơn-vị, không đáng kể. Có thể vẽ nhiều



đường cong tương-tự để biểu-thị sự phân chia điểm trúng trên một bia bắn, sự sai lầm của một đo lường vật-lý, cân nặng hay tuổi thọ của một người hay những khả-năng được xét đến.

Trong khoa vật-lý và sinh-vật cũng như trong xã-hội-học, thuyết hoặc-nhiên và vòng sai-số trở nên hữu-ích. Đành rằng không thể tiên-đoán một người nào đó sẽ sống được bao nhiêu năm, hay tốc-độ một phân-tử nào đó là bao nhiêu trong một thời-gian sẽ đến, nhưng với con số khá đủ về người hay phân-tử,

có thể xét vấn-đề với thống-kê và tiên-đoán trong giới hạn nhỏ bé, bao nhiêu người sẽ chết vào tuổi nào hay bao nhiêu phân-tử sẽ chuyển-động trong một giới-hạn vận-tốc nào đó. Về triết, có thể nói người ta đi đến một thuyết tất-định thống-kê tuy vẫn có một sự không chắc chắn đối với cá-biệt.

Nhiệt-động-học, theo thuyết cơ-động của vật chất cũng theo luật xác-suất. Nguyên-lý bảo-tồn năng-lượng là luật thứ nhất của nhiệt-động-học và khuynh-hướng của năng-lượng càng trở nên không dùng được là luật thứ hai. Nói rộng cho tất cả vũ-trụ tinh-tú, những nguyên lý ấy khiến ta nghĩ rằng năng-lượng của vũ-trụ sẽ tiếp tục biến dần vì va chạm thành nhiệt, và nhiệt-lượng càng trở nên không dùng được vì những khác-biệt giữa nhiệt mất dần. Cho nên những nhà vật-lý-học (và những người tin việc tận-thế sẽ bênh-vực nhận-định này) cho rằng trong một tương-lai khá xa, đời sống không thể có được khi mà tất cả nguồn năng-lượng có thể dùng được trong vũ-trụ đã biến thành ra nhiệt và nhiệt được phân phối đồng đều trong vật-chất làm quân-bình cơ-động vì không thể có một sự biến-đổi gì nữa. Nhưng kết-luận bi-quan ấy dựa trên một số ước-đoán không chứng

(1) Những sách thông thường nhất là Laplace : — *Essai sur les Probabilités*. Keynes : *A treatise on Probability*, Jeffreys : *Theory of Probability*, Uspensky : *Introduction to Mathematical Probability*, Borel : *Traité de Calcul des Probabilités*, Mises : *Probability, Statistics and Truth*, Reichenbach : *Les fondements logiques du Calcul des Probabilités*, Ville : *Essai sur la théorie des collectifs*, Kolmogoroff : *Grundbegriffeder Wahrscheinlichkeitsrechnung* Wald : *Die widerspruchsrheit des Kollektivbe-griffes.*

minh. Ví dụ, dựa vào một số quan-sát có giới-hạn, người ta đi đến những tổng-quát và cho rằng những ý tổng-quát này đúng trong điều-kiện rộng rãi hơn nữa mà đến nay chưa định được ; ví-dụ ước-đoán vũ-trụ tinh-tú có thể xem như một hệ-thống riêng biệt không để cho một năng-lượng nào lọt vào ; ước-đoán những phân-tử cá-biệt mà vận-tốc có thể tiếp-tục mất dần vì va chạm không thể chia ra những nhóm nhanh và nhóm chậm.

Maxwell tưởng-tượng một thể nhỏ hay quai-vật mà khả-năng tế nhị có thể theo dõi những phân-tử cá-biệt, và cẩn-thận mở và đóng một hủ nắp tí-tí lướt mà không cọ sát, nơi một thứ vách ngăn hai phần của một bình đầy khí. Khi một phân-tử nhanh chuyển từ trái qua mặt, « quai vật sẽ mở nắp giao-thông, khi một phân-tử chậm đến, nó đóng lại. Những phân-tử nhanh sẽ dồn lại trong gian bên mặt và phân-tử chậm bên trái. Khi tăng nhiệt ở gian kia mất lần ở gian này. Khả-năng hướng phân-tử giúp cho năng-lượng phân-tán có thể tập-trung lại.

Trong những điều-kiện được biết ở thế-kỷ 19, nguyên-lý mất năng-lượng chỉ có giá-trị khi phân tử chỉ được xử-dụng trên thống-kê. Năng-lượng, giúp con người sống và vận-động, càng trở nên ít dùng được, hiện-tượng nhiệt-động mất dần nói trước việc chấm dứt sự sống trong vũ-trụ. Nhưng sự hiểu-biết gần đây hoặc đã thay đổi nguyên-lý hoặc đã xác-nhận nhưng dưới một hình-thức khác. Điều-kiện mất năng-lượng đối-đa (1) sẽ đạt khi phân-tử có vận-tốc được phân phối theo luật Maxwell-Boltzmann mà xác-suất là một mức tối-đa.

Về sinh-vật-học, từ 1835 nhà khoa-học Bỉ Quételet, đã dùng phương-pháp thống-kê và nhân-chủng-học, cho biết (Xem *Sur l'homme et le développement de ses facultés, Anthropologie sociale*) thuyết xác-xuất có thể áp-dụng cho vấn-đề con người. Khi đo ngực những binh-sĩ Tô-cách-lan và vóc của binh-sĩ Pháp, ông ta nhận thấy những đo lường

(<sup>1</sup>) Clausius, nhà vật-lý Đức (1822-1888) đã bỏ chính nguyên-lý thứ hai của nhiệt-động-học. Cả hai nguyên-lý đều do nhà vật-lý Pháp Nicolas Carnot (1796-1832) phát biểu đầu tiên. Nguyên-lý thứ nhất là về bảo-toàn năng-lượng. Những định nghĩa về nguyên-lý thứ hai trước kia không được đầy đủ cho đến khi Clausius đưa vào ý-niệm *entropie*, độ biến-lượng. Nguyên-lý thứ hai đã trở-thành nguyên-lý về gia-tăng độ biến-lượng và mang tên Carnot-Clausius.

Độ biến-lượng đo số năng-lượng không dùng được trong hệ-thống nhiệt-động. Độ biến-lượng tuyệt-đối giống điểm 0 về nhiệt, làm khởi điểm. Những sự thay đổi của biến-lượng ( $dS$ ) chỉ sự biến-đổi năng-lượng vô-dụng trong một hệ-thống và thường xảy vì những yếu-tố sau :

1. Thêm hay bớt nhiệt ( $dQ$ )
2. Va chạm ( $dH$ )
3. Chuyển nhiệt từ phần này qua phần khác của hệ-thống.

Thường yếu-tố thứ ba là 0 và

$$dS = \frac{dQ}{T} + \frac{dH}{I}$$

trong đó T là nhiệt-độ sinh ra sự biến-đổi. Trong diễn-trình va chạm mà không thêm hay bớt nhiệt, thì  $dS = 0$

Lecomte du Noüy (trong *L'homme devant la science*, Paris 1919) có bài-luận nhiều về *entropie*. Theo tác-giả ấy, độ biến-lượng nói lên khuynh-hướng của vũ-trụ tiến đến vô-trật-tự, trong nghĩa không-gian và thời-gian chẳng còn nghĩa-lý gì nữa. Quân-bình tuyệt-đối sẽ có, nhiệt-độ sẽ đồng đều khắp nơi, độ biến-lượng trở nên tối-đa. Độ biến-lượng như thế cho thấy đặc-tính một chiều tuyệt-đối của vũ-trụ.

biến-đổi theo một luật phân phối những điểm trúng trên bia bắn hay những lần được trong trò chơi may rủi. Diễn trên giản-đồ, những đo lường về đường biển, tương-tự như vòng vận-tốc của phân-tử trong một hơi khí.

Thống-kê xã-hội được William Farr ở Anh-quốc nghiên cứu thêm nhờ chức-vụ mình ở Sở Lưu-trữ Văn-thư và công việc của Farr đã giúp cho thống-kê về y-tế, về bảo-hiêm.

Những khuynh-hướng mới về toán-học, về vật-lý, cũng ảnh-hưởng đến công trình nghiên-cứu về sinh-vật. Phạm-tính của sinh-vật lại được quy về đơn-vị nguyên-tử, mà sản-xuất và kết-hợp theo luật xác-suất. Chuyển-động của một nguyên-tử hay lượng-tử hay sự xuất phát một đơn vị Mendel về di-truyền trong một cơ-thể riêng biệt hay nhất-định nào đó cũng không đoán trước được, nhưng nếu tính xác-suất trên một số điều quan sát rộng lớn, tiên-đoán sẽ thực hiện được theo trung-bình của đại lượng.

Thuyết hoặc nhiên và tính xác-suất còn ảnh-hưởng đến phương-pháp quy nạp, Keynes (*Treatise on Probability*) áp dụng thuyết cho vấn-đề ấy. Điều được đặt ra là thử hỏi quy-nạp có thể dựa trên một số trường-hợp như Stuart Mill đã vạch ra không. (Mill, đã dựa theo Bacon, phân rõ những phương-pháp phù hợp, bất đồng, biến-thiên tương-trùng và thặng-dư). Keynes kết-luận rằng xác-suất của một quy-nạp không tăng lên với số trường-hợp tăng, không phải vì lý-do của Mill, mà vì nếu số trường-hợp tăng lên, lại càng không thể có trong toàn-thể một biến-số thứ ba, thành thử những trường hợp được xét đến không có gì chung với nhau ngoại-trừ những đặc-tánh đã xét đến. Để tăng giá-trị quy-

nap mỗi trường-hợp mới phải đặt riêng biệt, nghĩa là không nhất định do những trường-hợp trước mà ra. Một quy-nạp có thể gần hiển-nhiên với một số trường hợp tăng lên, nhưng muốn bênh-vực ý nghĩ ấy, phải chứng minh hay phỏng-đoán rằng xác-suất của sự tổng-quát định lập ra, chính mình không phải quá thấp. Khi xét đến giả-thuyết ấy, Keynes nghĩ rằng những phạm-tính của vật cũng như một số đơn vị mendel - kết hợp thành nhóm cho nên những biến-số riêng biệt có thể ít hơn tổng-số những phạm-tính. Nguyên-tắc ấy cũng cần-thiết để nhờ thống-kê lập những luật cho tất cả hiểu-biết khoa-học, ngoại trừ hiểu-biết nhờ toán thuần-túy. Theo Keynes, không cần phỏng đoán một xác-suất giới-nội hay một vật có một số giới-nội phạm-tính riêng biệt.

Broad (*Scientific Thought*) cũng xét đến quy-nạp với phương-pháp xác-suất và cho rằng trừ phi tin một cách thực-tế rằng những « luật » khoa-học về đối-tượng thuộc tri-giác và ý-niệm, thì khó mà biện-minh cho sự tin-tưởng của chúng ta nơi kết-quả quy-nạp được tiếp dẫn đúng đắn. Nhà duy-nghiệm hay nhà hiện-tượng tuyệt-đối có thể đáp lại rằng một sự tin-tưởng như thế tuy hữu ích vì hướng đến điều có thể có trong tương-lai, không có căn-bản vững. Nếu quy-nạp thành công, người ta có một giả-thuyết để dựa vào đó mà tìm kiếm thêm, và nếu được quan-sát hay thí-nghiệm xác-nhận trở thành một lý-thuyết được chấp-nhận và sau cùng trở thành một luật thiên-nhiên. Thế-kỷ 18 và 19 đã quá quan-trọng-hóa về triết-lý của những luật thiên-nhiên. Với ảnh-hưởng của Mach, tư-tưởng khoa-học đã đi ngược lại và luật thiên-nhiên

chỉ là những tóm tắt kinh-nghiệm, tóm tắt tập-quán giác-quan.

Quan-điểm bây giờ của các nhà khoa-học và triết-học ở giữa hai cực-đoan ấy. Ví dụ, Campbell (*Physics, the elements*) trong một phân-tích phê-bình nghĩa-lý của những luật và lý-thuyết, cho lý lẽ để tin rằng, mặc dù lẽ phải thông thường cho có sự đối nghịch giữa lý-thuyết với sự - kiện, một luật duy-nghiệm thường không được tin nếu chỉ dựa trên những « sự kiện » mà thôi, nhưng luật sẽ được tiếp nhận dễ dàng hơn khi có một lý - thuyết được nhìn nhận giải-thích luật ấy. (Về sự kiện, ai cũng biết sự khác biệt giữa một sự kiện thô-sơ hay thông thường với sự kiện khoa học. Những điều gọi là *mắt thấy tai nghe* lắm khi khác xa sự thật khoa-học. Thuở xưa, quan-niệm về vũ-trụ sai lầm vì dựa vào điều hiển nhiên trông thấy hằng ngày, mặt trời mọc, đi một vòng trên bầu trời để lặn, mặt trời « rõ ràng » quay chung quanh mặt đất, v.v. Hiện - tượng phức tạp của tri-giác lại càng lưu ý đến khác biệt của sự thật ta thấy và sự thật vật-lý khách quan.)

Xét lại phương-pháp quy-nạp từ Hume đến Keynes, cho thấy quy-nạp thường không ý-thức được giới-hạn, đưa ra những kết-luận chỉ đúng ít hay nhiều. Có khi xác-suất về một tổng-quát là cao nhưng xác-suất vô cùng hiển-nhiên không bao giờ đạt được. Cách

đây không lâu người ta xem những luật hấp dẫn của Newton hay sự bất-biến của nguyên-tố hóa-học là có giá-trị vì xác-suất của chúng khá cao. Nhưng với công-trình của Einstein và Rutherford, những « sự thật » trên không hẳn đúng (tuy không hẳn là sai) vì số trường-hợp được biết đã nói rộng. Như vậy, những luật lập ra nhờ quy-nạp, dù cho được khắp nơi chấp nhận là đúng, cũng chỉ nên xem là xác-suất mà thôi, vẫn còn xa hiển-nhiên nhiều. Vì một phần lớn minh-chứng của triết-thuyết tất-định dựa trên giá-trị phổ-quát và vĩnh-viễn của luật thiên-nhiên. vấn-đề trở nên quan-trọng Trong thật-tế, con người quan-sát được gì? Vật-lý-học cổ-điển cho ta quan sát trực-tiếp những vật có thật. Thuyết tương-đối nói ta quan-sát những hệ-thức, và hệ-thức giữa ý-niệm vật-lý mới là chủ-quan. Theo thuyết lượng-tử ta chỉ quan-sát những xác-suất. Những điều có thể có sau này vẫn định-đoạt được nhưng sự hiểu-biết về quan-sát sau này là vô định, tuy xác-suất lợi cho một sự việc nào đó có thể lên cao đến nỗi trở thành sự đích-xác thực-tiễn.

Điều đáng nghi ngờ không phải là thiên-nhiên đã thay đổi, tạo-hóa đã phình phờ. Điều chính là người cần đổi thái-độ đối với thiên nhiên. Điều cần xét lại là phương - tiện nhận - thức của người và thái-độ của người đối với phương-tiện ấy. Luận-lý, thuyết vật-lý

VIÊN THUỐC HỒNG  
CÓ SINH-TỐ C

# Neurotonic

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc  
Tăng cường trí nhớ

hay toán cũng chỉ là sự bày đặt của con người, không thể đưa đến kết-quả viên-mãn và vĩnh-viễn được. Tuy nhiên chưa có gì, chưa có ai ngăn cấm nổi trí óc con người dừng lại trên con đường khắc-phục cảnh dốt nát và nghi ngờ của mình. Nếu có thì sự chán nản và thất vọng của người cũng không lâu dài, sự

trí chí của con người đi tìm chân-lý đã là một kỳ-diệu. Như trong lịch-sử toán, một số vi-nhân tiếp tục cống-hiến cho nhân-loại những phương-thức mới để hiểu ít nhiều nữa về càn khôn.

(còn tiếp)

CUNG GIỮ NGUYÊN

## DÂN KÝ TRÀ TRANG

Chuyên sản xuất các loại trà danh tiếng.

*Nhỏ cánh, xanh nước, bán sỉ và lẻ*

184 Đại lộ Khổng-Tử Chợ-lớn

Điện thoại số : 36.504

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

( S. O. A. E. O. )

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-Hội) - SAIGON

Tél : 93.741 - 93.742

**Fabrication** : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE = GAZ CARBONIQUE

**Vente** : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE

— PROXYDE D'AZOTE — ARGON EUC..

**Matériel pour souduras oxy-acétylénique et électrique**  
**Installations de gazothérapie**

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE  
LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS

**BẠN CÓ ĐU NHỮNG SÁCH LÁ-BỒI  
IN NAM 1969 CHƯA ?**

- **CHIẾN-TRANH VÀ HÒA-BÌNH I, II, III, IV**  
Léon Tolstoï, Nguyễn-Hiến-ê (dịch) 3000 trang giá 1,00 đ.
- **ĐẤT PHÙ-TANG CÁI ĐẸP VÀ TÔI**  
Y. KAWABATA, Cao-Ngọc-Phượng (dịch) 5 trang giá 25 đ.
- **VẤN ĐỀ NHẬN THỨC TRONG DUY-THỨC HỌC**  
Nhất-Hạnh 138 trang giá 70 đ.
- **NHỮNG GIỌT ĐÁNG**  
Võ-Hồng 150 trang giá 80 đ.
- **MẶT TRẬN MIỀN TÂY VẠN YÊN TĨNH**  
E. M. Remarque, Phạm-Trọng-Khôi (dịch) 216 trang giá 150 đ.
- **CUỐNG RÚN CHƯA LÀ**  
Bình-Nguyên-Lộc 112 trang giá 50 đ.
- **HOÀI CỔ NHÂN**  
Võ-Hồng 185 trang giá 100 đ.

**IN XONG TRƯỚC TẾT :**

- **ĐẠO PHẬT NGÀY NAY** (tái bản) Nhất-Hạnh
- **EM BÉ PHÙ TANG** Iseko, ICHINO HATANO, Trương-Đình-Cử (dịch)
- **NÉO VỀ CỦA Ý** (tái bản) Nhất-Hạnh
- **ÁO EM CÀI HOA TRẮNG** Võ-Hồng
- **XỨ TRẦM HƯƠNG** Quách-Tấn
- **PHƯƠNG PHÁP CHỦ ĐIỂM TẠI TRƯỜNG TIỂU-HỌC CỘNG-ĐỒNG** Vương-Pền-Liêm
- **PHONG-TRÀO DUY-TÂN** Nguyễn-Văn-Xuân
- **TÂM CA VÀ TÂM CA** (tái bản và 10 bản mới).

NHÀ XUẤT-BẢN LÁ-BỒI  
Số 120 Nguyễn-Lâm Chợ-Lớn



# HỘI NGHỊ VĂN BÚT QUỐC TẾ

lần thứ 36 dưới mắt các ông :

## PHẠM-VIỆT-TUYỀN và NGUYỄN-VAN-TRUNG

Theo bản tường trình của Phái đoàn Việt Nam tham dự Hội nghị trên đây thì Văn bút quốc tế đã họp hội nghị lần thứ 36 tại Menton (Pháp) và các vùng phụ cận từ 13-9-69 đến 21-9-69. Có khoảng 400 nhà văn nhà thơ nam nữ thuộc hơn 50 Trung tâm Văn bút trên thế giới tới tham dự. Ngoài ra có khoảng 100 bà vợ, 10 ông chồng và 10 cô cậu các đại-biểu Văn bút cũng tới cùng tham dự các cuộc họp, các buổi thảo luận văn chương.

Phái đoàn Việt-Nam gồm có : 2 đại biểu chính thức là nhà văn Phạm Việt Tuyền, (Trưởng phái đoàn) và nhà thơ Bằng Bá Lân. Ngoài ra nhân viên phái đoàn còn : Các nhà thơ Nghiêm Xuân Việt, Thanh Vân, Giáo sư Nguyễn Văn Trung, bà Phạm Việt Tuyền và Nữ sĩ Minh Đức Hoài Trinh ở Paris tới hội nghị.

Hội nghị Văn bút quốc tế đã có những quyết định sau đây :

— Bầu cử nhà văn Pierre Emmanuel (Hàn lâm viện Pháp) làm Chủ tịch Hội Văn bút quốc tế thay cho nhà văn Arthur Miller (mãn nhiệm kỳ).

— Tái cử Ô. David Carver làm Tổng-thư-ký kiêm thủ quỹ của Hội Văn bút quốc tế.

— Hội nghị Văn bút quốc tế kỳ thứ 37 vào năm 1970 sẽ họp tại Hán thành (Đại-hàn)

— Kêu gọi đóng góp vào tuyển tập «*Anthologie des horreurs de la guerre*».

— Tranh đấu để trả tự do cho các nhà văn nhà thơ bị bắt bớ, giam cầm ở các nơi trên thế giới.

Bốn buổi thảo luận văn chương xoay quanh đề tài : «*Văn chương ở thời đại nhàn rỗi*» (La littérature à l'âge des loisirs). Đề tài chính này được phân tích thành 4 đề tài phụ :

1) Văn chương sẽ ra sao ở thời đại nhàn rỗi ? Con người ngày nay còn thích mơ mộng, giả tưởng nữa không ? Các thể văn truyền thông biến hóa như thế nào ?

2) Văn chương truyền tin và văn chương giúp thoát ly. Văn chương và sự hủy diệt cá tính con người ?

3) Vai trò nhà nước, của các cơ cấu tổ chức quốc tế và của sáng kiến tư nhân đối với văn chương. Sự tràn lan văn hóa vào trong đời sống bình dân.

4) Sự phổ biến và sự giao thoa thấu nhập của các nền văn hóa.

Trong 4 buổi thảo luận trên, phái đoàn V.N. đã lên tiếng 3 lần :

Ô. Nghiêm Xuân Việt phát biểu về : « Sự phát triển mệnh mông của các phương tiện truyền thông quần chúng có giết chết văn chương hay không ? » Ông trả lời rằng không vì văn chương vẫn có sứ mạng đặc biệt.

Ô. Bàng Bá Lân lên tiếng về : « Sự tràn ngập của văn hóa vào trong đời sống bình dân ». Ông nói : « Chừng nào con người còn một tâm hồn thì không sợ trở thành máy móc được » và « chỉ có một điều đáng e ngại là sự độc lập của công việc sáng tác bị đe dọa mà thôi »

Ô. Phạm Việt Tuyền trình bày về « sự giao thoa thấu nhập của các nền văn hóa tại V. N. » Ông cho rằng : Sự giao nhập của nền văn hóa Tàu và Pháp đã không nhận chìm được nền văn hóa Việt là nhờ sinh khí của dân tộc Việt. Người Việt đã mượn chữ Hán của người Tàu để tạo ra chữ nôm rồi lại nhờ việc La-mã hóa ngôn ngữ V.N. mà có chữ quốc ngữ.

Tuy nhiên ông vẫn lo lắng khi thấy ảnh hưởng của Nga xô và Trung Cộng đã quá rõ rệt trên sách báo ở Bắc Việt và ảnh hưởng của văn hóa Hoa-kỳ qua điện ảnh, truyền hình v.v... đối với xã hội miền Nam. Do đó ông nghĩ phải làm sao cứu vãn được nền văn hóa của các dân tộc nhỏ tránh sự xâm lăng của nền văn hóa tiền tiến của các nước lớn và phải làm cách nào phiên dịch và ấn hành được những tác phẩm văn chương của các nước kém mở mang, nhưng có một nền văn hóa lâu dài, để « xuất cảng » sang các nước tiền tiến, cho sự giao nhập các nền văn hóa được tốt đẹp hơn.

oOo

## PHỎNG VẤN Ô. PHẠM-VIỆT-TUYỀN

— Hội nghị Văn bút quốc tế năm nay có những gì khác biệt với những hội nghị trước đây (với hội nghị thứ 35 chẳng hạn) : số người dự đông hay sút giảm (hội nghị trước có các bà vợ và các cậu con đi theo nhà văn hay không ?) Các nhà văn thơ tên tuổi trên thế giới dự kỳ này có những vị nào ? Cách làm việc, thảo luận có gì cải tiến không ?...

— Theo sổ sách thì từ trước tới nay đã có 36 Hội nghị Văn-bút quốc tế : Luân đôn (1923), Nữu ước (1924), Ba lê (1925), Bá linh (1926) v.v... rồi đến Rio de Janeiro (1960), Oslo (1964), Bled (1965), New York (1966), Abidjan (1967) và Menton (1969).

Tùy năm, tùy nơi và tùy từng nước, số đại biểu có thể ít hay nhiều, nhưng theo thông lệ hai đại biểu chính thức của một Trung tâm Văn-bút thường là các vị Chủ tịch, Tổng thư ký, Phó Chủ-tịch hay Thư ký của Trung tâm.

Mấy năm gần đây các đại biểu chính thức của Trung tâm Văn bút Việt-nam đi dự các hội nghị quốc tế là những văn hữu sau đây : Thanh Lãng đi dự hội nghị Oslo năm 1964, Vũ Hoàng Chương đi dự hội nghị Bled năm 1965, Phạm Việt Tuyền và Nghiêm Xuân Việt đi dự hội nghị Nữu-Ước (1966), Vũ Hoàng Chương và Nghiêm Xuân Việt đi dự hội nghị Abidjan (1967), Phạm Việt Tuyền,

Bàng Bá Lân, Nghiêm xuân Việt, Thanh Vân v.v... đi dự hội nghị Menton (1969).

Vì không đi dự hội nghị Văn bút quốc tế lần thứ 35 tại Abidjan nên tôi không biết rõ, để có thể so sánh đích xác với hội nghị thứ 36 năm nay tại Menton. Nhưng, một cách đại cương, có thể nói rằng các hội nghị Văn bút quốc tế thường có nhiều sắc thái khác biệt nhau : một là do địa điểm và các sáng kiến của Trung tâm Văn bút quốc gia đứng ra tổ chức hội nghị, hai là do thời gian và các thời-sự văn-nghệ, văn hóa, trong năm có hội-nghị, ba là do chính đề-tài được chọn cho mỗi hội nghị, bốn là do sáng kiến của các nhà văn nhà thơ hay các phái đoàn Văn-bút đi dự hội nghị...

Về việc những hội nghị trước có các bà vợ và các cậu con đi theo các nhà văn hay không, thì xin thưa : Theo một truyền thống không biết có từ bao giờ, năm nào hội nghị quốc tế cũng có một số khá đông các bà vợ đi theo các ông chồng văn sĩ và, hơn thế nữa, có một số nhỏ các ông chồng đi theo các bà vợ là văn sĩ, một số nhỏ hơn các cậu con trai hay các cô gái lớn đi theo cha hay mẹ là văn sĩ, tất cả những người đi theo này đều được tham dự mọi phiên họp nghị lễ (khai mạc, bế mạc chẳng hạn) và tất cả các buổi họp đề thảo luận về các đề tài văn chương. Những người ấy cũng như các nhà văn, nhà thơ không phải là đại biểu chính thức của mỗi Trung tâm đều không được dự các phiên họp chấp hành (thường là họp kín, kết quả được công bố sau).

Số nhà văn tên tuổi trên thế giới dự kỳ này cũng khá đông. Đây là một số : Miguel Angel Asturias (Hy Lạp), Roger Caillois (đại diện Văn hóa Liên Hiệp Quốc), Pierre Emmanuel (Hàn lâm viện Pháp), Jules Romains (Hàn lâm viện Pháp), Arthur Miller (Hoa kỳ), Robert Neumann (Áo), Anna Kamenova (Báo), Lâm ngữ Đường (Trung hoa), Gyula Illyes (Hung gia lợi), Sophia Wadia (Ấn), Ignazio Silone (Ý), Jan Parandowski (Ba lan), Zabarria Stancu (Lô ma ni) v.v...

Cách làm việc, thảo luận có những điểm giống nhau giữa các hội nghị mà cũng có những điểm đặc biệt của mỗi hội nghị. Tỉ dụ về điểm giống nhau : Hội nghị Văn bút quốc tế năm nào và ở đâu cũng bao gồm 3 phần chính là các phiên họp chấp-hành, thảo luận về đề tài văn chương và liên lạc trao đổi ý kiến riêng giữa các buổi tiếp tân, các bữa ăn cơm chung hay trong các cuộc thăm viếng danh lam thắng cảnh, hoặc những cơ sở văn hóa, nghệ thuật v.v.. Tỉ dụ về điểm khác nhau : Ở hội nghị Nữ-ước năm 1966, trong phần thảo luận văn chương, có những phiên họp chung về đề tài chính mà có những buổi họp bàn riêng của từng nhóm về các đề-tài phụ, tất cả đều diễn ra ở trong một khu vực. Ở hội nghị Menton năm nay, tất cả các buổi thảo luận về văn chương đều chung cho mọi nhà văn nhà thơ, nhưng có buổi thì diễn ra ở Palais de l'Europe tại Menton, mà có buổi thì lại di chuyển sang một địa điểm khác, chẳng hạn như rạp Gaumont ở Monaco.

— Xin anh cho biết những gì đáng ghi nhận trong các buổi họp, buổi thảo luận văn chương, và những cuộc tiếp xúc riêng của phái đoàn Việt-Nam. Những

ý kiến được phát biểu, có ý kiến nào đặc sắc? Các nhà văn cộng sản phần đông lập luận của họ ra sao?

— Những điểm chính mà các câu hỏi trên đây đề cập tới, chúng tôi đã có ghi trong bản tường trình, đã quay ronéo gửi các văn-hữu trong Hội, có gửi cho tạp chí Bách-khoa rồi.

Riêng có một vài điểm cần nói thêm: Về các vấn đề chấp hành, thường các đại diện phát biểu ý kiến hay biểu quyết, bỏ phiếu nhân danh phái đoàn của mình. Còn trong các buổi thảo luận văn chương thì mỗi nhà văn nhà thơ, dù là đại biểu chính thức, dù là nhân viên thường, chỉ phát biểu ý kiến với tư cách cá nhân của mình. Trong hội nghị, nhất là về phần thảo luận văn chương, có nhiều người thích lên tiếng mỗi khi có dịp, một số các phái đoàn cố gắng cắt cử người lên tiếng trong mỗi buổi thảo luận một lần, nhưng một số khá đông không lên tiếng bao giờ cả. Có lẽ là vì chưa gặp lúc cao hứng...

Có nhiều ý kiến thông thường mà cũng có nhiều ý kiến đặc sắc. Thường phải một thời gian sau, biên bản đầy đủ về Hội-nghị, nhất là về phần thảo luận văn chương mới có thể in ra thành sách. Kể làm sao xiết các ý kiến đặc sắc? Nhưng, đây là một tỉ dụ: Trong lời ứng khẩu chào mừng người kế vị mình trong chức vụ Chủ-tịch Hội Văn bút Quốc tế là ông Pierre Emmanuel, nhà văn Arthur Miller đã nói rằng trong thời gian ông làm Chủ tịch có lắm người yêu thương mà cũng nhiều kẻ ghen ghét, nhưng đời là như thế biết làm thế nào, đề rồi ông nhấn mạnh vào hai điểm chính: Hội Văn-bút nên tiếp tục cố gắng mở rộng các mối liên lạc giữa các nhà văn nhà thơ trên khắp thế giới, đặc biệt là ở các nước Phi Châu, Nam Mỹ và ở các nước Nga xô, Trung Cộng. Hội Văn bút nên cố gắng lôi cuốn các nhà văn nhà thơ trẻ tuổi vào trong Hội, mặc dù giới cầm bút và giới trẻ thường không ưa đời sống có tổ chức của đoàn thể... Ý kiến của Arthur Miller xác đáng, mà lại được diễn tả bằng một giọng nói chân thành nên đã được toàn thể hội nghị đứng dậy, vỗ tay tán thưởng một cách nồng nhiệt, đến nỗi mấy phút sau Arthur Miller phải đề nghị mọi người chấm dứt vỗ tay đề qua mục khác thì những lớp sóng vỗ tay mới ngưng lại dần.

Có một số nhà văn cộng sản công kích kịch liệt việc bầu Pierre Emmanuel làm Chủ tịch Văn bút quốc tế hay việc chọn Hán Thành làm địa điểm cho cuộc Hội nghị Văn bút Quốc tế lần thứ 37, năm 1970, nhưng về sau khi thấy không cản trở nổi, họ cũng buông xuôi. Thường trong các buổi thảo luận văn chương, trên bàn Chủ tọa bao giờ cũng có một vài vị bên phía các nước cộng sản và thế nào trong một vài vị mở đầu cuộc thảo luận cũng là các nhà văn nhà thơ cộng sản.

## PHỎNG VẤN Ô. NGUYỄN VĂN TRUNG

*Xin anh cho biết Menton, nơi họp của Văn bút quốc tế, như thế nào?*

— Đó là một thành phố thuộc vùng Côte d'Azur cách Nice chừng 30km,

nơi nghỉ dưỡng lão, dưỡng bệnh. Thành phố rất yên tĩnh, rất ít thanh niên, toàn thấy người già và trẻ con...

— Anh nghĩ thế nào về đề-tài của Hội nghị Văn-bút quốc-tế năm nay, về các phái đoàn Văn bút tham dự, về kết quả mà hội nghị thu lượm được.

— Nên phân biệt Hội-nghị (congrès) qui tụ hàng mấy trăm người với các cuộc Hội thảo (séminaire, symposium) hội họp độ vài chục người chuyên môn. Đề-tài trong một cuộc hội thảo đưa ra, đều được những người đã nghiên cứu thấu đáo thảo luận, có thể được đào sâu đến tận cùng và ở mọi khía cạnh, nên thường đạt tới những kết-luận thật đáng kể. Đề-tài nêu ra trong một hội-nghị, với một số người tham dự quá đông đảo và khác biệt, chỉ có thể đề cho mọi người trao đổi ý kiến, chứ không thể tóm kết hay đào sâu được.

Những trở ngại trong một cuộc hội nghị thường do : người đông, ngôn ngữ khác nhau nên phải dùng người phiên dịch, sự linh hoạt nói chung khó khăn ; cũng bởi vậy mà người đứng lên phát biểu có cảm tưởng như mình nói cho mình nghe, như đọc thoại và chẳng mấy khi nghĩ tới người khác hiểu mình ra sao và càng không để ý xem người khác phát biểu những gì.

Đề tài của Hội-nghị Văn-bút quốc-tế năm nay đáng lẽ phải do các nhà xã-hội-học, tâm-lý-học, những người nghiên cứu về các hiện tượng xã hội, thảo luận thì mới rút được những kết quả tốt đẹp, còn các nhà văn nhà thơ sáng tác nhiều hơn khảo sát, tới Hội-nghị là đề gặp gỡ nhau và theo tôi, mục đích của cuộc Hội-nghị chính là tạo nên sự gặp gỡ đó trong một bầu không khí thân mật mà nếu không có cuộc hội nghị như vậy, sự hội ngộ không dễ gì có được.

Thực ra trong Hội nghị Văn bút quốc tế các phái đoàn Văn-bút tham dự không phải đại diện cho một quốc gia mà tất nhiên cũng không phải đại diện cho tất cả các nhà văn trong nước mình (Pháp có 2 phái đoàn Văn-bút...). Ở Âu Mỹ, ai có tiền, ai thích đi thì ghi tên mà đi. Từ ngữ «phái đoàn» gợi ý tưởng đại biểu thực ra không đúng hẳn ở đây đối với hầu hết các nhà văn, nhà thơ cùng một nước đi dự, và cũng do đó, các người cùng một quốc tịch không phải đi trong một « phái đoàn», không thấy bó buộc phải ngồi chung với nhau ở một nơi chốn nhất định trong hội trường. Ai thích ngồi với ai ở chỗ nào vui thì ngồi. Cũng chẳng bó buộc phải phát biểu ý kiến. Do đó mà có nhiều phái đoàn chẳng phát biểu ý kiến gì mà cũng không cảm thấy có bổn phận gì phải làm « rạng rỡ cho quốc-gia mình».

Về tuổi tác thì nói chung những hội-viên Văn bút tham dự Hội-nghị đều già : bốn năm mươi tuổi, có người sáu mươi hay hơn nữa. Có ông già ở Jamaïque, đi một mình, râu tóc bạc phơ. Có nhiều người mang cả vợ hay chồng đi theo. Nên biết ở Âu-Châu, những người già thường không sống chung với con cháu mình trong đại gia đình, nên họ buồn và tìm các dịp để gặp gỡ nhau, để sống tập - thể ít ngày cho bớt cô đơn.

Những Hội-nghị như Hội-nghị Văn-bút quốc-tế chính là dịp cho họ giải buồn mà cũng là dịp để họ vừa du lịch (hội-nghị kỳ này ở nước này, kỳ khác ở nước khác) vừa du hí nữa. Trông nhiều cảnh những ông già bà già tán tỉnh, chạy theo nhau cũng ngộ. Cũng vì vậy mà nguyên Chủ-tịch Văn-bút quốc-tế Arthur Miller đã kêu gọi các hội Văn-bút nên nhắm lòi cuốn vào hội các cây bút trẻ là số cây bút thiếu vắng hẳn ở đây.

Hội-nghị Văn-bút quốc-tế có chủ trương bênh vực các nhà văn bị cầm tù, bị đàn áp, bị mất tự do sáng tác do những chế độ độc tài ở các quốc gia trên thế giới, nhưng vì mục đích của Hội là văn-hóa chứ không phải chính trị, nên sự tranh đấu cũng không quyết liệt. Đôi khi kêu gọi rồi bỏ đấy, bỏ qua đi, không muốn gây bất bình sâu đậm đối với nhà cầm quyền ở các nước bị tố cáo. Bởi vậy mà Văn-bút quốc-tế là một thứ Liên-Hiệp-Quốc văn hóa, cũng bắt lực trước, bạo lực, bạo động như tổ chức Liên-Hiệp-Quốc chính trị.

— Theo bản tường trình của Phái đoàn Văn bút VN. thì anh định lên phát biểu ý kiến mà bị trở ngại vì một số đại biểu các nước Cộng-sản. Nếu không có trở ngại đó thì anh sẽ nói những gì ?

— Tôi có một số ý-kiến về đề tài của Hội-nghị Văn-bút quốc tế, nhưng trước bầu không khí dành giết máy vi âm buổi chiều hôm đó, giá nói được tôi cũng không còn thích thú nữa.

Thực ra "Văn chương trong thời đại nhàn rỗi" là một đề tài quan trọng đặt ra cho các xã-hội Âu Mỹ, một xã-hội đã vượt qua nền văn-minh cần lao (civilisation de travail) và tiến tới một nền văn minh nhàn rỗi (civilisation de loisirs) nhờ có kỹ nghệ tiên-tiến và nhờ hưởng thái bình trong 20 năm qua. Đối với họ, nghỉ thứ 7, chủ nhật, nghỉ hè chẳng hạn, không phải là một nhu cầu của riêng tầng lớp được ưu đãi nào mà là nhu cầu của mọi tầng lớp trong xã-hội.

Nhàn rỗi (loisirs) có tính cách quần chúng và là một hiện tượng quần chúng ; nhàn rỗi đặt ra những vấn đề tổ chức và trở thành một nhu cầu quần chúng coi như thiết yếu.

Phương tiện truyền thông : Radio, T.V., Ciné v.v. . cũng có tính cách quần chúng. Mà chính những phương tiện truyền thông kể trên đây lại lòi cuốn người ta nhiều hơn là những phương tiện truyền thông bằng chữ viết, do đó mà văn chương bị đe dọa.

Đọc một tác phẩm bằng chữ mất nhiều thì giờ, tốn nhiều công hơn coi tác phẩm đó thực hiện thành phim. Văn-chương còn bị lấn át vì các loại sách tóm lược, rút gọn, loại sách bỏ túi nữa ..

Những điều đó đúng với hoàn cảnh xã hội Âu Mỹ. Còn với những nước chậm tiến, như các nước Á Phi thì nhiều quốc gia chưa vượt khỏi, có khi chưa đi tới nền văn minh cần lao, hiểu theo nghĩa kỹ-nghệ-hóa, nên thực ra có một hố ngăn

cách càng ngày càng lớn giữa 2 loại quốc gia chậm tiến và tiền tiến. Tất nhiên tại nơi đây, vấn đề nhân rồi không thể đặt ra như trên được...

Các nước tiền tiến Âu Mỹ phải có trách nhiệm đối với tình trạng chậm tiến của các nước Á Phi vì chính chính sách thực dân, đế quốc đã cản giữ họ ở tình trạng thấp kém hiện nay. Tiếp đó là chính sách tân thực dân nảy sinh, rồi chiến tranh tắt đi ở Âu châu đề bùng lên, chuyển sang đệ tam thế giới lại càng làm cho xã hội ở nơi đây ngưng trệ.

Do đó mà nếu lên tiếng được ở Hội-nghị Văn bút quốc tế thì phải tố cáo sự dư thừa của Tây phương ngày nay, tạo nên văn minh của thời đại nhân rồi, một phần nào đã là nguyên nhân của sự thiếu hụt khốn khổ của các nước kém mở mang; ý thức được sự liên đới trách nhiệm đó, các nhà văn, trí thức Tây-phương có bổn phận cảnh cáo những chính sách thống trị tinh vi xuất phát từ ích kỷ, nhưng được che dấu bằng những chiêu bài tốt đẹp. Còn ở Việt Nam cũng như ở các nước chưa bước vào văn minh nhân rồi, văn chương vẫn phải là một văn chương tranh đấu, gắn liền với chính trị và người cầm bút vẫn còn bị ám ảnh dẫn dắt bởi sự nghèo khổ của dân tộc cũng như của chính mình.

BÁCH-KHOA

*Muốn hiểu quan niệm Vatican II về người nữ tu*

Nhà xuất bản RA KHƠI vừa phát hành

## **NỮ TU ĐỌC VĂN THƯ TÒA THÁNH**

Tập tài liệu quý giá gồm các văn thư Tòa Thánh trước và sau Vatican II.

Sách dày 570 trang

Giá bán 300 đ.

**Nên tìm đọc :**

## **BÍ MẬT NGÀNH GIÁN ĐIỆP**

TẾ-XUYÊN dịch

*Quyển sách rất có giá trị, trình bày rõ ràng về chiến tranh giữa các cơ quan tình báo, hoạt động gián điệp, công tác phá hoại, tuyên truyền, phản gián trên thế giới hiện nay.*

Sách bày bán ở các hiệu sách trong nước và tại nhà sách KHAI-TRÍ 62 Lê-Lợi Saigon.

đã phát hành **TU-TUỞNG** số 6

SỐ ĐẶC BIỆT VỀ :

**NHỮNG VẤN ĐỀ  
CƠ CẤU LUẬN**

do **Phạm Công Thiện,**  
**Kim Định, Ngô Trọng Anh**  
**Tuệ Sỹ, Thích Nguyên Tánh** viết

sách của nhà xuất bản An-Tiêm :

- \* **SA MẠC PHÁT TIẾT** (thơ)  
của Bùi Giáng 411 trang, giá 180 đ.
- \* **NGƯỜI VIỆT CÓ DÂN TỘC LÍNH KHÔNG**  
biên khảo của Sơn Nam 116 trang, giá 91 đ.
- \* **TÂM TÌNH HIẾN DANG** (*The Gardener*)  
của Tagore; bản dịch của Đỗ Khánh Hoan-108 trang, giá 90 đ.
- \* **HỒI KÝ VIẾT DƯỚI HÀM**  
của Dostoievsky, bản dịch của Thạch Chương  
280 trang, giá 180 đ.
- \* **BÉP LỬA**  
của Thanh-Tâm Tuyên 118 trang, giá 80 đ.
- \* **CÀI CHUÔNG KHỈ**  
truyện ngắn của Nguyễn-đức-Sơn 156 trang, giá 80 đ.

sách do nhà An-Tiêm xuất bản, tự phát hành lấy, các hiệu sách ở xa  
muốn mua, xin liên lạc với nhà Lá-Bối 120, Nguyễn-Lâm Chợ-Lớn.



# Bằng và N

Tôi đưa Bằng về từ những vùng rừng mù ám mây thấp Bằng xem như đã ngồi nghỉ bình yên trong tiếng khóc của mọi người thân. Giờ thì nó quên những con đường cao đất đỏ, quên những chiều đi tuần qua một Buôn quen, mon men len đi xem gái Thượng tám tuổi, lỡ bị nhìn thấy cười trừ cũng xong. Xong ! quả thật như thế, Bằng chẳng còn gì để suy nghĩ, để đổi diện, đương đầu. Nó đã nhận bản án cuối cùng cho mỗi con người sinh ra đều phải biết trước : *cái chết*. Tôi đưa hẳn suốt từ Ban-mê-thuột về Sài Gòn, trong đầu óc chỉ lằm nhảm : không còn gì. . không còn gì. Mà còn gì được nữa kia chứ ? Và tôi chợt thấy mình vô lý khi cứ lần quần nghĩ dùm cho nó (Bằng), nói dùm cho nó. Thằng bạn thân im lặng trong đó, chiếc hòm kẽm đen xỉn dưới lá cờ chói chan nhưc mắt. Tôi phải đưa nó về và tôi đã đưa nó về. Đưa nó đến đây với tình thân hơn bất cứ bao giờ của một đời bạn hữu. Ăn, uống, ngủ, hút chung một điếu thuốc, tán nhảm về đàn bà, xấu đẹp đã quen, đã xa hay sắp là người tình. Sự gần gũi cuối cùng vẫn còn đây (bên cạnh chiếc quan tài) nhưng chỉ còn một mình tôi nghĩ, tôi nói hoặc là thay cho nó hoặc là nói với chính mình. Cuối cùng thứ ngôn ngữ đó chìm hút vào vùng im lặng đời đời.

Tôi ném cho Bằng một nhánh hoa huệ và một nắm đất — Một nắm thôi nghe mày ! — sau khi hai khúc giấy thừng từ từ rút lên. Mọi người lát nữa sẽ trở về và tiếp tục phần sống vội vã của mình. Trời nắng trên đồi xa lộ ngun ngút, tôi chuển choáng thêm một hộp bia nổi bọt cao trong ly. Tôi lắp bắp nói lời chia buồn cuối cùng với ba của Bằng, nhìn P. rất nhanh và quay đi. Tôi nghiệp cho P. ! Chờ đợi bao nhiêu lần hứa nhăng hứa cuội của nó một chuyến về phép thường niên từ ngày ra trường. Ôi ! những lá thư tình gửi đi và nhận được của mày ! thẳng tỏ sạo nhưng cũng thật dễ thương. P. là người trên vai người chị của Bằng. Ừ ! mà chẳng bao giờ Bằng nó thấy được nhỉ. Tôi ngập ngừng muốn trở lại an ủi P. vài câu nhưng dự định cho những lời nói chưa kịp phát biểu đã trở nên thừa thãi, bi nhảm. Thôi ! Đến một lúc nào đó P. sẽ lại nói cười vui vẻ, rong chơi, may mặc, sắm sửa với bạn hữu, tìm được một người đàn ông ; may mắn ra lấy được nhau, sinh con đẻ cái và cuối cùng không bao giờ trở lại ngọn đồi của những người

chết này. Cuối cùng rồi vẫn không là gì, không còn gì, vẫn âm điệu lao xao buồn thảm ấy trong đầu. Những gì tôi đã làm được cho nó (tôi làm gì được hơn nữa?) như thể xem như xong, tôi nhìn đồng hồ đã gần mười một giờ. Từ xa, ngoài xa lộ những đoàn xe nối đuôi trong đám bụi mù mù. Tôi đi theo con đường vòng xuống chân đồi, tôi phải gặp N. trước giờ Saigon tan sở. Bức rèm người lính ngồi thều thào, mốc rêu xanh. Những mùa mưa đã qua nơi đây buồn rầu. Mây đó hã Bằng, có thể là tao vào một ngày khác. Chiếc xe lam trở tới, tôi ghé đít ngồi cạnh người tài xế.

N. ngồi lơ đãng nhìn qua cửa sổ sang cái công viên nhỏ bên kia đường. Thấy tôi N. lộ vẻ mừng rỡ, hé miệng tính nói câu gì đó nhưng lại quay đầu đảo dác nhìn chung quanh. Mái tóc đen dài N. đã quấn lên cao cái băng chiếc kẹp có hình lá nho, để lộ một khuôn cổ thon mịn, mảnh mai. Chỉ còn mỗi cô bạn đang cúi húi xếp chồng hồ sơ gọn ghẽ trước khi họ ra về. Cô bạn quay lại thấy tôi nói: Ô! anh Bôi mới được nghỉ phép hả? này! có người trông mỗi mắt đấy nhé!. Tôi cười nói cảm ơn chị và hơi mắc cỡ vì sự sốc sếch bê bối của mình. Đôi giày trện lem nhem bùn đất, quần áo nhăn nhúm khó coi và cảm tưởng da thịt nhóp nhóp một lớp bụi và mồ hôi, hai ngày chưa tắm còn gì!

N. nhìn cô bạn cười rất tươi nói: Chị khéo thêu dệt, em mà chờ ai được, mà chờ làm gì chứ? Cô gái đi qua phòng bên cạnh, quay lại đùa với: Làm gì thì ông bà biết, sao bọn này biết được, rõ khéo!. Tôi nhìn thật lâu vào khuôn mặt chột tươi sáng của N., tôi nói: anh chỉ sợ trễ giờ em về mất. N. hỏi anh ở phi trường toi đây à? Tôi nói: Không anh ở Biên-hòa về. Tối qua anh tới Tân Sơn Nhất rồi đi thẳng Biên-hòa luôn. N. nhìn tôi vẻ chờ đợi, dò hỏi. Chắc N. thắc mắc về chuyện đi Biên-hòa của tôi. Tôi thấy không cần giải thích trường hợp phải lo cho một người bạn vừa nằm xuống nhất là N. không biết Bằng là ai. Không nên kể cho một người đàn bà nghe về một cái chết dưới bất cứ hình thức nào. Chết trện, một sự việc xảy ra trong muôn ngàn và mau quên. Tôi hỏi lảng đi: mấy giờ rồi em? N. kéo tay áo dài nhìn chiếc đồng hồ bé xíu đáp: Còn năm phút nữa anh! Tay N. này giờ vẫn cầm cây bút chì một đầu vót nhọn, một đầu buộc cục tẩy thật to. Ngón út bàn tay mặt của N. co lại dẫu trong lòng tay. Một thói quen của N. vì móng tay ngón út đó đã hỏng từ thuở bé (tôi tìm ra khi nắm tay N. lần đầu) và tôi lại thích mân mê cái ngón tay út bé bỏng tử thân ấy.

Buổi trưa chúng tôi ăn cơm ở một quán ăn đường Gia-long. Trên cái gác hẹp bé tí chỉ có hai đứa làm tôi có cảm tưởng như đang ở nhà. Đó là những điều chúng ta — tôi và N. vẫn hằng ao ước, đến một ngày nào đó, mọi chuyện sẽ được êm đẹp. N. đưa ly nước cam lên môi uống một ngụm nhỏ hỏi tôi: chừng nào anh phải đi? Tôi nói vài ngày nữa tùy anh. N. lộ vẻ mừng, tôi cười nói tiếp thôi em đừng hỏi tới ngày anh đi nữa, năn lắm. N. bảo nếu anh được ở Saigon luôn không chừng anh còn năn hơn. Tôi nói dù sao cũng gần em và gia đình, nghĩ đến Ban mê-thuật mùa mưa này anh tưởng như đang bị chôn sống.

N. ngạc nhiên hỏi làm gì tệ đến thế anh? Tôi rút một điếu thuốc châm hút nói em gọi món gì ăn đi chứ!. Làm sao N. hiểu được cái cảm giác chôn sống ấy. Tôi vốn không thích kể chuyện những ngày đơn vị cho N. và gia đình tôi nghe. Có thể đến một lúc nào đó N. sẽ hiểu, sẽ phải chịu đựng nữa không chừng, từ miếng ăn giấc ngủ, chờ đợi mòn mỏi, tin về một trận đánh nơi đơn vị của chồng (hoặc người yêu) .... Bây giờ N. chưa nghĩ tới, chưa cảm thấy gì hết ngoài những tình cảm nhớ nhung của một người tình cho một người tình. Không kể cho N. nghe vì tôi không muốn N. thất vọng, lo âu. Yêu nhau có nghĩa là lừa dối nhau nữa. Còn tôi thì muốn quên những ngày đó, ít nhất trong khoảng khắc đắm ắm này, quên những ngày mưa vây quanh đến ăm cả xương thịt, mùa nắng bụi mù và những đêm rừng sương lạnh xót da, quên những chiếc trực thăng ù ù, đầu óc bàng hoàng khi lao xuống một ngọn đồi chết để tìm một chỗ sống cho mình, chẳng ra làm sao. Năn thật!. N. hỏi anh có vẻ mệt. Tôi cười nói có gì mệt đâu em, chiều nay em "dám" nghỉ lắm nhỉ? N. cười thành tiếng trả lời em biết trước mà.

Cô gái giúp việc quán bày món ăn lên mặt bàn phủ vải hoa xanh trong khi N. so đĩa và bới cơm cho cả hai người. Tôi nhìn ngón tay út dấu điểm của N. cười vu vơ N. đỏ mặt nheo mắt trách móc anh lúc nào cũng đùa. Trong bữa ăn N. kể cho tôi nghe về những người quen, bạn hữu, những thay đổi nơi họ. Hiền lấy chồng rồi anh, ông bà đem nhau lên Đà Lạt, mùa này mưa lạnh buồn chết anh nhỉ. Tôi nói họ cần gì biết đến mưa nắng. Anh nói kỳ!. N. tiếp con Loan, con Oanh cũng đám cưới nay mai. Tôi ngắt lời hỏi còn em thì sao? N. cúi đầu im lặng. Tôi thăm dò: Anh nghĩ rằng đã đến lúc chúng ta phải làm cái gì cho chúng ta. N. hốt hoảng nói em xin anh mà! anh bảo em phải làm gì đây? em không giải quyết được gì cả ... Tôi bỗng nghe mình xúc động. Có lẽ tôi vừa ích kỷ — Phần nào thôi chứ! Thực ra tôi phải hiểu cho hoàn cảnh N., một bà mẹ mù và bốn năm đứa em còn đang đi học. Tuổi trẻ của N. là cái vốn liếng vắt vả đó. N. im lặng buồn rầu.

*... Ba vẫn sống ở Đà Lạt với người đàn bà của ba. Lâu lâu ba về thăm cho một ít tiền, ăn vài bữa cơm rồi lại lạnh lùng bỏ đi, nơi này làm cho ba cảm cỗi, mệt mỏi chán nản, có thể ba nghĩ nơi này là một cõi chết lần mòn và ba chỉ sống lại khi trên đó với những-người-của ba. Không có gì để trách ba cả hai chúng ta không có đủ tư cách làm thế, ba muốn bù trừ cho một tuổi già đến gần, khi suốt hay mười rằm nhọc nhằn thiếu thốn. Không ai trách ba ngoài sự im lặng của mẹ. Mẹ im lặng vì đời mẹ chỉ còn bóng tối và bọn em im lặng vì vẫn còn mong ba sẽ trở về thăm nhà một lần nào khác. Im lặng cũng có nghĩa là thương ba hơn. Ba nói ba đưa hai đứa em nhỏ nhất lên đó sống với ba. Mọi người cũng vẫn trả lời ba bằng sự im lặng ngờ ngác, chúng nó không thể ở trên đó như hai kẻ lạ lẫm, đáng lẽ ba phải hiểu là không ai đồng ý với ba...*

Một đoạn trong bức thư dài N. đã viết cho tôi như thế, N. còn làm gì được khác hơn. Tôi nữa, tôi phải làm gì và đòi hỏi gì hơn N.N. không thể hy sinh

nhiều hơn. N. thiếu não nói: nhiều khi em chỉ biết chờ đợi, chờ đợi rất nhiều mà đôi như không chờ đợi gì, một phép lạ chẳng hạn, nhưng phép lạ chỉ có trong những chuyện hoang đường. Tôi nói thôi em! chúng ta nên lánh mặt trước bi thảm, đời sống là một con đường có sẵn, chúng ta dù m ớn dù không cũng phải đến một nơi nào đó chứ. Chẳng lẽ... N nói em hiểu nên em vẫn hy vọng mà (N mỉm cười) đôi khi nó trở nên một thứ hy vọng tử thân đó anh! Tôi nắm gọn tay N, để trên mặt bàn - Bát đĩa đã được dọn sạch và chúng tôi đang uống với nhau tách trà cuối cùng trước khi ra về - tôi nhìn sâu vào mắt N. nói xưa nay em vẫn chẳng thường bảo anh là niềm tử thân của em đó sao? với anh thì ngược lại. Chờ thư em những ngày trên đó cũng là một niềm hy vọng tử thân nào đó của anh. Buồn nhiều khi chẳng muốn nghĩ gì, chỉ muốn ngủ một giấc bình yên, biết sao không? N đáp em biết anh bận rộn và mệt mỏi. Tôi nói không tại anh nhớ em.

Chúng tôi rời quán. Người ta bắt đầu đi làm buổi chiều, thành phố ồn ào hừng hực như cháy lớn dưới con nắng dữ dội một ngày sắp hết: mùa mưa. Tôi nói đề ghé qua chợ bến thành mua cho Thi Trang ít trái cây, chẳng lẽ ông anh từ xứ Thượng về mà không có quà. N, nói anh chỉ bày vẽ, tưởng chúng nó còn trẻ con lắm sao? Thi đã có vài cậu nhỏ nhỏ cùng trường theo về đến ngõ rồi đó anh! tại nó mới mười bốn mười lăm mà đã quý ghê cơ. Tôi cười bảo N. tuổi trẻ trong thành phố này là những trái cây chín nắng mà em, nhưng dù sao cũng hơn chúng ta, những trái đắng. N nói em không muốn anh bị quan. Tôi nói: còn bị quan là còn muốn yêu đời, anh yêu đời lắm chứ! như bây giờ chẳng hạn.

Mua xong chục cam, tôi vẫy một chiếc taxi. Ngồi sát N trong xe tôi nghĩ thấy mơ hồ một hương tóc quen thuộc. Mũi mắt tôi chịu xuống.

Căn nhà ở mãi tận ngoại ô Gia định, cuối con ngõ tre sao sác. Có một cái gì trầm xuống nhẹ nhàng ở quanh đây, một nơi nửa thành phố, nửa thôn quê. Trên ngọn cao tiếng ve muện râm ran, chỉ thiếu một dòng sông be bé chảy qua là hình dung được một quê mẹ xa vời trong trí tưởng. Tôi đã kể cho N. nghe về quê hương đó, xa từ tuổi thơ, không dám nghĩ rằng sẽ mất, quê mẹ hiện về trong những bất ngờ, trời nổi gió lạnh. Mái trường đình riu rít chim sẻ, cái ao bèo nhật bản trước nhà, đêm trăng trên sân gạch, cánh đồng chiêm mùa lụt, ngày hè nắng cao trên con sông ngơ ngác.

Tôi đưa N về căn nhà lợp ngói cũ kỹ thân mến, quen thuộc, từ cổng ngõ, gốc cây, khu vườn. Tôi gọi này em! (N dạ nhỏ nhỏ) cây khế giờ cao nhỉ? N cười bộ anh không cho nó lớn lên sao? Tôi nói không phải anh muốn nói vậy, hôm anh đào đất trồng nó thật là vất vả... biết sao không? N. lắc đầu nói em chịu. Tôi nói vì đó là lần đầu tiên anh đào xới trái tim nguyên vẹn của mình. N. khép cánh cửa gỗ sau lưng tôi lại và nói anh nhìn em đó sao? Chúng tôi đi song song nói chuyện. Không anh nói thật đó. Em đâu nghĩ là anh nói dối, dù anh có nói dối cũng không sao mà. Lạ nhỉ? vậy

anh phải tập nói dối mới được, nhưng tại sao vậy. Đố anh đó. Thua! N. rời xa tôi một chút nói thật nhanh tại em yêu anh.

Một ngọn gió thoảng qua, tôi thấy cánh lá vú sữa xanh đặc lay động. Bà mẹ không có ở nhà. Trang nói chị Thi đưa má và các em qua thăm di Bày. Trang nom đã lớn vượt, ít nữa có thể đẹp hơn cả hai cô chị. Tôi nghĩ chết cho cậu nào... Trang nói tíu tít quà của em đâu anh Bôi coi Bộ anh đi hành quân dữ lắm sao mà đen thui vậy, chút nữa bắt anh Bôi kể chuyện uỳnh giặc mới chịu. Tôi cười đưa bọc cam trên tay cho Trang và nói con gái mà thích nghe chuyện bắn giết à? Anh có nhớ gì đâu mà kể, cô bé phụng phịu nói em không chịu đâu! Kể nghe anh Bôi! N. cười nói nó lộn xộn thế đó, này Trang lấy nước để anh Bôi rửa mặt đã.

Khi tôi trở ra N đã thay áo ngắn trông bé nhỏ dễ thương. Chúng tôi bước xuống hiên ra vườn. Cây vú sữa vẫn rợp bóng, ngoài xa trong nắng cây lựu đơm vài bông đỏ chói muôn màng. Trang đang kiểng chân đờ cây sào tre chọc trái đi chín. Tôi nói sao em không leo lên hái? Cô bé vẫn nhường cây sào má nói con gái không được leo trèo như con trai. Tôi bảo Trang đừng chọc nữa để anh hái cho. Tôi leo lên, nhánh cây oằn xuống muốn gãy. Tôi hái hai trái, đưa cho Trang một, trái kia cắn một miếng rồi đưa cho N, cô em quay đi dựng cây sào vào góc hiên, N. dấu trái đi cắn dở ra sau lưng. Tôi hỏi sao em không ăn? N. bảo Trang nó cười tui mình bây giờ. Tôi lơ đãng nhìn hai cái mã đá ong ở cuối vườn trả lời rồi nó cũng sẽ lớn lên như chúng ta.

Tôi nằm dài trên chiếc võng mắc trong bóng rợp của cây trứng cá cạnh hiên. Buổi chiều đến lặn, một ngày sắp qua, lát nữa tôi về nhà gặp mọi người thân trong bữa cơm tối. Có lẽ không nên nói với cậu mợ và các em về cái chết của Bằng Cả nhà tíu tít hỏi han, nào kể nào giải thích—Người chết không bao giờ còn nói được, ngôn ngữ của người sống nói thay thì quả là bi thảm. Tôi tự đồng ý là không nên nói gì. Như một chuyến đi phép hay công tác ghé thăm nhà. Rồi sau bữa cơm tối có lẽ đến phải ở nhà! mẹ tôi thế nào cũng sẽ nói chuyện cười vợ cho tôi, bà vẫn hằng mong ước có một đứa cháu nội. Phải già bằng tuổi đó mới kết cái cụ nghĩ gì, thích gì. Nhưng có lẽ không đi chơi tối nay được, buổi tối đầu tiên về thăm nhà đứa con phải theo một nghi thức nào đó sẵn có từ xưa trong gia đình. Nếu không, chắc cũng không thoát được bàn mặt chược với cậu, với chú Chi, bạn cậu hay bạn chú. Chú Chi, ông chú suốt đời không có con, một đời mê mẩn mối tình củ và mặt chược. Cô gái hàng Đào của chú có đôi mắt tuyệt vời, chú kể cho tôi nghe nhiều lần những buổi chú cháu ngồi uống trà. Chú thật thảm bại, còn cỡi trong chiếc ghế bành rộng lớn.

Tao lỡ bỏ cuộc rồi và không còn dịp may nào nữa, về mọi chuyện. Mày khá! cứ việc sống theo ý mày (thật tình nhiều lúc tôi không thể hiểu hoàn toàn những

gi chú muốn diễn đạt trong ngôn ngữ khó hiểu ấy (ức của chú). Cậu mày không được! sống giống như cái đồng hồ nhà buro điện. Cậu mày — xem nào ba bốn chục năm gần gũi — và tao cũng như thế nào ấy. Lạ thật! khó hợp với anh ta.

Tôi cười nói đùa thế còn trong bàn mặt chược thì sao chú? Chú Chi gõ gọng kính cận xuống lau điem đăm nói đó cũng là một cách tập để sống gần và hiểu nhau hơn.

Chị em N khệ nệ mang hai chiếc ghế mây đan và đĩa cam bóc sẵn đặt dưới tàn cây. Tôi ngồi dậy bước xuống đỡ một tay nói chị em cô làm gì mà trang trọng quá thế. N vén lọn tóc xòa xuống trán cười đáp trong nhà nực ghê anh ạ Chúng tôi ngồi ăn cam và nghe tiếng lá tre sào xạc ngoài ngõ. Buổi chiều gió nhẹ Đám mây thấp đứng sững ở cuối chân trời. N hỏi anh chưa ghé nhà? Tôi vút mẩu thuốc xuống đất vờn vai nói chưa lát nữa. N thấp giọng nói ở lại ăn cơm chiều với tụi em nghe, má chắc cũng sắp về. Tôi nói thôi, mai anh lại nữa mà. N nói cũng được nhưng anh đến sớm một chút đưa em ra sở xin phép nghỉ. Tôi nói ừ. Một con chim nào đó hót trong vườn rất thanh Tôi gọi này em! .. N ngược mắt chờ đợi. Thôi chẳng có gì...

Bé Trang leo lên võng nằm đong đưa thiu thiu ngủ, đôi mắt khép hờn hòa. Làm trẻ con thật sung sướng. Tôi nắm nhẹ tay N vuốt ve. N, đề nguyên, im lặng. Nâng trên ngọn xa dịu dàng, những ngày mưa sắp hết rồi, ngày và ngày, tháng và tháng tiếp nối, con đường của những đôi người (tôi, N.), hai chiếc mả đá ong nằm cạnh nhau thân mật, quyến luyến, cây khế trồng năm nào đã li ti nở những cánh hoa đầu N. nói anh mệt à? Tôi chỉ tay về phía cuối vườn nói: Không anh đang nghĩ đến một ngày nào đó chúng ta được chôn cạnh nhau như ông bà nội.

ĐINH-NGUYỄN

## TU SÁCH ĐẠI-NAM VĂN-HIÊN

### IN BANG ANH-NGỮ

Bản dịch của ĐÀM-XUÂN CẬN

- |     |   |       |
|-----|---|-------|
| 1 — | THE PHONG BY THE THÈ PHONG  | 400 đ |
| 2   | I WAS AN AMERICAN MILITIAMAN  | 200 đ |
| 3 — | VIETNAM : THE SKY UNDER FIRE AND FLAMES                             | 200 đ |
| 4 — | VIETNAM : THE BABY IN THE AMRS<br>OF THE AMERICAN NURSE             | 200 đ |
| 5 — | THE RUBBISH TIP OUTSIDE THE CITY<br>AND OTHERS STORIES BY THE PHONG | 250 đ |

Viết thư cho ĐÀM-XUÂN CẬN Hộp thư II23 Saigon

# NỮ A LON GẠO

Trời tạnh mưa trong đêm. Buổi sáng ánh nắng rực rỡ len lỏi trên từng chiếc lá và khu rừng lại bắt đầu vang lên tiếng chim chóc líu lo. Trong trại giam, đám tù sau những ngày ngồi bó gối chịu lạnh, cũng xôn xao hẳn lên. Trừ những người già yếu còn ngồi chùm chần co ro trong những góc tối, hầu hết mọi người đã có vẻ hoạt bát. Họ cởi bớt lớp quần áo mặc thêm bên ngoài trong những ngày lạnh, thu dọn chiếu, chăn chờ được cho ra ngoài tắm, giặt.

Khi người cảnh vệ dưới cơ quan lên lấy vài người ra ngoài làm việc, có hàng chục người dơ tay xin đi, trong số đó có ông Hoàn, nhưng người cảnh vệ chỉ lựa vài người thanh niên mạnh khỏe nhất. Ông Hoàn trở lại chỗ nằm, nói với người bên cạnh :

— Những ngày mưa cơ quan động đến ai, ai cũng khai bệnh. Bây giờ thì tranh nhau. Mưa dai dẳng cả tháng trời, tưởng như đất có thể thối được, người và quần áo không được tắm giặt hơi hám chịu không nổi. Nhất là những người bị ghẻ, mủ ghẻ dính vào quần áo từng lớp dày cộm lâu ngày không được thay đổi, xông lên mùi tanh đến phát buồn nôn. Cũng may ông Hoàn và những người nằm quanh ông chưa ai bị ghẻ, nhưng ông Hoàn biết thế nào cũng có ngày ông mắc phải bệnh dơ bẩn đó. Cả trại giam rồi cũng sẽ không

còn ai tránh khỏi. Mỗi tuần lễ bọn tù chỉ được đi tắm giặt một lần, đó là những ngày nắng, còn trong mùa mưa thì có khi cả tháng mới được đi. Mà tắm giặt thì lại không có xà-phòng, ăn nằm thì chung đống như thế làm sao tránh khỏi lây. Bọn tù chưa bị ghẻ đã đề nghị với cơ quan xin để những người ghẻ nằm riêng ra một nơi để ngăn chặn bệnh ghẻ lan truyền, nhưng cơ quan xem chừng không để ý lắm đến điều đó, nên những người ghẻ vẫn ăn nằm bừa bãi. Trong những dịp viết thư về cho gia đình, lần nào trong thư ông Hoàn cũng nhắc nhở vợ con gọi cho ông một vài cục xà-phòng, và một vài bộ quần áo để ông tắm giặt, thay đổi, nhưng những lá thư ấy dường như chẳng bao giờ đến tay vợ con ông. Chờ đợi lâu ngày, ông Hoàn đã cho rằng cơ quan bày đặt ra chuyện viết thư để nuôi dưỡng chút hy vọng của đám người mà tâm trí và thể xác khô héo dần dần trong nỗi khốn khổ cùng cực.

Sau khi lấy tay đập đập cho những vỏ thóc còn vương trên sạp rơi xuống đất, ông Hoàn lôi chiếc bao bột mì ở góc sạp ra. Ông thò tay vào trong bao tìm nắm gạo, đựng trong một cái tay áo rách mà ông đã cẩn thận cột chặt hai đầu, bóp bóp. Tuy chưa đồ gạo ra lon nhưng ông Hoàn đoán chừng nắm gạo cũng được già nửa lon. Nghĩ đến bữa cơm tối nay được thêm phần

cơm nữa ông Hoàng bỗng thấy ứa nước chân răng. Bọn tù mỗi ngày chỉ được ăn một lon rượu gạo với một lon muối sống cho cả tháng. Đối với người bình thường ở bên ngoài ăn một ngày lon rượu gạo cùng những thức ăn phụ khác như vậy cũng đủ no, nhưng đối với bọn tù, làm việc quần quật cả ngày, mà chỉ ăn mỗi bữa nửa lon gạo với chút muối hãm thì thật chẳng thấm thìa vào đâu. Ngày mới vào trại nhìn phần cơm có ghế sẵn, những bát sắn khô dày và cứng, ông Hoàng không làm sao nuốt nổi. Nhưng dần dà nỗi nhớ thương vợ con, nỗi thắc mắc, lo lắng về thân phận mình tiêu tan đi trong nỗi tuyệt vọng lớn dần, ông Hoàng mới thấy đói, nhưng lúc ấy thì trại giam đã hết ăn cơm ghế sẵn. Những lúc đói ông Hoàng thường ước ao sao cho bọn tù lại được ăn cơm ghế sẵn, vì tuy ăn cơm ghế sẵn phần gạo một ngày phải bớt đi nửa lon, nhưng mỗi bữa ăn nhờ có sắn ghế số lượng tăng lên, bớt đói phần rào.

Ông Hoàng chân tay không còn mạnh nên ông không được theo bọn thanh niên xuống làng gùi gạo. Bọn thanh niên xuống làng gùi gạo có ăn hơn. Mỗi lần trở về họ đem theo đủ thứ và thứ nào cũng làm cho bọn ở nhà thêm thường. Từ những gói cơm bọc lá chuối, những mẩu sắn tươi luộc, chút mắm dưa, tảng đường, vài nhánh thuốc, một vài lon nếp hay gạo, cùng ít trái ớt, tiêu... Nhiều lúc ngồi nghỉ lại những lần mình chạy chỗ này chỗ nọ nài nỉ xin cho bằng được một chút đường dù chỉ bằng một cái móng tay hay một trái ớt non của bọn gùi gạo, bắt chấp cả sự hắt hủi của bọn họ, ông Hoàng thấy mình đã sa sút nhiều lắm. Đã lắm lần ông Hoàng tự bảo sẽ không bao giờ để ý đến sự ăn uống của mọi người ở xung quanh nữa, vì ông thấy mình càng ngày

càng giống một con vật đói khát, chẳng còn là một con người. Nhưng rồi mỗi lần tự hứa như thế ông Hoàng không giữ được bao lâu. Con đói đã ăn mòn ý chí của ông. Ông Hoàng biết rằng mình đã tề bại thật sự và ông thấy khó lòng chinh đốn lại được con người mình trong chốn rừng xanh núi biếc này.

Ông Hoàng đứng dậy đi mượn một cái lon sữa bò của bọn tù, ông đổ gạo vào trong lon và ông sung sướng thấy gạo được giã nửa lon như ông đã đoán. Người tù bên cạnh hỏi ông gạo đó ở đâu, ông Hoàng đã chuẩn bị sẵn câu trả lời về số gạo ấy, nhưng ông vẫn thấy sợ bị nghi ngờ. Ông đáp:

- Bữa trước thằng Hoàng được về, còn giã nửa lon gạo, nó cho tôi.

Người tù không hỏi gì thêm và cũng không tỏ dấu nghi ngờ, ông Hoàng tạm yên trí. Sự thật thì nửa lon gạo đó là kết quả của cả một kỳ công của ông Hoàng. Nguyên chỗ nằm của ông Hoàng ở ngay bên cạnh chỗ đề thóc của cơ quan và thoát đầu ông chỉ cần thóc ăn gạo sống những lúc đói bụng, nhưng sau ông nảy ý là sẽ dồn những hạt gạo cần được mỗi ngày (có khi mỗi đêm, những đêm ông Hoàng ngủ không được vì trời lạnh) cho đến khi được nửa lon gạo mới thôi. Từ ngày vào trại giam đến bây giờ chưa lần nào ông Hoàng được ăn một lon gạo trong một bữa. Tiêu chuẩn ăn uống của bọn tù bao giờ cũng được giữ nguyên, tuy nhiên bọn tù xuống làng gùi gạo, họ làm thuê cho dân làng đổi công lấy gạo, họ đem gạo về trại và được gởi số gạo đó cho người cấp dưỡng tăng thêm phần ăn mỗi bữa nửa lon — ai gởi quá nửa lon mỗi bữa thì bị đưa ra kiểm thảo, cảnh cáo. Những khi nhìn bọn ấy ăn cơm với phần cơm một



lon gạo, ông Hoàn chỉ biết tróc ao và thằm lạng nước miếng. Nồi ao tróc đã thúc đẩy ông Hoàn thực hiện cho bằng được ý định của mình. Ông nhẫn nại từng ngày, cắn từng hạt thóc, kín đáo dấu đi. Cho đến hôm nay ông làm xong được ý định của mình.

oOo

Buổi chiều ông Hoàn và Hùng được gọi đi gánh nước cho cơ quan. Suối nước ở cách nhà bếp cơ quan một con dốc khá cao. Ông Hoàn vất vả lắm mới leo lên hết được con dốc với đôi thùng nước lạnh trên vai. Có lúc ông xây xăm muốn ngã chúi xuống và khi gánh xong nước cho cơ quan người ông rã rời như không còn bước nổi nữa. Ông trở về trại nằm nghỉ, đến bữa cơm tối.

Ở đây, vì sợ máy bay phát hiện ra khói, bọn tù phải chờ đến tối mới được nấu cơm. Trong lúc ông Hoàn rằm nghỉ đến bữa cơm tối nay thêm một phần cơm, ông bỗng nghe tiếng người cảnh vệ dẫn ông đi gánh nước lúc này gọi tên ông và Hùng. Ông Hoàn ngơ ngác không hiểu chuyện gì, bước ra ngoài. Người cảnh vệ, mặt hầm hầm, hỏi ông Hoàn và Hùng.

— Hai anh chiều nay gánh nước, anh nào lấy gạo của cơ quan ?

Ông Hoàn thất sắc, đáp ngay :

— Dạ, tôi không lấy.

Hùng cũng chối là không lấy. Người cảnh vệ nói gằn từng tiếng :

— Anh nào đã lỡ lấy thì tự giác đi, tự giác sẽ được khoan hồng, còn để tôi điều tra ra tôi trừng phạt nặng nề.

Người cảnh vệ chọt chỉ tay vào mặt Hùng :

— Anh Hùng lấy phải không ?

Hùng cúi mặt xuống, ấp úng, nói:

— Dạ em không lấy, em xin cam đoan.

Người cảnh vệ quay sang ông Hoàn

— Anh phải không ?

Ông Hoàn tránh đôi mắt dữ tợn của người cảnh vệ, ông cố nói giọng thật bình tĩnh:

— Tôi có thấy gạo, nhưng thực tình tôi không lấy.

Người cảnh vệ bảo hai người đứng đấy, rồi bỏ đi xuống nhà bếp. Ông Hoàn nhìn Hùng thấy mặt hấn nặng nề. Trong trại giam tiếng xăm xì nổi lên. Ông Hoàn không biết Hùng có lấy gạo của cơ quan hay không nhưng ngó mặt hấn, cùng với tai tiếng của Hùng xưa nay trong trại giam, ông thấy hấn đáng nghi ngờ lắm. Đạo trước Hùng thường được cho xuống làng gùi gạo, nhưng qua nhiều lần Hùng bị tố cáo ăn cắp đồ của đồng bào, Hùng không được đi nữa. Ở trại giam, có lần Hùng lấy cả một phần cơm của người khác khiến người đó phải nhịn đói một bữa.

Người cảnh vệ trở lại trại giam cùng với người tù phụ trách cấp dưỡng. Người cảnh vệ nói.

Một lần nữa tôi hỏi hai anh, anh nào lấy thì tự giác đi, tôi sẽ không phạt gì cả. Còn nếu cứ ngoan cố thì đừng trách tôi

Ông Hoàn và Hùng đều lần lượt không nhận đã lấy gạo của cơ quan. Người cảnh vệ trợn mắt thét lên:

— Anh Hoàn, anh bảo anh không lấy thế gạo ở đâu mà anh gọi nhà bếp nấu ?

Ông Hoàn có cảm tưởng thành

lính ông bị một nhát búa đập vào đầu, ông ấp úng mãi mới lên lời.

— Nửa lon gạo đó bữa trước anh Hoàng cho tôi.

— Thật không ?

— Dạ thật.

Người cảnh vệ quay vào trong trại giam hỏi bọn tù.

— Có anh nào thấy anh Hoàng cho anh Hoàng gạo không ?

Trong trại giam bọn tù xăm xỉ nhưng không có ai lên tiếng, người cảnh vệ chờ một lát, lại hỏi:

— Mấy anh ở gần anh Hoàng ?

Ông Hoàng hy vọng người tù buổi sáng hỏi ông về nửa lon gạo ấy lên tiếng thanh minh cho ông, nhưng một lúc lâu sau đó cũng không có ai nói gì. Ông Hoàng thở dài, cúi mặt nhìn xuống đất. Ông biết rằng nếu có nói thật về nửa lon gạo ấy, cũng không có ai tin, và nếu có tin thì ông cũng bị ghép vào tội ăn cắp. Người cảnh vệ hỏi ông:

— Không có ai thấy anh Hoàng cho anh gạo, còn anh thì chối là không lấy, vậy gạo ở đâu mà anh gửi nhà bếp ?

Ông Hoàng lập lại lời nói là gạo ấy

do ông Hoàng cho ông, người cảnh vệ quát lên.

Anh này ngoan cố thật. Nếu không có chính sách, tôi đã đập cho anh một đập rồi.

Người cảnh vệ quay sang Hùng.

— Cho anh vào.

Người cảnh vệ gọi vào trong trại giam.

— Anh Trương đem anh Hoàng xuống hầm kỷ luật cởi quần áo, cùm chân tay lại cho tôi. Phần cơm của anh Hoàng đem chia cho mấy người làm lao động, (rồi anh ta ném cái nhìn gườm gườm vào mặt ông Hoàng) anh ngoan cố phải trừng phạt đích đáng

Người trại trưởng mở cửa trại giam ra dẫn cho ông Hoàng bước vào. Gã bảo ông Hoàng cởi quần áo, rồi bảo ông đi lại hầm kỷ luật. Khi bước đến miệng hầm ông Hoàng bỗng rùng mình nghĩ đêm nay ông phải ở trần chịu lạnh, nhịn đói và làm mồi cho muỗi. Tiếng muỗi kêu vo vo từ dưới hầm bay lên như một đàn ong vỡ tổ. Ông Hoàng bước xuống từng bậc hầm tối đen.

LÊ-TÂM

Nhà xuất bản SÁNG TẠO đã cho phát hành :

## NGỤ NGÔN

Sau Ca dao Nhi-đồng, tập Văn thơ ngụ ngôn Việt-nam và quốc-tế này là quyển thứ hai trong toàn bộ **Tuyển Tập Văn Chương Nhi Đồng** do Doãn-Quốc-Sỹ sưu tập, ghi chú và dịch thuật.

# Cho thân thôi lưu đây chôn đây

NGUYỄN-THÁI YÊN-CHI

Bốn ngày nữa tao trình diện, giấy gọi đã nằm trong tay, hành lý đã sửa soạn xong. Bây giờ, tao chỉ có vài việc phải làm, là ăn, là uống, là ngủ, là viết thư cho bạn bè để vượt dần khoảng thời gian chờ đợi. Hôm nay mới thứ ba, sáng thứ bảy tao lên đường. Dụng cụ cá nhân thu hẹp, một cái áo thun, một cái quần cut, cái bàn chải đánh răng, tuýp kem, khăn mặt cục xà bông. Hôi mày đi chắc cũng chừng đó thứ. Và chắc thằng con trai nào lên đường cũng sửa soạn chừng đó thứ.

Sàigòn đang ở mùa mưa. Con mưa chiều nay kéo từ hai giờ trưa đến giờ vẫn chưa dứt. Hôi còn sống bên nhau, mày hay nói: « Trời mưa vui ghê » Hôi đó thì đúng thật, trời mưa vui ghê. Hai đứa nằm quấn chăn, co mình trong chiếc giường con nghèo nàn của căn gác trọ, mày hút thuốc lá phi phà, tao thì không, nói chuyện cho mày nghe. Nói hết, nói rất thật những ý nghĩ thầm kín nhất. Nhưng bây giờ, vẫn trong căn gác trọ của một năm về trước, chiếc giường ọp ẹp còn có mình tao, nằm sấp, viết thư đến mày. Tao không hút thuốc, không uống cà phê, nhưng bây giờ trước mặt tao có một ly cà phê đen đầy. Tao muốn được hưởng cái hương vị đắng đắng của cà phê ngoài đời một lần trước khi hưởng cái khổ cực và có lẽ cũng đắng như mặt nơi quân trường. Tao đang muốn sống lại với mày, với lũ bạn hai đứa mình mà một năm rồi, chỉ có một năm sau ngày thi phần hai, bao đổi thay xảy ra.

Tao nhớ trước tiên đến thằng Tước. Giờ này, có lẽ nó chỉ còn xương. Thịt đã rã mất hết; rã ra để trả về lòng đất, rã ra để làm tươi cỏ cây, để đất nước mình có thêm ít phân bón. Thật chẳng thằng nào trong bọn mình ngờ được nó chết. Cái chết đến thật bất ngờ. Đậu phần hai, đậu vào Đà Lạt, đi trình diện, đi chuyền lên Đà-Lạt, đột nhiên lên huyết áp, rồi chết. Giản dị và dần trôi như thời gian đi từ một giờ mười phút đến một giờ mười một rồi một giờ mười hai. Tao được tin vào một buổi chiều ở giảng đường nghe giảng Chimie, những lý thuyết Kossel, những bảng phân loại tuần hoàn, những oxid, những acid, những baz như biến mất cả. Thằng Thái từ bên Y khoa sang tìm tao: « Tước chết rồi ». Chết rồi! Tao lập lại hai tiếng đó rồi thôi, rồi không nói được gì nữa. Tiếng thằng Thái đều đều: « Tao mới về quê, vừa vặn được tin này. Đám ma nó chôn lặng lẽ, không một thằng bạn tiễn đưa, chỉ có má nó còng lưng, mắt khô lệ tiễn con ». Thằng Thái nói xong thì tao ghé nơi mắt nong nóng. Có lẽ đỏ. Có lẽ tao xúc động lắm. Tước! Bữa cuối cùng tụi mình gặp nhau, tao mới lãnh được hơn ngàn bạc tiền dạy học, bao mày một châu thật no, hai thằng bảo nhau rằng: « Đã quá ». Thế mà mày ra đi, tao không nhìn mặt được lần chót, thằng Thư, thằng Lộc, thằng Thái mỗi đứa một nơi, chẳng đứa nào

nhìn được mặt mày lần chót. Trước ! Tao có viết trong nhật ký : Mừng cho mày sớm được ra đi, mừng cho mày sớm được yên lành.

Thằng Trước ra đi rồi, còn lại mấy đứa mình. Mày học Đà-Lạt được tám tháng rồi, tao rút dự bị, sắp trình diện Thủ Đức. Thằng Lộc đang sống bên Nhật, thằng Thái vừa đậu xong APM và đi một tháng quân trường theo chương trình huấn luyện quân sự học đường. Đáng lẽ tao nghe lời mày ở lại thi khoá hai, nhưng lại thôi, nộp đơn tình nguyện (!). Nói là tình nguyện chứ đúng ra chỉ là đi trước, tao biết, có thi lại khoá hai tao cũng rút, chi bằng đi sớm cho xong. Tao dễ hành động, nghĩ là làm, không một người ngăn trở. Cha mẹ chết cả rồi, anh em cũng không, bà con chẳng có ai. Một mình trên cuộc đời này, một mình sống và vui với mày, với thằng Trước, thằng Lộc, thằng Thái. Tại mày bốn đứa bỏ tao ở lại một mình, còn gì để tao quyến luyến căn gác trọ này nữa. Những ý nghĩ đó khiến tao quyết định ra đi sớm. Có lẽ tao lại sắp lý luận gàn với mày đây. Hồi còn ở chung với nhau, mày hay bảo tao : « Đồ lý sự cùn ». Lý sự cùn thật. Vì tao nghĩ, sống ở hoàn cảnh tại mình, trong đất nước này, bây giờ, chẳng có cách nào để tự an ủi mình bằng cách lý sự cùn. Tao nhớ đến một bản nhạc của TCS, nhớ đến một câu trong đó : « ... còn bao lâu cho thân thôi lưu đày chốn đây, còn bao lâu cho thiên thu xuống trên thân này... ». Có hơi quá đáng một chút, tao không nghĩ là mình bị lưu đày trong cuộc đời này, nhưng tao nhận là mình đang chờ ngày « thiên thu xuống trên thân này ».

Viết đến đây, tao nhớ nhiều đến thằng Thái. Nó cũng như tao, nghĩ rằng tại mình đang chờ « thiên thu xuống trên thân này ». Tội nghiệp nó. Mặc cảm quá nhiều lại còn bị ám ảnh bởi cái chết nữa. Tao nghĩ, nếu nó không bị ám ảnh bởi cái chết nó đã không đến nỗi chán đời như tao. Tao biết rõ về nó hơn mày, để tao kể cho nghe. Một lần, vào những ngày còn đi học tao với nó đưa nhau ra quán kem. Thằng Thái mắt hoe đỏ nói với tao thật nhiều. Nó bảo vừa gặp một chuyện mà nó gọi là « không may ».

Tao sẽ kể thật rõ với mày về chuyện này. Chuyện mà ngày còn ngồi ở đệ nhất, mỗi lần tao với mày nói đến là nó lăn đi chỗ khác, hay khi mình hỏi chính nó, thì mặt nó đỏ bừng lên. Mà y biết chuyện gì rồi chứ ? Ừ, chuyện tình yêu. Bình thường, Thái là thằng ít nói, nhưng hôm đó nó đã nói thật nhiều, và nói thật hay. Nó hỏi tao về quan niệm tình yêu. Tao không đáp mà hỏi ngược lại. Nó trả lời : tình yêu với tao là cái đáng sợ. Tao hỏi tại sao, nó đáp : tự nhiên tao nghĩ thế. Cái thằng hay vậy, câu trả lời thường xuyên của nó là « tự nhiên tao nghĩ thế ». Dù vậy nó cũng giải thích. Nó nói nhiều đến mặc cảm. Nó bảo tại mình gán cho nó tiếng mặc cảm chứ thật ra, chính nó, nó không nhận là có mặc cảm. Chỉ là sự thật. Và sự thật theo nó là cái chết có lẽ gần với nó quá. Một bác sĩ có nói với nó : « Tim nhỏ và yếu quá, tôi sợ... » Thái cố theo học y-khoa chính là để tự nó xem mình còn sống được bao lâu. Quan niệm của nó về tình yêu có lẽ do đó mà khác lạ. « Tao chỉ cần tình yêu một chiều từ tao đến người ta, và không cần chiều ngược lại. Tao không muốn ai khổ vì mình cả ». Lý tưởng quá phải không Thu ? Nhưng làm sao tin nó được. Triết đệ nhất đó. Nhiều khi cảm

giác và thái độ không cùng đi đôi với nhau. Người ta nghĩ thế này nhưng lại nói cách khác. Con người có hai mặt kia mà. Có thể thằng Thái nói thật, nhưng đó là Lý Trí của nó nói, chứ không phải chính Tình Cảm nó nói; mà tình yêu lại thuộc về tình cảm. Cũng như câu trả lời của nó cho người con gái nó bảo đã khiến nó gặp «không may» (!) «Chúng mình chỉ nên xem nhau như anh em», chưa chắc đã là tình cảm nó nói.

Nhưng điều làm tao suy nghĩ không phải là cái quan niệm tình yêu của nó mà là cái nguyên nhân. Vì cái chết ám ảnh nó cũng có, mà vì «chốn đây» cũng có. «Còn bao lâu cho thân tôi lưu đây chốn đây». Thái yêu Việt Nam hơn tất cả, nó cực đoan đến độ không ưa nổi một người ngoại quốc nào cho dù người đó rất tốt. Và mặc dù phải học sinh ngữ, lại học khá, chưa bao giờ nó dùng ngoại ngữ nói trước bạn bè. Câu kết luận của Thái về những chuyện có dính liu đến Việt Nam luôn luôn là; «Việt Nam nghèo quá». Đúng đấy nước mình nghèo quá, nghèo vì chiến tranh, nghèo từ tinh thần đoàn kết đến lòng yêu nước. Có chăng, những tấm lòng thành với nước với non chỉ như vũng nước nhỏ so với con sông phản bội.

Thái còn ngờ ý với tao muốn vào quân y, tao có can, nhà mày còn đủ tiền ăn học vào đó chi cho cực. Nó bảo vào đó có lẽ nó tránh được chuyện đi sâu vào cuộc tình điều mà nó muốn tránh, lại nữa, biết mình không sống được lâu, không giúp được cho nước cho non, thì cũng sớm được đem thân làm phân bón. Sớm được về cõi yên lành.

Thằng Lộc thì đã đến cõi yên lành nơi nước ngoài. Cũng bởi nó sợ bị «lưu đây chốn đây» cho nên bằng mọi cách nó ra ngoại quốc, và có lẽ sẽ không trở về. Thôi, cũng mừng cho nó dù rằng hành động như thế, nó cũng mang tiếng với tội mình là hèn nhát, là vong bản. Nhưng biết sao được, con thú bị dồn vào đường cùng, phải cố sức núc đờ bức tường ngăn cản mà thoát. Nó như con thú ở bước đường cùng, ít nhất ý nghĩ đó cũng là đúng với nó.

Còn lại mày và tao. Trong mấy đứa, chỉ có mày là hơn cả. Chấp nhận cuộc chiến, chấp nhận cuộc đời, chấp nhận thân phận, không một oán than, không một buồn phiền, không một chán nản. Tao phục mày nhất. Mày vào Đà Lạt không vì gì cả không vì muốn ở yên trong đó bốn năm chờ ngày ra trường đất nước thanh bình, không vì thi rớt, không vì «bị» đi lính. Tao phục mày vì mày là cửa duy nhất trong bọn vui với hoàn cảnh hiện tại. Tội tao một thằng phải vào lính vì không thể tiếp tục học, một thằng muốn vào lính để trốn tránh phiền muộn, một thằng đi ngoại quốc để tìm yên vui. Tội tao không bằng một phần của mày. Nhưng biết sao hơn, không đứa nào trong tội tao muốn như thế cả, và có lẽ, không người Việt-Nam nào muốn sống ở ngoại quốc, không người Việt-Nam nào muốn rằng mình «bị» đi lính, không người Việt-Nam nào muốn «đi tìm cái chết» trong cuộc chiến hôm nay cả. Chỉ tại cuộc chiến, chỉ tại cuộc đời, chỉ tại tội tao phải sống trong cuộc đời, chỉ tại tội tao không sao sống thực với con người của mình được, chỉ tại tội tao không chấp nhận.

Mày đã chấp nhận một cách anh hùng cuộc đời này, cuộc chiến này, thân phận này, xin hãy chấp nhận rằng tội tao đang bị ám ảnh bởi ý nghĩ «còn bao lâu cho thân tôi lưu đây chốn đây?»

Tội nghiệp tội tao nghe. Tội nghiệp Việt-Nam nghe. Và tội nghiệp cả mày nữa.

NGUYỄN THÁI YÊN CHI

tháng 7/69

# Thời-sự thế-giới

T Û - T R I

Những nỗ lực của Tổng-thống Hoa-kỳ Nixon để tìm hậu thuẫn trong nội bộ Hoa-kỳ nhằm tiếp tục chính sách Việt Nam của ông đã là một đề-mục của thời sự thế giới được người ta bàn luận nhiều nhất.

Tại Ấn-độ Bà Indira Gandhi, Thủ tướng của xứ này cũng đang hoạt động mạnh để củng cố hàng ngũ phe cánh ủng hộ bà trong đảng Quốc Đại.

Trong khi đó ông Ferdinand Marcos đã tái đắc cử Tổng-thống nhiệm kỳ 2 tại Phi-luật-tân. Nhưng dù được tái cử, ông Marcos cũng còn phải đối phó với nhiều vấn đề do cơ-cấu xã-hội Phi đặt ra.

## Tổng-thống Hoa-kỳ Nixon đi tìm hậu thuẫn :

Khi ông Nixon đắc cử Tổng-thống, nhiều phần tử chủ hòa đã tỏ vẻ thất vọng vì quá-trình hoạt động của ông đã chứng tỏ rằng ông không phải là một người chịu nhượng bộ phe Cộng-sản. Mười tháng sau khi lên cầm quyền, chính-sách Việt-Nam của ông đã khiến cho các giới chủ hòa phản chiến thất-vọng hơn. Thêm vào đó bài diễn-văn ngày 3-11 vừa qua của ông đã nêu rõ ý chí tiếp tục cuộc chiến cho tới khi nào đối phương nhượng bộ.

Phe chủ hòa đã tổ chức nhiều cuộc biểu tình phản chiến vĩ-dại trong tháng 10 và tháng 11 vừa qua. Vào giữa tháng 11 hơn 250.000 người đã biểu tình tại thủ-đô Hoa-thịnh-đốn. Một số người cũng đông đảo như vậy đã biểu tình

cùng một lúc tại San Francisco để đòi chính-phủ Mỹ chấm dứt chiến tranh. Tại Hoa-thịnh-đốn cuộc biểu tình phản chiến đã diễn ra trong trật-tự. Dưới sự hướng dẫn của Thượng Nghị-sĩ Eugene Mc Carthy và của Coretta King, góa phụ của cố mục-sư Luther King. Các người biểu tình đã rước đi ngoài đường 12 chiếc quan tài mang tên 40 000 chiến sĩ Mỹ tử trận tại Việt Nam và tên các làng Việt-Nam bị chiến tranh tàn phá. Tuy đông đảo nhưng cuộc biểu tình này không gây ra một sự đáng tiếc nào. Ngoài ra họ cũng không nhận được nhiều thiện cảm của dân chúng. Một nhóm người chống đối đã chặn các quan tài lại và đòi ghi tên 3.000 nạn nhân của Việt Cộng ở Huế vào dịp Tết Mậu-Thân. Một số khác đã cướp cờ Việt-Cộng của mấy người biểu tình và đem đi đốt.

Các cuộc biểu tình phản chiến ngoài ra lại còn gặp nhiều phản ứng khác của dân chúng. Các người tán thành đường lối của ông Nixon đã cố gắng xiết chặt hàng ngũ sau ông để ủng hộ chính sách Việt-Nam của ông. «Ngày Cựu chiến binh» được tổ chức ngay sau đó đã là một dịp để các người theo ông bày tỏ sự tán đồng đối với ông.

301 thượng nghị sĩ và dân biểu đã đưa ra một quyết định ủng hộ «những nỗ lực thương thuyết một nền hòa bình công chính» của Tổng thống Nixon.

Hơn nữa qua các cuộc bầu cử vừa rồi

đảng Cộng-hòa đã lượm được nhiều kết quả tốt đẹp Ông Linwood Holton đắc cử Thống đốc tiểu bang Virginie và đây là lần đầu tiên từ 84 năm, tiểu-bang này có một vị Thống đốc Cộng-hòa. Tại tiểu-bang New Jersey ông William T. Cahill đã vượt quá đối thủ của ông là Thống đốc Dân chủ mãn nhiệm hơn nửa triệu phiếu.

Với những sự ủng hộ của dân chúng, của khối «đa số thầm lặng» (Silent Majority) này, ông Nixon yên trí đề tiếp tục có một thái độ cứng rắn. Nhưng để giữ vững hậu thuẫn của đa số thầm lặng, ông Nixon phải tranh thủ thời gian tại Việt-Nam. Ông phải chứng minh được những thành công của chính sách thay quân ở Việt-Nam. Trong lãnh vực này ông Nixon cũng có nhiều lý do hài lòng: từ hai tháng nay số cộng sản qui chánh đã lên tới một số kỷ lục là 160 người mỗi ngày, quân đội Việt-Nam càng ngày càng tăng khả năng chiến đấu và tại Lào tướng Van Pao đã, trong vài tháng, giải phóng được Cánh đồng Chum và chiếm lại các căn cứ của Cộng sản Pathet Lao tại Muong Soui và Khieng Kouang.

Với những thành công của Hoa-kỳ đáng kể như vậy, phe cộng sản khó có hy vọng bắt Hoa-kỳ nhượng bộ thêm nữa Trước đây các người Cộng sản trông mong rất nhiều vào phong trào phản chiến tại Hoa-kỳ Giờ đây phong trào này đã tỏ ra bất lực trước thái độ cương quyết của ông Nixon. Cuộc hội đàm Ba-lê do đó đang bước sang một giai đoạn mới. Có lẽ cũng vì vậy mà ông H. Cabot Lodge đã từ chức và Tổng-thống Nixon không cử người thay thế mà chỉ-định ông Habib xử-lý thường-vụ. Người ta dự đoán rằng giai đoạn giằng co đã qua Ông Cabot

Lodge không còn đáp ứng với tình trạng mới nữa. Nhưng ông Nixon chỉ cử người thay thế khi biết được rõ thái độ của đối phương Ông sẽ cử một người cứng rắn nếu đối phương không nhượng bộ hay sẽ cử một người mềm dẻo hơn nếu đối phương có một thái độ tương-tự.

### Bà Indira Gandhi bị khai trừ khỏi Đảng Quốc-Đại

Từ 22 năm qua, sau khi Ấn-độ thu hồi được độc lập, đảng Quốc-Đại do ông Gandhi sáng lập đã liên tục giữ chính quyền. Ông Nehru, trong 17 năm tại chức vụ Thủ tướng, đã cố gắng phát triển Ấn-độ để đưa xứ này từ một xã hội cổ truyền lạc hậu tới một tình trạng tân tiến, thích hợp với tiến bộ của thế-kỷ thứ 20. Tuy nhiên các nỗ lực phát triển quốc-gia của ông Nehru không cho phép Ấn-độ tiến bộ nhanh vì ông muốn Ấn-độ phát triển mà vẫn giữ được cá tính, vẫn bảo vệ được nền văn minh độc đáo của mình. Hơn nữa ông Nehru không muốn áp dụng phương thức cộng-sản vì phương thức này chỉ có hậu quả là làm xáo trộn xã-hội Ấn-độ một cách vô ích.

Song song với các cố gắng kinh-tế tự do của Ấn-độ, Trung-Cộng quyết tâm dẫn thân vào đường lối cộng-sản, san bằng mọi hàng rào thành-kiến cổ-điển, mọi nọa lực. Cuộc «Cách-mạng Văn hóa» của Mao-Trạch-Đông là một bằng chứng cụ thể của phương pháp này

Vì vậy mà các quốc gia chậm tiến Á-châu cũng như Phi-châu luôn luôn theo dõi sự tiến triển của hai mẫu phát triển Ấn-độ và Trung-Cộng. Một nước đại diện cho thuyết kinh-tế tự-do, một nước đại-dien cho thuyết cộng sản.

Vì muốn tôn trọng tự do cá nhân, cố gắng kinh tế của Ấn-độ vấp phải nhiều nạn lực mà Thủ-tướng Nehru ngay trước và con gái ông là bà Indira Gandhi ngày nay cố gắng vượt qua.

Nhưng hiện thời bà Indira Gandhi gặp phải một trở ngại đáng kể ở ngay trong đảng Quốc Đại của bà. Khi ông Shastri đột nhiên từ trần tại hội nghị Tackkent vào tháng 1-1966, các lãnh-tụ lão thành của Đảng Quốc-Đại không thỏa thuận được với nhau đề đưa người thay thế, nên đã nghi tới bà Indira Gandhi mà họ coi là một công cụ trong tay họ.

Nhưng sự thật khác hẳn. Bà Indira Gandhi đã tỏ ra là một người hết sức cương quyết. Trước những khó khăn kinh tế trong nước, bà đã cố gắng xã-hội-hóa Ấn-độ để có thể tiến được nhanh hơn. Khi bà quyết định quốc-hữu-hóa ngân-hàng Ấn-độ bà gặp phải sức chống đối của chính các lãnh tụ lão - thành đã đưa bà ra nắm chính quyền. Họ đã phản ứng lại bằng cách đưa ra một ứng cử viên Tổng thống về phe họ, để ngăn chặn hoạt động của bà. Nhưng bà lại phản công bằng cách đưa người của bà là ông V.V. Giri ra tranh cử Ông Giri đắc cử Tổng-thống nhưng các lãnh tụ lão thành bảo thủ mà người ta gọi là "nhóm nghiệp-đoàn" (Syndicate) đã đi tới biện pháp quyết liệt là khai trừ bà ra khỏi hàng ngũ đảng Quốc-Đại.

Tại Quốc-hội Ấn-độ hiện thời có 434 nghị sĩ thuộc đảng Quốc Đại, thì 333 nghị sĩ đã ủng hộ bà, và khoảng 100 nghị sĩ theo nhóm nghiệp đoàn do ông Nijalingappa làm lãnh tụ. Dân chúng đã rầm rộ biểu tình ủng hộ bà Indira Gandhi. Để đối phó với mưu tính lật đổ bà của nhóm nghiệp đoàn, bà Gandhi phải dựa vào các

đảng tả phái và để giữ quân bình, bà cũng mời cả các đảng cực hữu cộng tác với bà nữa. Hiện thời bà Gandhi đang thắng thế vì Hội-đồng đảng Quốc Đại nhóm họp sẽ quyết định thay thế ông Nijalingappa trong chức vụ Chủ-tịch đảng và đồng thời xác nhận hậu thuẫn cho bà Gandhi.

Những sự lúng củng nội bộ của đảng Quốc Đại có thể có nhiều hậu quả nguy hại tới đời sống chính trị ở Ấn-độ. Nếu vì các sự lúng củng này mà Đảng Quốc Đại không còn đa số tuyệt đối ở Quốc hội nữa thì Ấn-độ sẽ mở màn cho một tình thế chính trị bất ổn mà kẻ hưởng lợi sẽ chính là đảng Cộng sản Ấn.

### Tổng thống Phi luật tân Ferdinand Marcos được tái cử

Lần đầu tiên trong lịch sử Phi Luật Tân một vị Tổng thống được tái cử Ông Ferdinand Marcos Tổng thống mãn nhiệm đã thắng đối thủ của ông là Thượng nghị sĩ Sergio Osmena Jr. Theo đúng truyền thống Phi Luật Tân mỗi khi có bầu cử Tổng thống là ứng cử viên thất cử không công nhận kết quả bầu cử. Kỳ này cũng vậy, ông Osmena tuyên bố là nền dân-chủ bị "cưỡng bức" tại Phi Luật Tân và cuộc bầu cử này hoàn toàn gian lận. Đảng Tự-do của ông Osmena còn tố cáo là ông Ông Marcos đã tiêu gần 170 triệu Mỹ kim để mua cử-tri.

Thật ra thì cuộc bầu cử nào tại Phi Luật Tân cũng đều gian lận. Lần này tính cách gian lận lại còn rõ rệt hơn nữa. Phái viên của báo Newsweek đã bắt gặp hai người võ trang bắt các nhân viên kiểm phiếu phải bỏ vào thùng phiếu các thăm mang tên Marcos. Một điều khôi hài là ông Marcos thật ra không cần phải dùng tới những phương-tiện trên,



Trong chức vụ Tổng-thống ông có ưu- thế để được đặc cử vì ông nắm công chức, nhân viên kiểm phiếu và hệ thống vô tuyến truyền hình. Ngoài ra bà Marcos, cựu hoa hậu Phi-luật-tân, là một người giúp ông hết sức đắc lực. Hơn nữa đối thủ của ông lại là một người có một quá khứ xấu xa vì đã cộng tác với quân đội chếm đóng Nhật trong khi ông Marcos lại là một nhà kháng chiến có công trong việc giải phóng lãnh thổ.

Với nhiệm kỳ được gia hạn thêm 4 năm nữa, những trách nhiệm nặng nề đang chờ đón ông Marcos. Thật vậy, nạn thất nghiệp lên tới 25% dân chúng. Với

một sinh xuất cao nhất thế giới (3,9%) Phi-Luật-Tân mỗi năm có thêm 400.000 miệng phải nuôi. Lợi tức quốc gia được phân phối một cách bất đồng đều. Trong khi 78% các gia đình trong nước kiếm được dưới 500 Mỹ kim một năm, thì 1% các gia đình đã kiếm tới trên 2500 Mỹ kim một năm. Nạn du đãng và các tội phạm gia tăng mạnh mẽ trong những năm qua. Vấn đề chính yếu cần phải được ông Marcos giải quyết trong 4 năm tới là thực hiện công bằng xã-hội vì trong một xã hội có tới 26 triệu dân mà người ta thấy chỉ vốn vẹn có 50 gia đình kiểm soát hết đời sống quốc gia.

TỪ TRÌ

## Kỳ thị địa phương (Tiếp theo trang 10)

TẠ-CHÍ ĐẠI-TRƯỜNG

từ các phòng lạnh sang trọng. Nhưng sự bột phát bất ngờ với tầm phát triển rộng lớn cũng gây bối rối cho chính quyền tiếp nhận.

Một số người mới quy tụ quanh anh em nhà họ Ngô tưởng được dịp để thanh toán thực dân Pháp cùng những rơi rớt của nó : Chính quyền quân sự ở Saigòn, các chính quyền giáo phái phong kiến ở các tỉnh Miền Nam .. Nhưng 9,10 năm sau ngày được dựng lên, chính quyền « quốc gia » núp sau lưng quân đội viễn chinh Pháp cho tới hồi đó, chỉ tạo nên một tầng lớp cán bộ rác rưởi đáng hồ thẹn. Đem những cộng rác này mà quét rác phong kiến miền Nam thì còn gì khôi hài hơn ? Giáo phái

chống lại như ta đã thấy và thất bại, như tình thế bắt buộc. Người Pháp không thể ở lại. Chiến tranh giải phóng Algérie đã bắt đầu lần nữa với kinh nghiệm Việt Nam Dựa trên một thế lực mới, anh em họ Ngô ráo riết săn đuổi giáo phái. Như vậy là sau khi những người cộng thiện cảm với kháng chiến phải im tiếng, một thành phần lớn quần chúng của miền Nam ở bên phe quốc gia phải chịu lùi vào thế bất hợp pháp. Tuy còn cố níu lấy ông Đốc phủ sứ Nguyễn ngọc Thơ, chế độ Diệm đã không còn tính chất quần chúng miền Nam chút nào.

(Còn tiếp)

TẠ-CHÍ ĐẠI-TRƯỜNG

## Sách báo mới

Tạp chí Bách-Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách báo sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc.

— **Tìm hiểu nước Mỹ** của Lý Chánh Trung, do Nguyễn Du xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 148 trang gồm 3 bài nghiên cứu và phê bình nước Mỹ ngày nay về các khía cạnh kinh tế (sự thách đố của người Mỹ) chính trị (cuộc Cách mạng của nhà giàu) và xã hội (vấn đề người Mỹ da đen). Giá 120đ.

— **Thân phận trí thức** (dưới nhãn quan chính trị) của Vũ Tài Lục do Việt Chiến xuất bản và gửi tặng. Sách dày 30 trang, nghị luận sáng sủa, khúc chiết, sát thời cuộc, gồm 9 chương chia làm 2 phần: Thân phận và Vận động. Giá 240đ.

— **Tâm thức luyện ái** (Tác phẩm phân tâm học viết về tình yêu), nguyên tác «The art of loving» của Erich Fromm, bản dịch của Tuệ Sỹ, do Ca dao xuất bản và gửi tặng. Sách dày 214 trang. Giá 140đ.

— **Đi vào cõi thơ** (Cuốn một) của Bùi Giáng do Ca dao xuất bản và gửi tặng. Sách dày 134 trang đề cập trên 40 nhà thơ từ tu sĩ Tuệ Sỹ, đến ni cô Trí Hải, từ Huy Cận, Nguyễn Du đến Nguyễn Thị Hoàng, Nhã Ca... Giá 110đ.

— **Châu Mỹ La-tanh giữa Gấu và Diều hâu** nguyên tác của Salvador de Madaraga, Bản Việt-văn dịch theo «L'Amérique Latine entre l'ours et l'aigle» của Đỗ Vũ, Vương Các, Nhất Huy, Ngọc Phong, Nguyễn Huy Đạt do Thái độ xuất bản và gửi tặng. Sách dày

290 trang gồm 6 chương. Bản đặc biệt. Giá 230đ.

— **Nét gầy và Mây** tập thơ của Nguyễn Hoàng Thu do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày 94 trang gồm trên năm chục bài thơ. Giá 80đ.

— **Lâu đài thần tiên** truyện thiếu nhi của Mai-Hương, kể theo Helena Zakrzewska, do Anh-Huy xuất bản trong Tủ sách Tuổi Hoa và gửi tặng. Sách dày 10 trang hợp với tuổi thơ, trình bày đẹp. Bản đặc biệt. Giá 40đ.

— **Le mythe indien de l'Homme cosmique dans son contexte culturel et dans son évolution**, tiểu luận của Hoàng Sơn Hoàng Sỹ Quý, in trong «Tập san lịch sử các tôn giáo» (Revue de l'Histoire des Religions P.U.F.) số tháng 4-6/1969, dày 22 trang, do tác giả gửi tặng.

— **Hiện diện** tạp-chí văn-học nghệ-thuật số 1 tháng 12 năm 1969, Tòa soạn: 153 Lê Thánh Tôn, Tuy Hòa. Trần Huiễn Ân và Phan Việt Thủy trông nom bài vở. Mỗi số, khổ 14 x 21, dày trên 90 trang gồm những bài tiểu luận, thơ và truyện của nhiều cây bút quen thuộc: Hoàng đình Huy Quan, Mang Viên Long, Trần Hoài Thư, Thành Tôn, Võ Hồng vv... Giá 40đ.

— **Tâm tình hiến dâng** nguyên tác «The Gardener» của R. Tagore, bản dịch của Đỗ Khánh Hoan do An-tiêm xuất bản và gửi tặng. Sách dày 100 trang. Giá 60đ.

— **Sa mạc phát tiết** tập thơ của Bùi Giáng do An Tiêm xuất bản và gửi tặng. Sách dày 238 trang gồm trên 230 bài thơ. Giá 180đ.

## **TÂM THU KHÚC**

*Gió lạnh đã mềm  
Nắng cùng bước êm  
Nao nao lá rụng  
Mờ sương áo xiêm  
Thu ngồi hong tóc  
Phố xưa lá thềm  
Phơi lòng ngậy dại  
Tuổi thu mười hai  
Hồn chưa ai hái  
Nhìn thu nào hay  
Có thu bây giờ  
Uá từng canh mơ  
Vàng từng đêm nhớ  
Đời thu ban sơ.*

## **THU**

*Đưa thu vào tóc  
Những đời thu qua  
Đầu xanh sớm bạc  
Lá phơi vườn ma.*

## **SANG THU**

*Ai không buồn lá  
Trong thu bước về  
Giọng người âu ca  
Lúa vàng ruộng mạ  
Tay nào nắng ngù  
Ngực nào thấp hoa  
Đường xa bụi hồng  
Khách nghe gót nhớ  
Chờ trời thu qua.*

## **KHÓI SÓNG**

*Mười năm mộng cũ  
Mười phương mây trắng  
Lặng ngắt núi sông  
Vỡ hồn tang bồng  
Em còn cui cút  
Vườn vải hái bông ?  
Đừng trông đừng trông  
Trăm năm khói sóng.*

## **ÉN LIỆNG**

*Em qua đời sim  
Trái sim vừa chín  
Hết mùa chinh chiến  
Em dạo hái sim  
Anh mãi đuổi theo  
Mừng con én liệng  
Lầu không trăng im.*

## **NHÂN GAIN**

*In trong đồng sương  
Những dấu chân nhỏ  
Em qua đời nương  
Trời mây muốn đỏ  
Không còn không còn.*

## **NHẬT NGUYỆT SÀU**

*Nguyệt tỏ nguyệt đỏ  
Ồ hay trời đất  
Khởi sầu thật to.*

## THỜI SỰ KHOA-HỌC

### Giải Nobel về Vật-lý và Hóa học

Cũng như giải Nobel về Y khoa, năm nay giải Nobel về Vật-lý lại được Hàn lâm viện Thụy-điền trao tặng cho một nhà bác học người Mỹ : giáo sư Murray Gell-Mann thuộc Viện Kỹ-thuật Caltech.

Gell-Mann vào Đại học Yale năm 15 tuổi và vào lúc tuổi 24 đã là một nhà vật-lý-học thuần lý. Khoảng thời-gian đó là lúc nền tảng của khoa vật-lý nguyên tử bị lung lay vì sự xuất hiện của những cơ-cấu siêu nguyên-tử. Nguyên-tử hết còn là phần-tử nhỏ nhất bất-khả-phân cấu tạo nên vật-chất nữa. Đến lượt nó, nguyên-tử cũng được khám phá ra là do những mảnh vật-chất có một đời sống cực kỳ ngắn ngủi tạo thành. Các mảnh vật-chất mới lạ này có vẻ đông đảo, và chưa có nhà bác học nào xác định được rõ ràng bản chất của chúng. Gell-Mann tìm ra lý-thuyết của Vật lạ (Theory of Strangeness), trong đó ông xác định mỗi mảnh vật chất bằng chính khoảng đời sống ngắn ngủi đặc sắc của nó. Lý-thuyết của ông cho thấy được mối liên-lạc giữa các mảnh vật-chất và tác dụng hỗ tương giữa chúng với nhau.

Sau đó, cùng với Yuval Ne' eman, một nhà vật-lý-học gốc Do thái, hai ông lập nên một thuyết mới, thuyết «Con đường gấp tám» (the eight fold way). Các mảnh vật chất được xếp thành từng nhóm 8 hoặc 10 loại, và Gell Mann dùng bảng phân loại của ông để thử xác định nốt

các mảnh vật chất chưa được tìm ra lúc bấy giờ. Năm 1964, một mảnh vật chất bằng mà ông đã mô tả trước, căn cứ theo phân loại của mình, đã được tìm ra : hạt omega-âm (omega-minus)  $\Omega^-$ . Ông hoàn tất được bốn nhóm hạt vật chất gồm ba nhóm 8 hạt và một nhóm 10 hạt.

Cùng với George Zweig, ông tiếp tục đi sâu hơn vào những cơ cấu tiềm ẩn bên trong mỗi nguyên tử. Ông đưa ra một lý thuyết cách mạng, nhằm tìm 3 mảnh vật chất căn bản, mà sự thay đổi trong cách sắp xếp của chúng tạo nên những phần tử khác. Gell Mann gọi đó là 3 mảnh quark (danh từ quark ông lấy từ nhan đề cuốn «Three quarks for Muster Mark!» của James Joyce) Ba mảnh quark của Gell Mann đã tạo nên proton, neutron, pion, và hyperon, là những đơn vị cấu tạo nên một nguyên tử mà chúng ta thường nghe đến. 3 mảnh quark của Gell Mann rất giống với 3 hạt proton, hyperon neutron và hyperon lambda của Sakata, một nhà bác học người Nhật cũng đồng thời chú tâm đến vấn đề này như ông. Trong ba mảnh quark, một mảnh ổn định có điện tích  $+2/3$  còn hai mảnh kia có điện tích đều là  $-1/3$ . 1 proton cổ điển trước kia do đó sẽ gồm 2 mảnh ổn định và 1 mảnh  $-1/3$ , có điện tích là  $+1$ . 1 neutron có điện tích trung hòa nên sẽ do 2 mảnh  $-1/3$ , và một mảnh ổn định tạo nên.

Thoạt tiên 3 mảnh quark của Gell-Mann chỉ là một giả thuyết thuần lý, chỉ

có trong các phương trình toán học. Nhưng gần đây, một nhà khảo cứu người Úc đã tuyên bố tìm thấy chúng trong các nguyên tử của bầu khí quyển bị các tia vũ-trụ-tuyến phá vỡ.

Dù 3 mảnh quark có được tìm thấy hay không, công trình của Gell-Mann cũng đã là một đóng góp lớn lao vào vốn hiểu biết của chúng ta về vật chất.

### Do-thái và phép lạ

Thế giới chưa hết ngạc nhiên và thán phục khi thấy một nước Do-thái tí hon đã đánh bại anh khổng-lồ Ai-cập. Chiến thắng ngoạn-mục đó rất gần với hình ảnh của một David và một Goliath.

Ngày mà những quả bom do những phi cơ Do-thái ném xuống trúng đích một cách kỳ diệu, dư luận đã cho là Do-thái có khí giới bí-mật. Chuyện đó không chắc là đã có thật, nhưng chắc chắn là một phần do công lao của cơ quan tình báo Do-thái.

Đạn được dùng trong cuộc chiến hầu hết đều được sản xuất ngay tại Do-thái. Và ngày nay nước này có dư khả năng để chế tạo vũ khí nguyên tử.

Nhưng người ta chỉ chú ý tới khả năng quân sự của Do-thái mà không để ý đến những khía cạnh khác. Chính ở những khía cạnh này, người ta mới thấy nhiều bằng cứ của một phép màu. Phép màu này đã biến bãi sa mạc cháy bỏng thành ruộng lúa phì nhiêu. Giống lúa đặc biệt này là kết quả của những công trình khổ nhọc của các chuyên-viên Do-

thái trong Trung-tâm Weizmann, nơi tập trung các đầu óc tinh-hoa nhất nước, nằm ngay giữa một bãi sa mạc.

Nơi đây là nơi sản xuất chất "dưỡng khí nặng" nhiều nhất thế-giới. Chất dưỡng khí phóng-xạ này được cung cấp cho các phòng thí nghiệm Sinh-vật-học. Một loại ống tí hon có từ-tính có thể hút sâu vào bất cứ nơi nào trong cơ thể con người, loại ống này có những ứng dụng lớn lao về mặt y-học. Và cũng tại nơi đây, Aaron Katchalsky, nhà sinh-vật-lý nổi tiếng của thế-giới đang thực-hiện thí-nghiệm dùng những thợ cơ nhân-tạo để tạo nên hiện-tượng biến chuyển từ hóa năng sang cơ-năng của bắp thịt. Giới Y-học đang theo dõi thí nghiệm quan trọng này.

Người Do-thái vẫn tin tưởng là phép lạ đến từ sự khổ công cực-nhọc chứ không phải từ trong Thánh-kinh.

### Christian Barnard : thay vợ

C. Barnard, nhà giải phẫu đã thay tim cho thân chủ của ông ta đầu tiên trên thế giới, chính ông lần này thấy cần thay cho chính mình... một cô vợ mới.

C. Barnard ly dị với vợ sau 21 năm chung sống. Năm nay ông 47 tuổi và cưới cô Barbara Zoelner, 19 tuổi. Ngay hôm trước lễ đính hôn, khi được phỏng vấn, Barbara còn cho Barnard là già đáng tuổi bố của cô.

Ngày hôm sau, cô nhận thấy là trái tim của ông "bố" vẫn còn tốt lắm.

## Apollo 12

Vào một ngày giông-bão, phi thuyền Apollo 12 đã được phóng đi tại giàn phóng 30B ở mũi Kennedy, chờ theo 3

phi hành gia, niềm hãnh diện của dân tộc Mỹ và tham vọng vô bờ của loài người.

Nếu Apollo 11 có một giá trị lịch sử thì Apollo 12 lại có một sứ mệnh thực tế hơn: những điều mà nó mang về lần này chắc chắn sẽ giúp cho các nhà bác học những yếu tố xác định cho rất nhiều giả thuyết về rất nhiều vấn đề bao quanh Chặng Hằng.

### Lịch trình của Apollo 12

Apollo 12 được phóng đi ngày thứ sáu 14-11, vào lúc 16g23 giờ quốc tế.

— 2g 47 ph sau, Apollo khai hỏa lần thứ 2, nâng tốc lực của phi thuyền từ 17 400 m/phút lên 24.100 m/phút tách rời quỹ đạo trái đất để bắt đầu trực chỉ Nguyệt cầu.

— 31ph sau nữa, phi thuyền đổ bộ mang tên Intrepid tách rời khỏi hỏa tiễn và quay ngược đầu trở lại.

Ngày 15-11 và 16-11 là những ngày mà các phi hành gia nghỉ ngơi và điều chỉnh đường bay. 22g52ph ngày 17-11 thì Apollo 12 đã vào sâu trong vùng ảnh hưởng của Nguyệt cầu và vào quỹ đạo.

Ngày 18-11 là ngày điều chỉnh đường bay để đổi quỹ đạo, kiểm soát máy móc để sửa soạn cho cuộc đổ bộ vào hôm sau.

Ba phi hành gia của Apollo 12 là Conrad Jr, Bean và Gordon... Ngày 19-11, Gordon giữ nhiệm vụ lái phi thuyền mẹ Yankee Clipper trong lúc Bean và Conrad chuẩn bị cho phi thuyền con (nguyệt xa) Intrepid tách rời phi thuyền mẹ và vào 4g51 phút thì Intrepid thực sự tách rời.

Bean cho Intrepid bay vào quỹ đạo hình bầu dục với điểm thấp nhất chỉ cách mặt Nguyệt cầu 15km. Vào lúc Intrepid tới điểm này, Bean cho khai hỏa, tách Intrepid ra khỏi quỹ đạo, đáp xuống mặt Nguyệt cầu lúc 6g58ph.

Sau đó Bean và Conrad nghỉ ngơi và dùng bữa trong phi thuyền đổ bộ, lúc đó đã đậu trên mặt Nguyệt cầu trong vùng Biển Bão tố (Sea of Storms). Một cuộc truyền hình được đưa về trái đất cho thấy khung cảnh lồng quất của nơi đổ bộ nhìn từ cửa sổ của phi thuyền.

— 11g03ph Conrad đặt chân xuống mặt Nguyệt cầu, trở thành người thứ ba của nhân loại đến thăm một hành tinh xa lạ. Lúc này, máy truyền hình m u bị ngưng hoạt động trong hơn 20ph. Hơn nửa giờ sau đó, 11g38ph, Bean cũng bước xuống mặt Nguyệt cầu làm bạn với Conrad.

Conrad và Bean nhặt đá, chụp hình mỗi viên đá trước và sau khi nhặt, đặt các dụng cụ khoa học... trước khi trở về phi thuyền vào lúc 14g18ph.

Hôm sau, ngày 20-11, hai phi hành gia thám hiểm Nguyệt cầu lần thứ nhì. Họ cũng tiến tới chỗ xác chiếc Surveyor 3 đã đáp xuống từ năm 1967, tháo gỡ một vài bộ phận và mang về.

8g53ph Conrad trở về phi thuyền, chấm dứt hoạt động của hai phi-hành-gia trên mặt Nguyệt-cầu, sau 31 giờ 30ph hoạt động.

14g 28ph Intrepid khai hỏa trở lại quỹ đạo Nguyệt cầu tìm cách gặp phi thuyền mẹ do Gordon điều khiển.

18g03 : Cuộc ráp nối giữa mẹ và con hoàn tất lúc cả hai bay sau lưng Nguyệt cầu và mất hẳn liên lạc với trái đất. Bean và Conrad bỏ trở lại gặp Gordon trong phi thuyền Clipper. Lúc này phi thuyền đổ bộ Intrepid đã trở thành vô dụng và được tách rời khỏi phi thuyền mẹ, để sau đó 6 giờ sẽ bị hút rơi trở lại xuống mặt Nguyệt cầu.

Ngày 21-11 phi thuyền Clipper khai hỏa rời quỹ đạo Nguyệt cầu bay về trái đất và ngày 24-11 Apollo 12 hạ xuống gần đảo Samoa, ở phía Nam Thái-bình-dương bằng 3 chiếc dù không lồ maucam.

Như vậy, Apollo 12 đã ở trong không gian 10 ngày 4 giờ 4 phút.

### Sơ lược về 3 phi hành gia của Apollo 12

*Charles Conrad Jr.* 39 tuổi, sĩ quan hải quân. Thích đua xe hơi, đua thuyền và lái phản lực cơ. Vừa tốt nghiệp Đại học Princeton ông xin gia nhập vào hải quân ngay. Được tuyển vào đoàn phi-hành-gia Mỹ từ 1962. Conrad là người nhỏ con nhất so với các bạn đồng nghiệp.

Năm 1965, cùng với Cooper điều khiển chuyến bay Gemini 5 ở trong quỹ đạo hơn 8 ngày. Một năm sau đó tham dự chuyến bay Gemini 11 lâu 3 ngày.

Conrad đã lập gia đình và có 4 con

*Alan L. Bean* 37 tuổi, sĩ quan hải quân. Apollo 12 là chuyến phi hành đầu tiên. Gia nhập hải quân từ lúc 17 tuổi và theo học trường Đại học Texas 1 lập gia đình từ năm 1955 và hiện có 2 con.

*Richard F. Gordon* 40 tuổi, sĩ quan hải quân Ông là người nhiều con nhất trong số các phi-hành-gia : 6 đứa. Năm 1966 đã cùng với Conrad điều khiển Gemini 11.

### Các dụng cụ khoa học của Apollo 12

Các dụng cụ mà Apollo 12 đã để lại trên Nguyệt cầu gọi chung là ALSEP (Apollo Lunar Surface Experiments Package) được đặt chung quanh một khoảng đất nhỏ và tất cả được nối liền với một máy trung ương đặt ở chính giữa.

Máy này sẽ nhận mọi tín hiệu từ các máy đặc biệt kia và từ đó chuyển về trái đất.

*PS (Passive Seismometer)* là một loại địa-chấn-kế, tương tự như của Apollo 11, nhưng tinh vi hơn nhiều. Nó có thể thu nhận mọi chấn động từ một vụ động đất đến những chấn động do văng thạch gây nên và phân biệt được những chấn động đó.

*LSM (Lunar Surface Magnetometer)* dùng để đo cường độ và chiều hướng của từ-trường Nguyệt cầu.

*SWS (Solar Wind Spectrometer)* ghi nhận hướng và đo năng lượng của những phần tử mang điện-tích trong luồng gió mặt trời (Gió mặt trời gồm rất nhiều những phần tử như : electrons, protons và những phần tử mang điện-tích khác).

*LID (Lunar Ionosphere Detector)* dùng để đo mật độ và mức năng lượng của những phần tử mang điện-tích dương phát xuất từ gió mặt trời hoặc từ đất đá Nguyệt cầu bốc hơi lên.

*LAD (Lunar Atmosphere Detector)* hoạt động chung với máy LID dùng xác định tất cả thành phần cấu tạo của bầu khí quyển Nguyệt cầu.

### Sự khác biệt giữa Apollo 11 và Apollo 12

Một trong những mục tiêu của Apollo 12 là cố đến gần Surveyor-3. Phi thuyền không người lái đã được phóng đi 2 năm trước đây. Một sự chính xác không ngờ là Apollo 12 đã đáp xuống cách Surveyor 3 trong vòng mấy chục thước và từ đó Conrad và Bean có thể di chuyển dễ dàng đến đó được

Trong chuyến bay Apollo 11, Aldrin và Armstrong không được phép rời xa

Eagle quá 10m. Máy móc cũng đặt quá gần phi thuyền cho nên lúc khai hỏa trở về, sức đẩy của nguyệt-xa Eagle làm cho các máy móc để lại ở Nguyệt cầu bị hư hại phần nào. Lần này Conrad và Bean có thể ở lâu bên ngoài tới gần 2 giờ 30ph mỗi chuyến và di chuyển ra xa hơn vài trăm thước. Hai phi hành gia không dám mạo hiểm đi xa hơn vì ngại lạc mất đường về. Họ tháo gỡ những bộ phận của Surveyor 3 đã bị sét rí, chụp hình chỗ chân Surveyor đã

lún xuống mặt đất và những lỗ do Surveyor đào cách đây 2 năm. So sánh những chi tiết đó với những chi tiết mà Surveyor đã tự động gửi về trước đây, người ta sẽ có những kết luận vô giá về hoạt động của mặt Nguyệt cầu trong suốt 2 năm.

Từ Apollo 11 tới Apollo 12 sự giao du giữa loài người và Chì Hằng mỗi lúc một thêm thân mật.

TỬ-DIỆP

## THỜI-SỰ VĂN-NGHỆ

### Tai họa đến với A. Soljenitsyne

Hiệp hội nhà văn xô viết đã khai trừ Alexander Soljenitsyne hôm 12-11-69. Quyết định trên đây được loan báo trong một thông cáo dài 250 chữ, đăng trên tạp chí Literaturnaya gazeta.

A. Soljenitsyne là nhà văn đã nổi tiếng ngay khi xuất bản tác phẩm đầu tay: *Một ngày của Ivan Denisovitch*. Cuốn truyện mỏng này ra đời trong thời kỳ băng rã của Krustchev. Sau đó băng lại đóng cứng, và Soljenitsyne không được phép xuất bản tại Nga xô nữa. Nhưng chính vào lúc này, uy tín của ông càng ngẩng càng lớn, và tác phẩm của ông càng ngẩng càng được hâm mộ. Hiệp hội nhà văn xô-viết làm khó dễ ông, nhà cầm quyền Nga xô cấm sách ông, nhưng độc giả trong nước thì chép tay, đánh máy, in ronéo các tác phẩm của ông; và một tổ chức đã bí mật chuyển bản thảo ra nước ngoài đề xuất bản *Le premier cercle* và *Le pavillon can éreux* đã ra mắt độc giả Nga-xô và độc giả các nước trên thế giới theo lối ấy.

Nhiều nhà văn Nga, trong số đó có thi sĩ E. Evtouchenko đã ca tụng Soljenitsyne

như tiểu thuyết gia lớn nhất của Nga-xô hiện đại.

Tiểu thuyết gia ấy đã không mô tả nước Nga bằng màu hồng, lại cũng không ngăn cản việc các tác phẩm của ông ra đời ở ngoại quốc. Vì thế ông bị Hiệp hội nhà văn xô-viết trục xuất.

Biết quyết định này, A Soljenitsyne liền gửi thư cực lực phản kháng hành động «ô nhục» của Hiệp hội: kết tội một hội viên vắng mặt, không đề cho đương sự tự bào chữa.

Tiếp theo A. Soljenitsyne, có tin bốn nhà văn tên tuổi của Nga đã đến tận Hiệp-hội để phản đối kịch liệt, và tám nhà văn Nga khác nữa đã gửi thư phản đối Hiệp-hội.

### Thắng lợi của J. Galbraith

Hơn sáu mươi tuổi già rồi, bây giờ ông John Galbraith bắt đầu viết tiểu thuyết. Ông ta viết thứ tiểu thuyết cà rờn.

Ông kể rằng ngày xưa ngày xưa Ngũ giác đài có ủng hộ một nhà độc tài ở một nước Cộng hòa sản xuất chuối tại Nam Mỹ. Nhà độc tài tên là Martinez.



Martinez bị dân chúng lật đổ dễ dàng được tự do ăn chuối. Hoa-thị-h-đốn nghe tin, liền hoảng hốt, giao sự việc cho các tay gián điệp, cho các ông đại sứ, các tay trùm C.I.A các máy tính điện tử, cùng nhau ráo riết nghiên cứu. Kết quả cho biết : Dân chúng nước Cộng-hòa nọ ham tự do, ham ăn chuối v.v.. như thế là do một âm mưu cộng sản.

Cộng sản thì không thể tha thứ được. Hoa-kỳ bèn quyết định các biện pháp thường lệ : cúp viện trợ, tổ chức đảo chánh lật đổ chính quyền, đưa lên địa vị lãnh đạo đứa con trai của Martinez. Cậu này được học ở Đại-học Chicago bên xứ Hoa-kỳ, cậu tiếp thu đầy đủ lý tưởng dân chủ tự do ngay tại xứ Hoa-kỳ. Cậu về nước cầm quyền, mang dân chủ tự do ra thực thi Cậu thiết lập chính quyền nhân dân, cực tả. Một trường hợp Castro lại thành hình.

Sự thành công của Hoa kỳ hóa ra một thất bại.

Cuốn tiểu thuyết cà rờn của John Galbraith mang cái nhan-đề cũng cà rờn là : *Le triomphe*, bản tiếng Pháp do nhà Gallimard xuất bản, dày 281 trang

John Galbraith là một người danh tiếng ở Mỹ. Thiên hạ biết ông từ lâu, ít ra từ mười lăm năm nay ; và thiên hạ biết không phải lúc nào ông cũng bông lơn. Thoạt tiên, ông xuất hiện như một người đứng đắn thật đứng đắn. Ông là giáo sư Đại học, rồi quân sự cho T.T. Kennedy, rồi đại sứ tại Ấn-độ, rồi tác giả nhiều sách về kinh tế học đề cập toàn những vấn đề rộng đại : *L'ère de l'opulence, Le nouvel état industriel...*

Tại sao về chiều tự dưng ông đâm ra cà rờn ? Phải chăng sự viết lách hì hục nghiêm chỉnh đã không đưa đến "thắng lợi" nào ?

### Mối u tình của Maiakovski

Maiakovski là thi sĩ của buổi bình minh Cách mạng Nga, được nhà nước xô viết cho lệnh ca ngợi và vục một cái thành ra thi bá, thành ra thiên tài lớn lao bát

ngát nhất. Maiakovski đã tự tử năm 1930. Tự tử trong chế độ mà mình ca ngợi và đã ca ngợi mình.

Về mặt ái tình, Maiakovski cũng đã có một thái độ ngộ nghĩnh. Ông yêu cô vợ của Ossip Brik là người đã yêu mến ông và được ông yêu mến.

Lili Brik là chị của nữ sĩ Elsa Triolet (ở Pháp) là vợ của Ossip Brik Từ 1917 đến 1930 Maiakovski viết cho Lili 125 bức thư. Đại khái: 'Tôi hôn em, tôi buồn, tôi đã chết vì buồn, em viết thư cho tôi nhé, tôi chờ em cho đến khi chết, tôi chỉ sống với em, nếu em không viết thì tôi là một người đã chết rồi »

Maiakovsky, thi bá của cách mạng, ví mình như con chó con, nó khóc, nó cười, nó chết, nằm chổng bốn chân lên trời, chờ đợi một con mèo con, tức là Lili Brik, vợ một người bạn luôn luôn hết lòng che chở Maiakovski.

Tập *Lettres de Maïakovski à Lili Brik* cũng do Gallimard xuất bản.

### Tác phẩm ăn giải của Pierre Moustier

Giải Tiểu-thuyết của Hàn lâm viện Pháp quốc, hôm 30-10-69, đã cấp cho cuốn *La Paroi* của Pierre Moustier.

*La Paroi* là cuốn sách đã được giải Văn chương thể thao hồi năm ngoái (Grand prix de la littérature sportive).

Một tác phẩm được nhiều hội đồng giám khảo tra chuộng như thế hình như lại không được quần chúng độc giả và giới phê bình sẵn đón bao nhiêu.

### Giải Văn chương «Femina» và «Médicis» 1969 của Pháp

Giải văn chương «Femina» năm nay được tặng cho George Semprun và cuốn tiểu thuyết «La deuxième mort de Ramon Mercader» còn giải «Médicis» được tặng cho Helene Cixous về cuốn tiểu thuyết «Dedans».

TRĂNG HIÊN (tháng 10/69)

### Truyện ngắn, tân truyện tiểu thuyết (1)

Đề tài này đã được anh Bình Nguyên Lộc viết trên Bách Khoa cách đây 12 năm; nhân tháng rồi có một tờ báo văn nghệ đặt lại vấn đề nên anh phát triển bài cũ với nhiều ý nghĩ và nhận xét mới để bổ túc cho câu trả lời quá vắn tắt của anh trên tờ báo ấy.

Thật ra hai tiếng *truyện ngắn* phát khởi từ khi Tự Lực Văn đoàn thành lập, năm 1933 *Tiểu thuyết* thì sớm hơn, tiếng này du nhập sang ta từ Trung Quốc — và sau này — từ Tây phương. Tại Trung Hoa từ đời Chu họ đã dùng hai tiếng *tiểu thuyết* để chỉ, một câu chuyện bịa đặt, do óc tưởng tượng, có đầu có đuôi, kết luận tốt đẹp, song còn thô sơ, ngắn, rất ngắn, có khi viết ra chỉ độ mười giòng chữ, không hơn. Dần dần các nhà văn khai thác thêm chi tiết, trau chuốt cho bay bướm. Bên Pháp, *Conte*, trước thế-kỷ 19, nghĩa là truyện cổ tích, truyện kỳ như cổ tích của ta — sau này tiếng ấy còn dùng để chỉ thể truyện ngắn. Tiểu thuyết dài họ gọi là *Roman*. Song Tây phương vốn ưa tìm cái mới, ưa thay đổi, nên dùng một cái, họ dùng chữ *Nouvelle*. Về nội dung, *novelle* không ra truyện, có khi không đầu không đuôi, lơ lửng trong khi ta và Tàu vẫn tiếp tục sáng tác theo truyền thống cũ. Dần dần, tiếng *Nouvelle* được ta chú ý đến.

Kuân-Diệu trong một thiên truyện ngắn viết theo lối lơ lửng đó đã đặt tên là *Tiểu thuyết ngắn*, song không được ai theo. Nhóm Đoàn Phú Tứ thì gọi những truyện dài hơn truyện ngắn, là *Truyện dài*. Còn trong Nam, nhóm Sống của Thi-sĩ Đông-Hồ thì kêu là *Truyện vừa vừa*. Có người đặt là *Trung*

*thiên tiểu thuyết*, *Đoản thiên tiểu thuyết*. Năm 1945, báo Dân Quí gọi *Truyện mới*. Sau 1947, tiếng *Tân truyện* có vẻ được nhiều người ưa, có lẽ vì nó cũng lơ lửng như chữ *Nouvelle*, nó không có một nghĩa sáng tỏ. Tuy nhiên tất cả những tiếng mới trên, do nhóm này hay nhóm khác, hoặc do một cá nhân trong giới cầm bút tung ra vẫn không được hoan nghênh. Nó thế nào ấy, không ổn, trừ hai tiếng «Tân truyện» coi bộ khá hơn hết..

Đặc điểm của Tân truyện là không hạn chế số trang, không cần có một cốt truyện có đầu đuôi mạch lạc.

Nhưng trong lúc Âu-châu cầu kỳ rắc rối như thế thì tại Mỹ và cả Anh quốc, họ vẫn gọi truyện ngắn là *Short story* và tiểu thuyết là *Novel* như từ trước.

Cho đến nay hai tiếng *truyện ngắn* vẫn được mọi người dùng và biết đến

Dựa vào tiêu chuẩn nào để gọi cái này là truyện dài, cái kia là truyện ngắn, truyện vừa, ? Thật là khó mình định cho chính xác. Thôi thì tùy tiện vậy. Tuy nhiên, người ta vẫn dùng tiếng truyện dài để chỉ tiểu thuyết dài, có khi truyện đó ba, bốn trăm trang mà có khi cũng chỉ vừa vừa thôi, trăm rưỡi trang cũng gọi là truyện dài, không ai bắt bẻ.

Tại miền Nam, còn có một hình thức truyện bằng văn vần, được gọi là *thơ*; khi người ta nói: «Tôi đọc thơ Lục Vân Tiên» có nghĩa là người ta đọc truyện bằng văn vần vậy.

Và anh kết luận: chúng ta phải nghiêng mình trước số đông, cho dù số đông dùng chữ không chính xác đi chăng nữa!

MINH-QUÂN

(1) Đề tài do nhà văn Bình Nguyên Lộc nói chuyện hồi 10 giờ sáng Chủ nhật 23-11-69 tại trình đường trường Quốc gia Âm nhạc Saigon (Hội Bút viết tổ chức).